

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **9945** /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày **18** tháng **8** năm **2020**

V/v hồ sơ đề nghị xây dựng  
Nghị định về thủ tục hải quan  
đối với hàng hóa xuất khẩu,  
nhập khẩu được giao dịch qua  
thương mại điện tử

Kính gửi: Bộ Tư Pháp.

Ngày 27/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 431/QĐ-TTg phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, theo đó giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Nghị định trình Chính phủ ban hành về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử (thời gian trình Quý IV/2020).

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

Để có cơ sở trình Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp cho ý kiến thẩm định về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định.

Bộ Tài chính xin nhận lại ý kiến thẩm định của Quý Bộ trước ngày **01** tháng **09** năm 2020.

(Gửi kèm công văn: (i) Tờ trình Chính phủ; (ii) Báo cáo đánh giá tác động; (iii) Báo cáo thực trạng; (iv) Dự thảo Nghị định; (v) Bảng tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu, bản sao ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBTW Mặt trận Tổ quốc VN, VCCI và các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Nghị định).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ. *mm*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để b/c);
- Lưu: VT, TCHQ (06b). *mm*

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



*mm*  
**Vũ Thị Mai**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng Nghị định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Thương mại điện tử là xu hướng tất yếu trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam cũng như của các nước trên thế giới. Tuy nhiên, do tốc độ tăng trưởng cao của thương mại điện tử nên đòi hỏi các cơ chế chính sách quản lý phải thay đổi phù hợp với hoạt động của thương mại điện tử đặc biệt là thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Qua nghiên cứu, Bộ Tài chính nhận thấy việc xây dựng Nghị định quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử xuất phát từ các yêu cầu cơ bản sau:

**Một là**, thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 giao Bộ Tài chính: “Chủ trì xây dựng Nghị định trình Chính phủ ban hành về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử ...”

**Hai là**, yêu cầu từ sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử trên toàn thế giới và Việt Nam cũng không thể nằm ngoài sự phát triển này. Theo đánh giá của Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam tại báo cáo về Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam (EBI) trong 05 năm gần đây thì tốc độ tăng trưởng trung bình năm của Việt Nam từ 25-30%. Nếu Việt Nam vẫn duy trì mức độ tăng trưởng này thì quy mô thị trường thương mại điện tử Việt Nam năm 2025 đứng thứ ba Đông Nam Á sau Indonesia và Thái Lan. Với tốc độ tăng trưởng cao như trên cần thiết phải có những biện pháp quản lý mới phù hợp với hoạt động giao dịch thương mại điện tử qua biên giới. Các biện pháp quản lý của nhà nước phải đảm



bảo việc quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử nhưng không ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động thương mại điện tử qua biên giới.

**Ba là,** vướng mắc khi thực hiện thủ tục hải quan theo các quy định hiện hành. Theo quy định hiện hành thì đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử hay xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch theo phương thức truyền thống thủ tục hải quan được thực hiện giống nhau. Tuy nhiên, đặc điểm của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử là hàng hóa nhỏ lẻ, trị giá thấp, hàng hóa của cá nhân, thời gian giao dịch để mua bán hàng hóa đơn giản, nhanh chóng nên số lượng các lô hàng trị giá nhỏ tăng nhanh. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử khi thực hiện thủ tục hải quan gặp các vướng mắc như sau:

Về hồ sơ hải quan: Do hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, vì vậy, người mua hàng không cung cấp được chứng từ liên quan đến trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu xuất trình cho cơ quan hải quan khi thực hiện thủ tục hải quan, đặc biệt là các chứng từ nhằm chứng minh trị giá giao dịch của hàng hóa, cơ sở để cơ quan hải quan thực hiện tính thuế.

Về áp lực tốc độ thông quan hàng hóa: Do việc mua bán hàng hóa qua thương mại điện tử có xu hướng phát triển mạnh, vì vậy, số lượng các lô hàng nhỏ tăng nhanh, do đó, cơ quan hải quan cần có các biện pháp nhằm thúc đẩy quá trình thông quan hàng hóa.

Về thông tin đến trước của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa. Để áp dụng được quản lý rủi ro trong việc quyết định kiểm tra, giám sát hải quan thì cơ quan hải quan cần có thông tin trước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tuy nhiên, hiện nay cơ quan hải quan chưa có thông tin trước về hàng hóa nên không đủ cơ sở dữ liệu để đưa ra quyết định miễn kiểm tra đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có đủ thông tin.

Về quản lý chuyên ngành: Theo thống kê của Bộ Tài chính, hiện nay có 463 văn bản quy phạm pháp luật quy định về chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Qua rà soát các văn bản liên quan đến việc quản lý chuyên ngành nhận thấy các văn bản đều có quy định các trường hợp được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành nhưng không có văn bản nào quy định về việc miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được cá nhân mua với số lượng nhỏ. Vì vậy, đối với các cá nhân mua hàng số lượng nhỏ phục vụ mục đích cá nhân vẫn phải tuân thủ đầy đủ các quy định về việc cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo quy định. Trong khi đó, nhiều thủ tục cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành quy định về hồ sơ mà chỉ có tổ chức nhập khẩu, xuất khẩu số lượng lớn mới có thể có đầy đủ để cung cấp cho cơ quan quản lý chuyên ngành, điều này gây bức

xúc đối với các cá nhân thực hiện việc nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử.

**Bốn là**, yêu cầu từ công tác phòng ngừa, đấu tranh đối với hành vi buôn lậu hàng hóa qua biên giới đất liền.

Qua theo dõi, đánh giá thực trạng của hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam nhận thấy: cơ quan quản lý nhà nước chưa có một cơ chế riêng về quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nên khi thực hiện các thủ tục hải quan, thủ tục liên quan đến lĩnh vực quản lý của các Bộ ngành người mua hàng tại Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong việc nhận hàng hóa được mua từ nước ngoài. Vì vậy, hình thành nên một bộ phận thực hiện việc mua hộ hàng hóa trên websites và vận chuyển số hàng hóa này về Việt Nam theo các con đường không chính thống, đặc biệt là thâm lậu qua biên giới đường bộ gây khó khăn trong công tác đấu tranh đối với các hành vi gian lận thương mại.

Vì vậy, cần thiết phải có những quy định để kiểm soát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nhưng vẫn đảm bảo thuận lợi để người mua, người bán tự nguyện thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

**Năm là**, đảm bảo phù hợp thông lệ quốc tế và Hiệp định, Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết, tham gia.

Bộ Tài chính đã tham khảo ý kiến chuyên gia, kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, đồng thời rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia (Hiệp định EVFTA, CPTPP, ASEAN về thương mại điện tử) và đề xuất các quy định đảm bảo phù hợp với nguyên tắc và mục tiêu của các Hiệp định.

Vì vậy, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết phải xây dựng một Nghị định bao gồm các nội dung nhằm đảm bảo việc tháo gỡ các vướng mắc nêu trên.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### **1. Mục đích**

- Tạo hành lang pháp lý để các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện thủ tục hải quan chủ động, thuận lợi.

- Bảo đảm các nội dung quy định được rõ ràng, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế, là cơ sở để quy định thủ tục hải quan cũng như việc triển khai thực hiện được đơn giản, minh bạch, công khai, thuận tiện, thống nhất, phòng chống gian lận thương mại.

- Bảo đảm cạnh tranh công bằng, lành mạnh giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động thương mại điện tử.

## **2. Quan điểm xây dựng văn bản**

- Thể chế hóa các quan điểm và định hướng của Đảng trong việc phát triển và đổi mới trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.
- Đảm bảo tính toàn diện, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi các quy định hiện hành.
- Đảm bảo tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.
- Đảm bảo sự phù hợp với thông lệ quốc tế, với Công ước/ Hiệp định quốc tế Việt Nam đã ký kết, tham gia và các quy định pháp luật của Việt Nam.
- Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **3. Căn cứ pháp lý**

- Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;
- Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 11 năm 2017;
- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 6 tháng 4 năm 2016;
- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;
- Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;
- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

### III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng có thông tin về đơn hàng được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (sau đây gọi tắt là Hệ thống).

#### 2. Đối tượng áp dụng

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng.

- Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan.

- Đại lý làm thủ tục hải quan.

- Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

- Các tổ chức, cá nhân khác có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

- Cơ quan hải quan, công chức hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

### IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

#### 1. Chính sách 1: Quy định về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan

##### a. Mục tiêu

- Xây dựng được các quy định về Hệ thống đảm bảo việc triển khai xây dựng, vận hành Hệ thống.

- Tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan tổ chức, cá nhân thực hiện việc kết nối với Hệ thống; cơ quan quản lý nhà nước khai thác dữ liệu trên Hệ thống.

##### b. Nội dung chính sách

- Quy định về đối tượng tham gia Hệ thống;

- Quy định về chức năng của Hệ thống;

- Nguyên tắc vận hành của Hệ thống;

- Quản lý Hệ thống;

- Thẩm quyền và mức độ truy cập Hệ thống;

- Lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu;

- Đăng ký sử dụng, thu hồi tài khoản người sử dụng trên Hệ thống.

### **c. Giải pháp thực hiện, lý do lựa chọn giải pháp**

Xây dựng các quy định mới công khai, minh bạch để tổ chức, cá nhân tham gia vào Hệ thống quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc chia sẻ thông tin, quản lý thông tin, cho phép hay không cho phép cá nhân tổ chức tham gia vào Hệ thống quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử. Hệ thống này là một phần trong Hệ thống tổng thể chung của ngành Hải quan.

Hiện nay giao dịch thương mại điện tử được thực hiện trên các thiết bị điện tử, hệ thống phần mềm, ... vì vậy, để quản lý được hoạt động giao dịch thương mại điện tử cần có Hệ thống quản lý có thể kết nối với các thiết bị hiện đại, đảm bảo giao dịch thương mại điện tử được thuận lợi, tương thích và theo kịp với sự phát triển của công nghệ thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

**2. Chính sách 2:** Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử

#### **a. Mục tiêu**

Tạo cơ sở pháp lý để thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nhằm tạo thuận lợi, giảm thời gian thông quan hàng hóa.

#### **b. Nội dung chính sách**

- Quy định về nội dung thông tin, đơn vị cung cấp thông tin, nguyên tắc hình thức cung cấp thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Hồ sơ hải quan khi thực hiện thủ tục hải quan.

- Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

- Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất, hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập.

- Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ tại kho ngoại quan trước khi có đơn hàng giao dịch qua thương mại điện tử.

- Thủ tục nhập khẩu, xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài đối với hàng hóa đang lưu giữ tại kho ngoại quan (thủ tục khi đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan khi có đơn hàng giao dịch qua thương mại điện tử: đối với người mua hàng tại Việt Nam thì thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa, đối với đơn hàng mà người mua ở nước ngoài thì thực hiện thủ tục xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài).

### **c. Giải pháp thực hiện, lý do lựa chọn giải pháp**

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử cần được thực hiện đơn giản, nhanh chóng do thông tin về hàng hóa đã được gửi trước cho cơ quan hải quan.

**3. Chính sách 3:** Quy định về cách tính trị giá hải quan, thu nộp thuế, các chính sách về thuế

**a. Mục tiêu**

Thu đủ, thu đúng các khoản thuế theo quy định, đồng thời tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong việc cung cấp hồ sơ liên quan đến trị giá hải quan (căn cứ để tính thuế).

**b. Nội dung chính sách**

- Thủ tục thu nộp thuế, phí hải quan.

- Trị giá hải quan.

- Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền nộp thừa, ấn định thuế, thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

**c. Giải pháp thực hiện, lý do lựa chọn giải pháp**

Để đảm bảo thuận lợi cho người nộp thuế đồng thời vẫn thu đúng, thu đủ số thuế theo quy định cần có các quy định cụ thể về hình thức thu nộp thuế, hồ sơ chứng từ là căn cứ để xác định trị giá hải quan phù hợp với hình thức giao dịch thương mại điện tử. Đồng thời quy định các trường hợp được miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế, cách xử lý tiền thuế nộp thừa,... đảm bảo minh bạch, thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.

**4. Chính sách 4:** Quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

**a. Mục tiêu**

Tạo thuận lợi cho người mua, người bán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử là cá nhân mua bán với số lượng nhỏ, đồng thời vẫn kiểm soát được các loại hàng hóa phải có giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước vẫn đảm bảo việc kiểm soát các loại hàng hóa này.

**b. Nội dung chính sách**

Quy định một số đặc thù của việc kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- Quy định về tên hàng, số lượng được miễn theo năm của mỗi cá nhân thực hiện việc mua hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử (tên hàng, số lượng do các Bộ quản lý chuyên ngành đề xuất, Bộ Tài chính tổng hợp đưa vào Nghị định trình Chính phủ, cập nhật vào Hệ thống).



- Quy định về trị giá hải quan nhỏ hơn mức quy định trở xuống (dự kiến quy định từ 1 triệu đồng trở xuống) được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành (trừ kiểm dịch, văn hóa).

- Quy định về việc cập nhật kết quả kiểm tra chuyên ngành trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Quy định về các trường hợp đặc biệt như có cảnh báo an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây ô nhiễm môi trường,... thì dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra.

### **c. Giải pháp thực hiện, lý do lựa chọn giải pháp**

Bộ Tài chính nhận thấy có quá nhiều các văn bản quy định về việc miễn kiểm tra, thủ tục kiểm tra, loại hàng hóa phải kiểm tra. Tuy nhiên, đặc điểm của hàng hóa giao dịch thương mại điện tử là hàng hóa mua với số lượng nhỏ, chủ hàng là cá nhân, mục đích mua chỉ để sử dụng cho cá nhân, vì vậy cần tạo thuận lợi trong lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa: miễn kiểm tra chuyên ngành khi trị giá hải quan thấp; miễn kiểm tra chuyên ngành trong trường hợp mua số lượng nhỏ (số lượng và tên hàng miễn do cơ quan quản lý chuyên ngành đề xuất); cập nhật kết quả kịp thời trên Hệ thống đảm bảo tốc độ thông quan nhanh.

Với các giải pháp trên đảm bảo cơ quan quản lý chuyên ngành vẫn kiểm soát được hàng hóa, đồng thời thời gian thông quan hàng hóa nhanh chóng, người mua thuận lợi khi thực hiện mua hàng sử dụng cho cá nhân.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO**

### **1. Nguồn nhân lực:**

- Cán bộ, công chức thuộc các Bộ, ngành liên quan đến việc kiểm tra chuyên ngành, thanh toán quốc tế,..

- Cán bộ, công chức hải quan công tác tại Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các Chi cục hải quan.

Nguồn nhân lực bảo đảm không tăng tổ chức, biên chế nhằm thống nhất thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

**2. Nguồn tài chính:** Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi đề nghị xây dựng Nghị định được thông qua, Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cụ thể trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

+ Chi phí xây dựng Nghị định;

+) Chi phí tuyên truyền, phổ biến nội dung của dự thảo Nghị định và Nghị định, tổ chức tập huấn chuyên sâu cho doanh nghiệp và các tổ chức tham gia Hệ thống.

## **VI. DỰ KIẾN THỜI GIAN TRÌNH**

Bộ Tài chính dự kiến trình Chính phủ dự thảo Nghị định tháng 12 năm 2020.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCHQ (3b).

**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh Tiến Dũng**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH****Đề nghị xây dựng Nghị định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, theo đó, giao Bộ Tài chính thực hiện xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Để đáp ứng yêu cầu của Luật ban hành văn bản, Bộ Tài chính báo cáo đánh giá tác động sơ bộ một số nội dung đề nghị xây dựng Nghị định như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN****1.1. Bối cảnh xây dựng chính sách về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử**

Thương mại điện tử là xu hướng tất yếu trong giai đoạn phát triển công nghiệp lần thứ tư (cách mạng 4.0) của các nước trên thế giới và Việt Nam không thể đứng bên ngoài sự phát triển này.

Theo các số liệu thống kê, thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đóng góp 21% doanh thu tổng thương mại điện tử toàn cầu và tạo ra nhiều lợi ích cho cả người mua và người bán. Năm 2018 có 1,6 tỷ người trên toàn cầu mua sắm trực tuyến, năm 2019 kinh doanh thương mại điện tử toàn cầu ước tính 3,4 nghìn tỷ USD và con số này tăng lên 4,06 nghìn tỷ USD trong năm 2020.

Thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới, do vậy, các tổ chức quốc tế không thể đứng ngoài cuộc trong việc nghiên cứu đưa ra các khái niệm, giải pháp liên quan đến hoạt động thương mại điện tử. Tháng 6 năm 2018, Tổ chức Hải quan thế giới công bố Khung tiêu chuẩn về thương mại điện tử xuyên biên giới. Theo Khung tiêu chuẩn này thì khái niệm Thương mại điện tử qua biên giới được mô tả: (i) đặt hàng, bán hàng, liên hệ trực tuyến và nếu có thể thanh toán trực tuyến; (ii) các giao dịch/vận chuyển hàng hóa qua biên giới; (iii) vật lý (hàng hóa hữu hình) và (iv) dành cho người tiêu dùng (thương mại và phi thương mại). Như vậy, thương mại điện tử xuyên biên giới có thể được hiểu là việc đặt hàng, bán hàng, liên hệ trao đổi là trực tuyến và việc thanh toán thì có thể là trực tuyến hoặc không trực tuyến đồng thời hàng hóa hữu hình được vận chuyển qua biên giới.

Tại Việt Nam sau hai mươi năm xuất hiện Internet đã tác động sâu sắc và toàn diện tới kinh tế và xã hội. Sau giai đoạn hình thành và phổ cập, từ năm 2016 thương mại điện tử nước ta đã bước sang giai đoạn phát triển. Theo số liệu công bố của Statista (Hãng nghiên cứu thị trường của Đức), năm 2018, doanh thu thương mại điện tử Việt Nam đạt 2,269 tỷ USD và nằm trong top 6 nền thương mại điện tử có tốc độ phát triển cao nhất năm 2018. Theo đánh giá của Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam tại báo cáo về Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam (EBI) năm 2018 thì tốc độ tăng trưởng trung bình năm của Việt Nam từ 25% đến 30%. Nếu Việt Nam vẫn duy trì mức độ tăng trưởng này thì quy mô thị trường thương mại điện tử Việt Nam năm 2025 đứng thứ ba Đông Nam Á sau Indonesia và Thái Lan.

Theo Sách trắng về thương mại điện tử năm 2019 Bộ Công thương công bố năm 2018 có đến 92% người dân sử dụng điện thoại di động để truy cập internet, tăng 3% so với 2017, trong khi đó chỉ có 75% sử dụng máy tính để truy cập internet. Thời gian truy cập Internet trung bình mỗi ngày phổ biến từ 3-5 tiếng với tỷ lệ 30%. Đáng chú ý tỷ lệ người có thời gian truy cập internet trung bình mỗi ngày trên 9 tiếng tăng vọt lên 24% năm 2018 so với 15% năm 2017.

Phương tiện điện tử thường được sử dụng khi đặt hàng trực tuyến: Điện thoại di động là công cụ để đặt hàng trực tuyến phổ biến nhất với 81% năm 2018 tăng 6 % so với năm 2017.

Theo Báo cáo “Kinh tế Internet Đông Nam Á 2018” do Google - Temasek thực hiện và công bố, tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2025 được dự báo ở mức 43%, đưa Việt Nam trở thành nước có nền thương mại điện tử tăng trưởng nhanh nhất khu vực. Thương mại điện tử đang ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc tạo ra nhiều giá trị sản xuất và tiêu dùng mới, là động lực phát triển và lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số trong thời gian tới.

## **1.2. Mục tiêu xây dựng nghị định**

a) Tạo hành lang pháp lý để các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện thủ tục hải quan chủ động, thuận lợi.

b) Bảo đảm các nội dung quy định được rõ ràng, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế, là cơ sở để quy định thủ tục hải quan cũng như việc triển khai thực hiện được đơn giản, minh bạch, công khai, thuận tiện, thống nhất, phòng chống gian lận thương mại.

c) Bảo đảm cạnh tranh công bằng, lành mạnh giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động thương mại điện tử.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Vấn đề 1: Sự cần thiết ban hành Nghị định**

#### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

Để đáp ứng được nhu cầu quản lý hoạt động giao dịch thương mại điện tử, Việt Nam đã ban hành các văn bản như: Luật Giao dịch thương mại điện tử (2005); Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 (thay thế Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09/6/2006) về thương mại điện tử; Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Luật An ninh mạng (2018); Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012; Luật quản lý thuế năm 2019.

Các quy định nêu trên là căn cứ pháp lý để hoạt động thương mại điện tử được triển khai thực hiện tại Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định nêu trên chưa có các quy định cụ thể về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nên các cơ quan quản lý nhà nước và các bên tham gia hoạt động thương mại điện tử còn gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

Với đặc điểm nổi bật của thương mại điện tử qua biên giới là thời gian để đưa ra các giao dịch là rất nhanh, thuận tiện trong việc thanh toán, nhận hàng, do đó, cơ quan quản lý cũng cần thay đổi theo hướng đơn giản, nhất quán, minh bạch, không phân biệt và tìm ra những biện pháp quản lý nhằm giải phóng nhanh hàng hoá trong khi vẫn phải đảm bảo yêu cầu về tuân thủ pháp luật.

Bộ Tài chính nhận thấy khi thương mại điện tử qua biên giới phát triển mạnh mẽ, các cơ quan quản lý nhà nước phải đối mặt với các vấn đề sau:

(1) Đối với cơ quan hải quan:

- Số lượng các lô hàng nhỏ tăng nhanh do vậy cần nguồn lực và các quy định phù hợp đảm bảo tốc độ thông quan nhanh của hàng hóa nhưng vẫn đáp ứng được nhu cầu quản lý của cơ quan hải quan;

- Khai báo thông tin không chính xác, không có hồ sơ tuân thủ của người mua do người mua là các đối tượng không thường xuyên;

- Khó ngăn chặn các lô hàng cấm, hàng hạn chế nhập khẩu, xuất khẩu, hàng buôn lậu do số lượng hàng hoá gửi nhỏ lẻ trong khi chất lượng thông tin/dữ liệu trước về hàng hóa không có nhiều;

- Cơ quan hải quan gặp khó khăn trong việc kiểm soát chống gian lận về phân loại hàng hóa, xuất xứ hàng hóa để được hưởng thuế suất thấp, hưởng các mức thuế suất ưu đãi đặc biệt ...

(2) Đối với cơ quan quản lý hoạt động thương mại điện tử:

- Số lượng các sàn giao dịch, trang bán hàng điện tử tăng với tốc độ cao, nên việc quản lý gặp nhiều khó khăn nếu không có các biện pháp quản lý cải tiến;

- Việc kiểm soát thông tin về hàng hóa trên các sàn giao dịch và thực tế hàng hóa là rất khó khăn. Vì vậy, có thể có hàng hóa vi phạm về sở hữu trí tuệ, hàng giả, hàng nhái nhưng cơ quan nhà nước không thể kiểm soát được.

(3) Đối với cơ quan quản lý về cơ chế thanh toán, bảo lãnh



Số lượng các giao dịch thanh toán lớn, cơ quan quản lý nhà nước không thể kiểm soát giao dịch nào thực hiện thanh toán cho đơn hàng nào, sự phù hợp giữa thực tế thanh toán với đơn hàng.

(4) Đối với các cơ quan quản lý về chuyên ngành

- Hàng hóa của mỗi lô hàng có số lượng nhỏ vì vậy cơ quan kiểm tra chuyên ngành không thể đủ nguồn lực thực hiện việc kiểm tra chuyên ngành.

- Người mua hàng là người không có kiến thức sâu về hàng hóa cũng như kiến thức về việc kiểm tra chuyên ngành nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc xin các loại giấy phép theo quy định.

Hiện nay, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử vẫn thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa thông thường. Trường hợp hàng hóa được gửi về qua đường bưu điện, chuyển phát nhanh, thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh. Trường hợp hàng hóa về Việt Nam qua hành lý cá nhân thì thực hiện thủ tục hải quan theo quy định đối với hành lý cá nhân,...

**1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Giải quyết các vướng mắc khó khăn đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử đã nêu tại mục 1.1.

**1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng (không ban hành Nghị định cũng như các văn bản hướng dẫn khác).

- Giải pháp 2: Không ban hành Nghị định nhưng thực hiện sửa đổi các văn bản pháp luật hiện hành có quy định về giao dịch thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Giải pháp 3: Ban hành Nghị định.

**1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

*Tác động của giải pháp 1*

Giữ nguyên hiện trạng sẽ không khắc phục được những vướng mắc hiện đang gặp phải đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử nêu trên. Trong trường hợp các vướng mắc không được giải quyết thì có thể dẫn đến việc hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử sẽ về Việt Nam bằng các con đường không chính thức gây thất thoát thuế cho nhà nước.

*Tác động của giải pháp 2*

Hiện nay, để thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ngoài văn bản quy định về thủ tục Hải quan do Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thì hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu còn bị điều chỉnh bởi các văn bản quy định liên quan đến việc quản lý chuyên ngành của các Bộ ngành. Theo thống kê của Bộ Tài chính, hiện tại có 463 văn bản quy phạm pháp luật quy định về chính

sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành, bao gồm: 45 Luật, pháp lệnh; 100 Nghị định của Chính phủ, Quyết định/Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; 318 Thông tư/Quyết định của các Bộ, ngành và liên Bộ. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung các văn bản trên là rất nhiều và chịu sự quản lý của nhiều đơn vị khác nhau khi đó sẽ mất nhiều thời gian, không phù hợp với tốc độ phát triển của thương mại điện tử.

### *Tác động của giải pháp 3*

Qua giải pháp nêu tại giải pháp 1 và giải pháp 2, nhận thấy hai giải pháp này không phải là biện pháp giải quyết được vấn đề đang vướng mắc. Vì vậy, cần phải xây dựng và ban hành Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua biên giới trong lĩnh vực hải quan.

Việc xây dựng và ban hành Nghị định có thể tác động như sau:

#### **a) Tác động tích cực**

*- Tác động về hiệu quả quản lý nhà nước:*

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, hạn chế những tồn tại bất cập hiện nay.

+ Tổ chức triển khai quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên phạm vi cả nước có hiệu quả hơn khi môi trường pháp lý hoàn thiện, đồng bộ.

*- Tác động về kinh tế:*

Khi các quy định về thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử được quy định công khai, minh bạch, thủ tục đơn giản thì sẽ giảm thời gian thông quan hàng hóa, tiết kiệm chi phí thủ tục hành chính.

*- Tác động đối với cá nhân mua hàng qua thương mại điện tử:*

Khi thủ tục hải quan đơn giản, công khai, minh bạch, sẽ tạo điều kiện cho các cá nhân mua hàng hóa của nhiều nước trên thế giới với chất lượng và mức giá phù hợp, giao nhận hàng hóa nhanh.

#### **b) Tác động tiêu cực**

*- Việc xây dựng, ban hành và thực thi Nghị định sẽ làm tăng chi phí ngân sách nhà nước, gồm:*

+ Chi phí nghiên cứu, soạn thảo và thực hiện các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật;

+ Chi phí tuyên truyền nâng cao nhận thức của công chúng về quyền của tổ chức, cá nhân;

+ Chi phí nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức nhà nước.

*- Tác động tới các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp:*

+ Tăng chi phí trong xây dựng, soạn thảo và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; đầu tư hệ thống, con người đảm bảo hoạt động thông suốt của Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

+ Các doanh nghiệp phải đầu tư xây dựng phần mềm để kết nối với Hệ thống để đảm bảo gửi được dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi đến cơ quan hải quan và nhận các thông tin liên quan đến chính sách quản lý của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan.

### ***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Lựa chọn giải pháp 3 - xây dựng, ban hành Nghị định là giải pháp tối ưu trong điều kiện hiện nay, vì các quy định về chính sách liên quan thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ.

## **2. Vấn đề 2: Quy định về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan**

### ***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay chưa quy định về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

### ***2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Quy định các nội dung về Hệ thống đảm bảo phù hợp với với các quy định hiện hành, đảm bảo rõ ràng, cụ thể khi triển khai thực hiện. Quy định nghĩa vụ, quyền lợi của các các bên tham gia, quản lý, bảo mật thông tin của Hệ thống nhằm công khai, minh bạch các đối tượng được phép tham gia Hệ thống, các quy trình thủ tục nhằm cấp phép, thu hồi tài khoản sử dụng. Kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống liên quan để trao đổi, xử lý thông tin.

### ***2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

- *Giải pháp 1:* Giữ nguyên hiện trạng (không quy định).
- *Giải pháp 2:* Sửa đổi các văn bản pháp luật hiện hành.
- *Giải pháp 3:* Xây dựng quy định về Hệ thống các nội dung: chức năng, nguyên tắc vận hành, quản lý hệ thống, thẩm quyền, mức độ truy cập, lưu trữ, đăng ký sử dụng thu hồi tài khoản,...

### ***2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

#### ***Giải pháp 1***

Tiếp tục dẫn tới các tồn tại, hạn chế nêu trên. Nếu tiếp tục kéo dài cách quản lý như hiện nay không đáp ứng được nhu cầu xã hội dẫn đến việc gian lận thương mại sẽ ngày càng gia tăng.

#### ***Giải pháp 2***

Hiện nay các quy định liên quan đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đang được quy định tại rất nhiều văn bản ở các cấp ban hành khác nhau. Vì vậy, để sửa đổi đầy đủ các văn bản để triển khai được trong thực tế sẽ mất nhiều thời gian, không phù hợp với tốc độ phát triển mạnh mẽ hiện nay của các giao dịch thương mại điện tử.

### *Giải pháp 3*

Xây dựng quy định về Hệ thống các nội dung: chức năng, nguyên tắc vận hành, quản lý hệ thống, thẩm quyền, mức độ truy cập, lưu trữ, đăng ký sử dụng thu hồi tài khoản,...

Điều này có tác dụng tích cực sau:

- Công khai, minh bạch các quy định để cá nhân, tổ chức chủ động trong quá trình tham gia, dùng tham gia Hệ thống quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử; các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện khai thác dữ liệu phục vụ công tác của từng bộ, ngành.

- Là cơ sở pháp lý để thực hiện việc xây dựng Hệ thống quản lý giao dịch thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tuy nhiên, việc xây dựng, ban hành và thực thi quy định này sẽ làm tăng chi phí cho cơ quan hải quan trong việc quản lý, bảo trì, duy trì hoạt động của Hệ thống, doanh nghiệp muốn tham gia vào Hệ thống cần xây dựng phần mềm phù hợp để có thể gửi dữ liệu đến Hệ thống.

### **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Lựa chọn giải pháp 3 - xây dựng Hệ thống quản lý giao dịch thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là một phần của Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để cơ quan quản lý nhà nước có dữ liệu thông tin hàng hóa đến trước, các thông tin được chính xác, đầy đủ và được chia sẻ cho các bên liên quan để triển khai thực hiện việc quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Đồng thời, các doanh nghiệp có thông tin về chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện thủ tục hải quan.

Để triển khai được giải pháp này, cần quy định các thủ tục hành chính liên quan đến việc kết nối Hệ thống. Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì thủ tục hành chính phải được quy định tại Nghị định do Chính phủ ban hành.

**3. Vấn đề 3. Quy định thủ tục hải quan, cách tính trị giá, thủ tục thu nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử**

#### **3.1. Xác định vấn đề bất cập**

- Hiện nay, chưa có quy định riêng về thủ tục hải quan, cách tính trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

- Thủ tục hải quan, cách tính trị giá hải quan, thủ tục thu nộp thuế hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử hiện vẫn đang triển khai như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch thông thường.

- Do các giao dịch thương mại điện tử cần phải được làm thủ tục thông quan nhanh chóng, thuận lợi, trong khi đó nếu áp dụng thủ tục hải quan hiện tại chưa phù hợp đối với các hàng hóa này, vì vậy, đã có hiện tượng hàng hóa vận chuyển về Việt Nam theo các hình thức khác nhau để trốn thuế: hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử được gửi về Việt Nam dưới dạng quà biếu, quà tặng, hành lý của khách nhập cảnh, hàng hóa của cư dân biên giới,...

- Ngoài ra, trường hợp người mua thực hiện mua hàng vào thời điểm giảm giá mạnh, khi hàng về đến Việt Nam, người mua không xuất trình được chứng từ chứng minh giá thực thanh toán nên cơ quan hải quan không đủ căn cứ để xác định trị giá tính thuế trên trị giá thực thanh toán mà sử dụng các phương pháp xác định trị giá theo quy định để tính trị giá hải quan, xác định số tiền thuế phải nộp (theo giá chưa giảm), dẫn đến phản ứng không tốt của người mua.

### ***3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Thống nhất về việc thực hiện thủ tục hải quan, cách tính trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

- Tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

- Giảm thời gian thông quan của hàng hóa do thủ tục hải quan đơn giản, cơ quan hải quan có đầy đủ thông tin trước khi thực hiện thủ tục hải quan.

- Người mua hàng khi thực hiện mua hàng trong thời gian giảm giá của các sản phẩm giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng khi thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu được tính trị giá tính thuế theo giá trị thực đã mua hàng.

### ***3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

- *Giải pháp 1:* Giữ nguyên hiện trạng (không quy định).

- *Giải pháp 2:* Sửa đổi các văn bản pháp luật hiện hành.

- *Giải pháp 3:* Quy định mới các nội dung liên quan

### ***3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

#### ***Giải pháp 1***

Tiếp tục dẫn tới các tồn tại, hạn chế nêu trên. Nếu tiếp tục kéo dài cách quản lý như hiện nay không đáp ứng được nhu cầu xã hội dẫn đến việc gian lận thương mại sẽ ngày càng gia tăng.

#### ***Giải pháp 2***



Hiện nay các quy định liên quan đến lĩnh vực thuế, trị giá hải quan đang nằm tại rất nhiều văn bản khác nhau, vì vậy nếu sửa đổi, bổ sung những văn bản này cần phải sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản. Người thực hiện thì phải tra cứu trên nhiều văn bản khác nhau.

### *Giải pháp 3*

Ban hành một văn bản mới quy định các nội dung liên quan đến lĩnh vực thuế, trị giá hải quan, .. tại một văn bản nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn đang tồn tại trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

### **3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Lựa chọn giải pháp 3, ban hành các quy định liên quan đến lĩnh vực thuế, trị giá hải quan, ... Các quy định này là thủ tục hành chính, vì vậy, thẩm quyền ban hành Nghị định của Chính phủ.

### **4. Vấn đề 4: Quy định kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử tại Nghị định**

#### **4.1. Xác định vấn đề bất cập**

Qua nghiên cứu các văn bản liên quan đến lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử của cá nhân nhận thấy:

- Hiện nay, các quy định về miễn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa phục vụ mục đích cá nhân không dùng cho mục đích kinh doanh được giao dịch qua thương mại điện tử chưa rõ ràng, cụ thể, do đó, các sản phẩm thông thường được mua bán qua thương mại điện tử khi nhập khẩu vẫn phải chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Về hồ sơ cấp phép của các cơ quan quản lý chuyên ngành chỉ phù hợp với đơn vị thực hiện nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh còn nếu cá nhân, tổ chức nhập khẩu chỉ nhằm mục đích sử dụng cho cá nhân thì không có giấy tờ đáp ứng đủ điều kiện để được cấp phép.

- Về thủ tục cấp phép: Thủ tục phải đầy đủ qua các bước nhằm đảm bảo các cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra được chất lượng của sản phẩm đang quản lý, vì vậy thời gian cấp phép kéo dài.

Hiện nay, hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử tăng nhanh số lượng đối với các giao dịch cá nhân. Vì vậy, những vướng mắc về kiểm tra chuyên ngành nêu trên đang cản trở sự phát triển của thương mại điện tử.

- Ngoài ra, đối với hàng hóa nhập khẩu có số lượng ít, không đủ để lấy mẫu thử nghiệm theo quy định hoặc chi phí thử nghiệm lớn hơn so với giá trị của lô hàng nhập khẩu.

#### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Quy định về miễn kiểm tra chuyên ngành được quy định tại một văn bản quy phạm pháp luật, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện.

- Bổ sung các trường hợp được miễn kiểm tra chuyên ngành đối với cá nhân khi thực hiện việc mua hàng hóa qua thương mại điện tử không làm ảnh hưởng đến việc kiểm soát chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm nói chung nhưng vẫn tạo thuận lợi cho thương mại điện tử phát triển.

- Giảm nguồn lực của các cơ quan kiểm tra chuyên ngành trong việc kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa của cá nhân mua trong định mức miễn kiểm tra chuyên ngành.

- Giảm thời gian thông quan của hàng hóa được giao dịch qua thương mại điện tử.

#### **4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- *Giải pháp 1:* Giữ nguyên hiện trạng (không quy định).

- *Giải pháp 2:* Sửa đổi các văn bản pháp luật hiện hành.

- *Giải pháp 3:* Quy định mới các nội dung liên quan

#### **4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### *Giải pháp 1*

Tiếp tục dẫn tới các tồn tại, hạn chế nêu trên. Nếu tiếp tục kéo dài cách quản lý như hiện nay không đáp ứng được nhu cầu xã hội dẫn đến việc gian lận thương mại sẽ ngày càng gia tăng.

##### *Giải pháp 2*

Hiện nay các quy định liên quan đến lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, vì vậy, nếu sửa đổi thì phải sửa rất nhiều các văn bản, các đối tượng thực hiện phải tra cứu nhiều văn bản gây khó khăn trong công tác thực hiện.

##### *Giải pháp 3*

Quy định các nội dung nhằm tạo thuận lợi cho người mua, người bán liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Trong khi đó, cơ quan quản lý nhà nước vẫn đảm bảo được công tác kiểm soát hàng hóa theo quy định.

#### **4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Lựa chọn giải pháp 3: do các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính, các quy định liên quan đến việc miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành vì vậy, thẩm quyền ban hành chính sách là Nghị định do Chính phủ ban hành.

### **III. QUÁ TRÌNH LẤY Ý KIẾN**

**1. Tham vấn:** Việc đánh giá tác động được tiến hành trước và trong quá trình soạn thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã xin ý kiến của các đơn vị: các bộ ngành, cơ quan ngang Bộ, một số Hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp đặc biệt là

doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh, logistics. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị đề tổ chức Hội thảo xin ý kiến để có cơ sở xây dựng Nghị định.

**2. Lấy ý kiến:** Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sẽ được xin ý kiến tham gia của tất cả các đối tượng chịu sự tác động của Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc lấy ý kiến được thực hiện qua các hình thức như: thảo luận nhóm, hội thảo, tọa đàm, xin ý kiến bằng văn bản, đăng tải công khai trên các cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân.

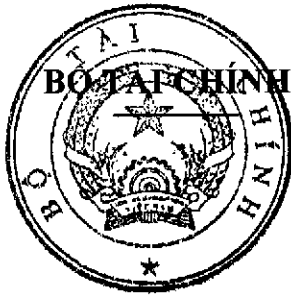
**3. Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý:** Bộ Tài chính đã nghiêm túc tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia (chi tiết đính kèm báo cáo)

#### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát và thực hiện chính sách.**

#### **V. PHỤ LỤC**

Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày            tháng            năm 2020

**BÁO CÁO**

**Thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với  
hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam**

Bộ Tài chính kính báo cáo Chính phủ kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam như sau:

**1. Phương thức hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

**1.1. Đối với hàng hóa nhập khẩu**

a) Người mua tại Việt Nam thực hiện đặt hàng trên các sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng nước ngoài và hàng hóa ở nước ngoài. Sau khi đơn hàng được xác lập thì hàng hóa mới được vận chuyển về Việt Nam. Khi đó xảy ra các trường hợp:

- Trường hợp các sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng chấp nhận việc giao hàng tại Việt Nam: khi đó hàng hóa thông thường được gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh. Doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh thay mặt chủ hàng hóa (người mua hàng tại Việt Nam) thực hiện thủ tục hải quan (bao gồm cả nộp thuế) và vận chuyển hàng hóa đến địa chỉ của người mua hàng (sử dụng dịch vụ door to door). Số tiền thuế phát sinh có thể do người mua hàng hoặc người bán hàng ở nước ngoài trả cho doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh tùy vào thỏa thuận giữa người mua và người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng.

Ngoài ra, có một số trường hợp, người mua hàng tự thực hiện thủ tục hải quan. Trường hợp này thường do hàng hóa chịu sự quản lý chuyên ngành mà các doanh nghiệp chuyển phát nhanh, bưu chính không thay mặt chủ hàng để thực hiện xin giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành hoặc hàng hóa không được gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh mà được vận chuyển về Việt Nam thông qua một đơn vị chỉ thực hiện vận chuyển hàng hóa quốc tế.

- Trường hợp các sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng không chấp nhận việc giao hàng tại Việt Nam: Khi đó người mua phải đặt hàng về địa chỉ của người nhận tại nước ngoài. Người nhận ở nước ngoài có thể là người thân, người quen của người mua hàng hoặc cũng có thể là một đơn vị chuyên gom hàng ở nước ngoài để chuyển về Việt Nam.

Hàng hóa về Việt Nam theo các cách sau: (i) hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam theo hành lý của cá nhân nhập cảnh; (ii) hàng hóa về Việt Nam gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính nhưng do cá nhân, tổ chức ở nước ngoài gửi về Việt Nam mà không phải là từ các sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng; (iii) hàng hóa được gửi về địa chỉ của nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam như Lào, Trung Quốc, Campuchia và đưa về Việt Nam qua con đường không chính thức (hàng nhập lậu) không khai báo hải quan hoặc được mang vào Việt Nam dưới dạng hàng hóa của cư dân biên giới để thực hiện trốn thuế và tránh các chính sách mặt hàng (giấy phép, kiểm tra chuyên ngành).

b) Người mua hàng tại Việt Nam thực hiện mua hộ hàng cho khách hàng qua các website thương mại điện tử ở nước ngoài (ví dụ: như websites của Công ty cổ phần Fado). Các website thương mại điện tử này tạo đường link đến các sàn giao dịch thương mại điện tử, các website thương mại điện tử tại nước ngoài. Khi đó người mua hàng tại Việt Nam phải có tài khoản trên các website thương mại điện tử mua hộ hàng cho khách hàng, thực hiện đặt hàng, thanh toán đơn hàng cho các website thương mại điện tử mua hộ hàng. Các website thương mại điện tử mua hộ hàng thực hiện mua hộ khách hàng tại các sàn giao dịch thương mại điện tử, websites thương mại điện tử bán hàng tại nước ngoài và chuyển đến một địa chỉ tại nước ngoài được các websites mua hộ hàng của Việt Nam chỉ định. Sau khi hàng hóa được tập kết tại địa chỉ này thì doanh nghiệp thực hiện việc vận chuyển số lượng hàng hóa này về Việt Nam. Việc gửi hàng hóa về Việt Nam có thể được gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh, qua hành lý người nhập cảnh và một số trường hợp cũng được nhập lậu qua biên giới đất liền giữa Việt Nam và các nước có chung đường biên giới đất liền.

c) Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử thường là các chủ sàn giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam thực hiện việc nhập khẩu một lô hàng hóa về Việt Nam như đối với hàng hóa thông thường. Sau khi hàng hóa hoàn thành thủ tục nhập khẩu, doanh nghiệp mới thực hiện bán hàng trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, các website thương mại điện tử bán hàng.

d) Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử thực hiện đưa hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam và gửi hàng hóa vào kho ngoại quan. Khi đó hàng hóa chưa phải chịu các chính sách liên quan đến việc cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành, đồng thời hàng hóa chưa phải nộp thuế. Khi có đơn hàng giao dịch qua thương mại điện tử doanh nghiệp mới thực hiện việc nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam.

## ***1.2. Đối với hàng hóa xuất khẩu***

a) Người ở nước ngoài thực hiện đặt mua hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng của Việt Nam hoặc nước ngoài. Khi người mua ở nước ngoài đặt hàng thì hàng hóa của người bán đang ở Việt Nam, người bán hàng tại Việt Nam thực hiện việc xuất khẩu hàng hóa để giao hàng cho người mua ở nước ngoài. Thông thường người bán hàng



tại Việt Nam sẽ thuê một đơn vị vận chuyển hàng hóa cho người mua hàng, vừa thực hiện các thủ tục xuất khẩu hàng hóa. Trong trường hợp này, doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa thường là các doanh nghiệp chuyên phát nhanh, bưu chính vừa thực hiện vận chuyển hàng hóa, thay mặt chủ hàng để thực hiện thủ tục hải quan để xuất khẩu hàng hóa.

b) Tương tự đối với hàng hóa nhập khẩu, trong một số trường hợp hàng hóa xuất khẩu cũng được mang ra khỏi biên giới Việt Nam qua hành lý của người xuất cảnh.

c) Người bán hàng tại Việt Nam thực hiện thủ tục xuất khẩu một số lượng lớn hàng hóa đến các nước có các địa điểm trung chuyển hàng hóa của các sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng. Khi đó hàng hóa được thực hiện xuất khẩu một lượng lớn hàng hóa mà chưa có đơn đặt hàng của người mua.

## **2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử**

### **2.1. Đối với hàng hóa nhập khẩu**

a) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đi theo hành lý của khách nhập cảnh: Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định về hành lý của khách nhập cảnh. Nếu số lượng hàng hóa nằm trong định mức miễn thuế thì hàng hóa không phải khai hải quan. Nếu số lượng hàng hóa vượt định mức miễn thuế thì hàng hóa phải thực hiện khai tờ khai hải quan. Thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp hàng hóa được gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyên phát nhanh: doanh nghiệp bưu chính, chuyên phát nhanh thay mặt chủ hàng thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế, Thông tư số 49/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 Thông tư trên.

c) Trường hợp hàng hóa được các doanh nghiệp vận chuyển hàng quốc tế vận chuyển về Việt Nam và người mua hàng phải thực hiện thủ tục hải quan: Trong trường hợp này, khi hàng hóa về đến Việt Nam thì người mua hàng tự thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã mua hoặc có thể ủy quyền cho đại lý làm thủ tục hải quan để thực hiện thủ tục hải quan. Thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và được sửa đổi, bổ sung tại Thông

tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

## **2.2. Đối với hàng hóa xuất khẩu**

a) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu theo hành lý của người xuất cảnh: Thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định về hành lý của người xuất cảnh. Đối với hành lý của người xuất cảnh không hạn chế về định mức, chỉ không cho phép mang hàng hóa thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, cấm xuất khẩu. Trường hợp người xuất cảnh muốn khai báo hải quan thì thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp hàng hóa được gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh: doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh thay mặt chủ hàng thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, Thông tư số 49/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 Thông tư trên.

c) Trường hợp hàng hóa được các doanh nghiệp vận chuyển hàng quốc tế vận chuyển hàng xuất khẩu và người bán hàng phải thực hiện thủ tục hải quan: Người bán hàng tự thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc có thể ủy quyền cho đại lý làm thủ tục hải quan để thực hiện thủ tục hải quan. Thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

*Như vậy*, do không có quy định riêng liên quan đến thủ tục đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, vì vậy tùy từng trường hợp thủ tục hải quan được thực hiện theo những quy định khác nhau của pháp luật về hải quan.

Nghiên cứu các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế hiện nay tại Khung tiêu chuẩn thương mại điện tử qua biên giới của Tổ chức Hải quan thế giới cũng chỉ khuyến nghị việc thực hiện thủ tục hải quan đơn giản, tạo thuận lợi cho hoạt động giao dịch thương mại điện tử mà không quy định chi tiết các thủ tục hải quan phải thực hiện.

## **3. vướng mắc khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử**

Do đặc điểm của hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử thường là hàng hóa nhỏ lẻ, hàng hóa của cá nhân, sử dụng cho mục đích tiêu dùng của cá nhân, việc thực hiện giao dịch để mua được hàng hóa đơn giản, thuận tiện vì

vậy, các lô hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử tăng nhanh trong thời gian vừa qua.

Do các cá nhân chủ động trong việc mua, bán hàng hóa, nên khi thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa nên người mua hàng, người bán hàng thường gặp phải các vướng mắc sau:

### **3.1. Về thủ tục hải quan**

a) Hồ sơ hải quan: Do hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, vì vậy, người mua hàng không có chứng từ liên quan đến trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu xuất trình cho cơ quan hải quan khi thực hiện thủ tục hải quan, đặc biệt là các chứng từ nhằm chứng minh trị giá giao dịch của hàng hóa, cơ sở để cơ quan hải quan thực hiện tính thuế.

b) Áp lực tốc độ thông quan hàng hóa: Do việc mua bán hàng hóa qua thương mại điện tử rất thuận lợi, vì vậy, số lượng các lô hàng nhỏ tăng nhanh, do đó, cơ quan hải quan cần có các biện pháp nhằm thúc đẩy quá trình thông quan hàng hóa.

c) Về thông tin đến trước của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa. Để áp dụng được quản lý rủi ro trong việc quyết định kiểm tra, giám sát hải quan thì cơ quan hải quan cần có thông tin trước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tuy nhiên, hiện nay cơ quan hải quan chưa có thông tin trước về hàng hóa nên không đủ cơ sở dữ liệu để đưa ra quyết định miễn kiểm tra đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có đủ thông tin.

### **3.2. Về việc cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng nhập khẩu**

a) Số lượng các văn bản quá nhiều: Theo thống kê của Bộ Tài chính, hiện nay có 463 văn bản quy phạm pháp luật quy định về chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành, bao gồm: 45 Luật, pháp lệnh; 100 Nghị định của Chính phủ, Quyết định/Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; 318 Thông tư/Quyết định của các Bộ, ngành và liên Bộ. Vì vậy, một cá nhân mua hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng không thể biết được hàng hóa của mình có phải kiểm tra chuyên ngành hay không và nếu phải kiểm tra thì thực hiện theo văn bản nào?

b) Về thủ tục cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành:

Qua nghiên cứu các văn bản liên quan đến lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa thường giao dịch qua thương mại điện tử của cá nhân nhận thấy:

- Hầu như không có quy định miễn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa phục vụ mục đích cá nhân không dùng cho mục đích kinh doanh được giao dịch qua thương mại điện tử. Do đó, các sản phẩm thông thường được mua bán qua thương mại điện tử khi nhập khẩu vẫn phải chịu sự quản lý của các đơn vị chuyên ngành.

- Về hồ sơ cấp phép của các đơn vị quản lý chuyên ngành chỉ phù hợp với đơn vị thực hiện nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh còn nếu cá nhân, tổ chức nhập khẩu chỉ nhằm mục đích sử dụng cho cá nhân thì không có giấy tờ đáp ứng đủ điều kiện để được cấp phép.

- Về thủ tục cấp phép: Thủ tục phải đầy đủ qua các bước nhằm đảm bảo các cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra được chất lượng của sản phẩm đang quản lý, vì vậy thời gian cấp phép kéo dài.

### ***3.3. Về việc xác định trị giá hải quan và định mức miễn thuế***

#### **a) Xác định trị giá hải quan:**

Về xác định trị giá hải quan được quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, theo đó:

- Nguyên tắc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu: trị giá hải quan là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế, phí vận tải quốc tế. Phương pháp xác định giá bán hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất là giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu tính đến cửa khẩu xuất phù hợp với các chứng từ có liên quan nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa.

Trường hợp không xác định được theo phương pháp trên thì trị giá hải quan được xác định tuân tự theo phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, hoặc tương tự tại cơ sở dữ liệu trị giá hải quan; phương pháp giá bán của hàng hóa giống hệt, hoặc tương tự tại thị trường Việt Nam; phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2018/TT-BTC.

- Nguyên tắc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu: trị giá hải quan là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định theo các phương pháp xác định trị giá hải quan. Phương pháp xác định giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định bằng cách áp dụng tuân tự sáu phương pháp xác định trị giá hải quan: trị giá giao dịch, trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt, trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự, trị giá khấu trừ, trị giá tính toán, phương pháp suy luận.

Trường hợp hàng hoá nhập khẩu không có hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc không có hóa đơn thương mại, trị giá hải quan là trị giá khai báo. Trường hợp có căn cứ xác định trị giá khai báo không phù hợp thì cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan theo nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá hải quan.

Thực tế hiện nay hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử nếu người mua thực hiện mua hàng vào thời gian giảm giá mạnh nhưng người mua không đủ chứng từ chứng minh được trị giá thực thanh toán là trị giá đã giảm thì cơ quan hải quan không đủ cơ sở để xác định trị giá tính thuế dựa trên trị giá thực

thanh toán mà sử dụng các phương pháp xác định trị giá theo quy định để thực hiện tính trị giá hải quan, xác định số tiền thuế phải nộp. Đồng thời, một số websites thương mại điện tử bán hàng, sàn giao dịch thương mại điện tử giá niêm yết đã bao gồm các chi phí liên quan như vận chuyển đến tận tay người mua, nộp các loại thuế, phí nếu có. Vì vậy, việc tách riêng các chi phí (phí bảo hiểm, phí vận chuyển, chi phí vận chuyển trong nội địa, ...) để tính trị giá hải quan gặp rất nhiều khó khăn.

b) Định mức miễn thuế:

Tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ, quy định một số trường hợp được miễn thuế. Liên quan đến lĩnh vực thương mại điện tử, thường gặp định mức miễn thuế quy định hàng hóa của cá nhân/ tổ chức như sau:

Đối với hàng hóa vận chuyển qua dịch vụ chuyên phát nhanh:

*“2. Hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh có trị giá hải quan từ 1.000.000 đồng Việt Nam trở xuống hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới 100.000 đồng Việt Nam được miễn thuế.*

*Trường hợp hàng hóa có trị giá hải quan vượt quá 1.000.000 đồng Việt Nam hoặc có tổng số tiền thuế phải nộp trên 100.000 đồng Việt Nam thì phải nộp thuế đối với toàn bộ lô hàng” (khoản 2 Điều 29).*

Theo quy định trên thì hàng hóa của cá nhân mua bán dưới dạng thương mại điện tử gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh được hưởng định mức miễn thuế là 1 triệu đồng và chưa có quy định về việc số lần tổ chức, cá nhân được miễn thuế trong một năm. Trường hợp hàng hóa được giao dịch qua thương mại điện tử nhưng không gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh thì không được miễn thuế.

**3.4. Một số khó khăn vướng mắc trong công tác đấu tranh và xử lý vi phạm liên quan đến giao dịch thương mại điện tử**

Qua quá trình nghiên cứu, rà soát các hoạt động giao dịch thương mại điện tử, Bộ Tài chính nhận thấy có một số khó khăn vướng mắc như sau:

*Thứ nhất*, đối tượng buôn lậu sử dụng việc liên lạc, trao đổi, thỏa thuận thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử do đó gây khó khăn cho quá trình điều tra, xác minh làm rõ vi phạm. Khi cơ quan hải quan phát hiện vi phạm thì những đối tượng này lại thông đồng với nhau dưới các hình thức “gửi nhầm hàng”, “tử bỏ” nhằm trốn tránh trách nhiệm.

*Thứ hai*, các vụ vi phạm liên quan đến giao dịch thương mại điện tử thường liên quan đến yếu tố nước ngoài.

Do vụ việc có yếu tố nước ngoài, nhiều nội dung cần xác minh làm rõ nhưng đối tượng liên quan đến vụ việc lại ở nước ngoài phụ thuộc vào “sự thiện chí” hợp tác của cơ quan hải quan nước bạn. Thực tiễn nhiều vụ việc yêu cầu cơ quan hải quan nước bạn cung cấp thông tin nhưng không nhận được kết quả trả lời hoặc kết quả trả lời chung chung, không đúng yêu cầu. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh và xử lý vi phạm liên quan đến giao dịch thương mại điện tử.

*Thứ ba*, các giao dịch do các bên ký kết thông qua hình thức giao dịch điện tử gây khó khăn cho công tác “giám định”, đánh giá chứng cứ.

Để tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy, thuận lợi trong việc đàm phán, ký kết hợp đồng nhà nước quy định nhiều hình thức xác lập giao dịch giữa các bên với nhau. Lợi dụng điều này, các đối tượng vi phạm đã làm giả nhiều hồ sơ, chứng từ, tài liệu để thực hiện các vi phạm. Do các bên thỏa thuận với nhau thông qua hình thức giao dịch điện tử nên gây khó khăn cho công tác giám định, đánh giá chứng cứ trước khi đưa ra quyết định xử lý.

Trên đây là báo cáo về thực trạng công tác quản lý hoạt động thương mại điện tử qua biên giới trong lĩnh vực hải quan, Bộ Tài chính kính báo cáo Chính phủ./.

Số: /2020/NĐ-CP Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;*  
*Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;*  
*Căn cứ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 14 tháng 11 năm 2008 và các Luật sửa đổi, bổ sung;*  
*Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*  
*Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*  
*Căn cứ Luật quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*  
*Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*  
*Căn cứ Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*  
*Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 11 năm 2017;*  
*Căn cứ Luật an ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;*  
*Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;*  
*Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*  
*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*  
*Chính phủ ban hành Nghị định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc

website thương mại điện tử bán hàng có thông tin về đơn hàng được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (sau đây gọi tắt là Hệ thống).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng.
2. Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan.
3. Đại lý làm thủ tục hải quan.
4. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.
5. Các tổ chức, cá nhân khác có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.
6. Cơ quan hải quan, công chức hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thông tin về đơn hàng* là thông tin liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng. Thông tin về đơn hàng tối thiểu gồm: hàng hóa (tên hàng, số lượng, chủng loại, đơn giá, tổng trị giá,...), phương thức và thời hạn giao hàng, đơn vị vận chuyển, thanh toán, người bán hàng, người mua hàng.
2. *Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu* là doanh nghiệp được các sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng, người mua hàng ủy quyền để vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
3. *Người khai hải quan* quy định tại Nghị định này thực hiện theo quy định của Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Hệ thống đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử**

1. Hệ thống do Tổng cục Hải quan xây dựng, quản lý và vận hành.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Nghị định này trong phạm vi thẩm quyền và phạm vi hoạt động có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử thông qua Hệ thống theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật hiện hành.



3. Tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp thông tin qua Hệ thống phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đăng ký tham gia kết nối với Hệ thống để được cấp tài khoản truy cập và các thông tin kết nối. Khi có thay đổi, bổ sung hoặc hủy hiệu lực thông tin đăng ký, tổ chức, cá nhân phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan.

b) Trang bị đầy đủ về hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động giao dịch điện tử đảm bảo việc khai báo, truyền, nhận, lưu trữ thông tin khi truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị quản lý Hệ thống**

1. Quản lý kỹ thuật, vận hành, bảo trì, nâng cấp các hệ thống phần cứng, hệ thống mạng, hệ thống an ninh an toàn phục vụ cho vận hành Hệ thống; thiết lập và duy trì hạ tầng mạng kết nối Hệ thống với các Hệ thống quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Quản lý, vận hành, bảo trì và nâng cấp Hệ thống đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

3. Quản lý và cấp tài khoản cho người sử dụng Hệ thống.

4. Đảm bảo duy trì hoạt động của Hệ thống 24 giờ trong một ngày và 07 ngày trong một tuần.

5. Thông báo đến các bên liên quan về phương án thực hiện tiếp nhận, trao đổi thông tin và thời gian khắc phục sự cố trong trường hợp Hệ thống có sự cố.

6. Hướng dẫn người khai về việc sử dụng tài khoản đã đăng ký để truy cập Hệ thống trong trường hợp có vướng mắc phát sinh.

7. Lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu theo quy định hiện hành.

#### **Điều 6. Chức năng của Hệ thống**

1. Tiếp nhận, phản hồi, lưu trữ thông tin đơn hàng và các thông tin có liên quan, xác thực chữ ký số của người gửi thông tin.

2. Kết nối, trao đổi thông tin hoạt động thương mại điện tử với hệ thống của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng, doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, tổ chức tín dụng đã ký thỏa thuận thu nộp thuế, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu với Tổng cục Hải quan, các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng thực hiện việc bảo lãnh số tiền thuế phải nộp cho người khai hải quan.

3. Kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống liên quan để trao đổi, xử lý thông tin phục vụ quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

4. Lưu trữ trạng thái của các giao dịch điện tử, thông tin, dữ liệu điện tử được gửi đến Hệ thống. Thời hạn lưu trữ trạng thái các giao dịch điện tử và thông tin, dữ liệu điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

5. Cung cấp thông tin bao gồm: thông tin giao dịch thương mại điện tử, thống kê số liệu theo yêu cầu từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người khai phù hợp chức năng, thẩm quyền của cơ quan, quyền, trách nhiệm của người khai.

6. Cập nhật các thông tin về các sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng (thông tin bán hàng, chính sách bán hàng...) và các cơ chế, chính sách quản lý về thương mại điện tử (chính sách thuế, mã HS, danh mục hàng hóa phải thực hiện kiểm tra chuyên ngành...).

### **Điều 7. Nguyên tắc vận hành Hệ thống**

Việc vận hành Hệ thống phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật thương mại, bí mật kinh doanh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đảm bảo tính chính xác, minh bạch, khách quan, đầy đủ và kịp thời của các thông tin, dữ liệu điện tử gửi đến Hệ thống.
3. Hỗ trợ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định này.

### **Điều 8. Thẩm quyền và mức độ truy cập Hệ thống**

1. Người khai hải quan thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được truy cập Hệ thống để gửi thông tin, nhận phản hồi trên Hệ thống.
2. Cơ quan hải quan xử lý thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử truy cập vào Hệ thống để khai thác thông tin phục vụ cho việc giải quyết thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hải quan và Nghị định này.
3. Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng được truy cập Hệ thống để cung cấp, trao đổi thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.
4. Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan; chủ hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử gửi kho ngoại quan; đại lý làm thủ tục hải quan; chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử hoặc người được chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử ủy quyền được truy cập Hệ thống để tra cứu thông tin phục vụ cho khai hải quan theo quy định của pháp luật hải quan và Nghị định này.
5. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến cấp phép, quản lý chuyên ngành hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử được phép truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống.

## **Điều 9. Lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu**

1. Đơn vị quản lý Hệ thống chịu trách nhiệm lưu trữ, sao lưu, đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu của các thông tin, dữ liệu điện tử được gửi đến Hệ thống; áp dụng các biện pháp chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cần thiết để bảo mật thông tin, dữ liệu trên Hệ thống, bảo đảm sự chia sẻ thông tin, dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu phải đảm bảo về sự thông suốt, toàn vẹn và an toàn của thông tin, dữ liệu được truyền nhận sử dụng dịch vụ truyền nhận do mình cung cấp.

## **Điều 10. Đăng ký sử dụng, thu hồi tài khoản người sử dụng hệ thống trên Hệ thống**

1. Đăng ký tài khoản người sử dụng hệ thống:

a) Việc đăng ký tài khoản được thực hiện thông qua Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan tại địa chỉ <http://www.customs.gov.vn>.

b) Người sử dụng đăng ký thông tin theo các chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người khai cấp tài khoản tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Đơn vị quản lý Hệ thống thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin của người sử dụng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, không chính xác thì thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc không chấp nhận qua thư điện tử, nêu rõ lý do tới người sử dụng. Trường hợp chấp thuận, thì thông báo cho người sử dụng bằng thư điện tử.

2. Khóa tài khoản người sử dụng hệ thống

a) Trong trường hợp cần khóa tài khoản, người sử dụng thực hiện đề nghị khóa tài khoản thông qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan trong đó nêu rõ thông tin tài khoản, lý do khóa tài khoản, thời điểm đề nghị khóa tài khoản.

b) Trong trường hợp khẩn cấp ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu, người sử dụng hệ thống gửi thông báo về Đơn vị quản lý Hệ thống thông qua hình thức điện thoại hoặc thư điện tử để Đơn vị quản lý Hệ thống kịp thời khóa tài khoản. Đơn vị quản lý Hệ thống thực hiện khóa tài khoản và thông báo cho người sử dụng dưới một trong các hình thức: văn bản, email, điện thoại trong thời gian 05 giờ làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

c) Trong trường hợp Đơn vị quản lý Hệ thống phát hiện các nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu thì Đơn vị quản lý Hệ thống chủ động thực hiện việc khóa tài khoản và thông báo tới người sử dụng hệ thống trong thời gian 01 ngày kể từ khi hoàn thành việc khóa tài khoản.

3. Kích hoạt tài khoản đã khóa

a) Để tiếp tục sử dụng tài khoản đã khóa, người sử dụng có trách nhiệm đề nghị thông qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan trong đó nêu rõ thông tin tài khoản, lý do đề nghị kích hoạt tài khoản, thời điểm kích hoạt.

b) Đơn vị quản lý Hệ thống thực hiện kích hoạt lại tài khoản đã khóa trong

khoảng thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được văn bản đề nghị của người sử dụng.

#### 4. Thu hồi tài khoản

Đơn vị quản lý Hệ thống thực hiện thu hồi tài khoản trong các trường hợp sau:

- a) Người sử dụng đề nghị thu hồi tài khoản của mình;
- b) Bộ quản lý ngành lĩnh vực có thông báo về việc giải thể, phá sản, dừng, tạm dừng hoạt động của người sử dụng;
- c) Bộ quản lý ngành lĩnh vực có thông báo về việc thu hồi tài khoản của người sử dụng là cán bộ, công chức, viên chức được các Bộ, quản lý ngành lĩnh vực giao quyền truy cập Hệ thống;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Người đề nghị thu hồi tài khoản phải có văn bản gửi Đơn vị quản lý Hệ thống trong đó nêu rõ thông tin tài khoản, lý do thu hồi tài khoản, thời điểm thu hồi; đối với trường hợp giải thể, phá sản, dừng, tạm dừng hoạt động của người sử dụng thì phải nêu rõ thời điểm giải thể, phá sản, dừng, tạm dừng hoạt động.

Chậm nhất trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi tài khoản, Đơn vị quản lý Hệ thống thực hiện thu hồi tài khoản và gửi kết quả thực hiện tới người đề nghị thu hồi tài khoản.

#### 5. Quản lý tài khoản

Người sử dụng hệ thống có trách nhiệm đảm bảo an toàn, bí mật thông tin tài khoản của mình đã được cấp để truy cập trên Hệ thống. Kịp thời thông báo cho Đơn vị quản lý Hệ thống trong trường hợp bị mất hoặc lộ thông tin tài khoản có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu.

### **Điều 11. Cung cấp thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

#### 1. Thông tin cung cấp

- a) Thông tin về đơn hàng hoặc thông tin về hàng hóa gửi kho ngoại quan;
- b) Thông tin vận chuyển (phương thức vận chuyển, số hiệu phương tiện vận chuyển, tuyến đường vận chuyển, thời gian đi, dự kiến thời gian đến, cửa khẩu đến).

#### 2. Đơn vị cung cấp thông tin

- a) Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử; chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng;
- b) Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đại lý làm thủ tục hải quan;
- c) Chủ hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử;
- d) Chủ hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử gửi kho ngoại quan; doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan;

đ) Doanh nghiệp được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

### 3. Nguyên tắc, hình thức cung cấp

a) Các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này được một trong các đơn vị cung cấp thông tin quy định tại khoản 2 Điều này gửi đến Hệ thống.

b) Trường hợp có sự thay đổi thông tin về đơn hàng, hủy đơn hàng, thông tin về hàng hóa, thông tin vận chuyển thì đơn vị cung cấp thông tin phải thực hiện cập nhật thông tin về hàng hóa sửa đổi, thông tin về đơn hàng sửa đổi, hủy đơn hàng, thông tin vận chuyển đến Hệ thống.

c) Cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp nhận thông tin của các đơn vị cung cấp cung cấp thông tin không có hiện diện tại Việt Nam.

### 4. Thời điểm cung cấp thông tin:

a) Đối với thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử; chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng gửi thông tin về hàng hóa, thông tin về đơn hàng trước khi chuyển hàng cho doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đại lý làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan gửi thông tin về đơn hàng, thông tin vận chuyển ngay khi nhận được thông tin về đơn hàng của các sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng;

c) Chủ hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử gửi thông tin về đơn hàng sau khi nhận được thông tin về đơn hàng được xác nhận;

d) Chủ hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử gửi kho ngoại quan:

- Gửi thông tin về hàng hóa gửi kho ngoại quan trước khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để vận chuyển về Việt Nam.

- Gửi thông tin về đơn hàng ngay khi nhận được thông tin về đơn hàng của các sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng.

### 5. Tiếp nhận thông tin

a) Cơ quan hải quan tiếp nhận thông tin về đơn hàng, lô hàng, thông tin vận chuyển qua Hệ thống. Hệ thống thực hiện phản hồi thông tin chấp nhận hoặc không chấp nhận cho người gửi thông tin và cảnh báo các nội dung về chính sách thuế, chính sách quản lý chuyên ngành, các lô hàng vi phạm về sở hữu trí tuệ, hàng giả.

b) Các thông tin gửi đến Hệ thống được sử dụng để đánh giá rủi ro, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

## **Điều 12. Hồ sơ hải quan khi làm thủ tục hải quan**

1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc trường hợp miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định này

- a) Tờ khai hải quan do Bộ Tài chính ban hành;
- b) Thông tin về đơn hàng trên Hệ thống;
- c) Hóa đơn thương mại (điện tử hoặc giấy) hoặc chứng từ thanh toán hoặc chứng từ, tài liệu khác có giá trị tương đương.

2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này

- a) Tờ khai hải quan do Bộ Tài chính ban hành;
- b) Thông tin về đơn hàng trên Hệ thống;
- c) Hóa đơn thương mại (điện tử hoặc giấy) hoặc chứng từ thanh toán hoặc chứng từ, tài liệu khác có giá trị tương đương: 01 bản chụp;
- d) Giấy phép xuất khẩu hoặc văn bản cho phép xuất khẩu của cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật về quản lý ngoại thương đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc diện quản lý theo giấy phép, theo điều kiện (*sau đây gọi chung là giấy phép*).

Người khai hải quan phải xuất trình, nộp cho cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành:

- Nếu xuất khẩu một lần: 01 bản chính;
- Nếu xuất khẩu nhiều lần: 01 bản chính khi xuất khẩu lần đầu.

Trường hợp theo quy định của pháp luật chuyên ngành không yêu cầu người khai hải quan phải nộp cho cơ quan hải quan giấy phép bản chính dưới dạng giấy thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu.

đ) Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành): 01 bản chính.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định nộp bản chụp hoặc không quy định cụ thể bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan được nộp bản chụp.

Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành được sử dụng nhiều lần trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành thì người khai hải quan chỉ nộp 01 lần cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu lô hàng đầu tiên;

e) Chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư: nộp 01 bản chụp khi làm thủ tục xuất khẩu lô hàng đầu tiên;

g) Hợp đồng ủy thác: 01 bản chụp đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu hàng hóa thuộc diện phải có giấy phép xuất khẩu, giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành hoặc phải có chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người nhận ủy

thác sử dụng giấy phép hoặc chứng từ xác nhận của người giao ủy thác;

Các chứng từ quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản này nếu được cơ quan kiểm tra chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định pháp luật về một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

3. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này:

- a) Tờ khai hải quan do Bộ Tài chính ban hành;
- b) Thông tin về đơn hàng trên Hệ thống;
- c) Hóa đơn thương mại hoặc chứng từ có giá trị tương đương: 01 bản chụp.

Trường hợp chủ hàng mua hàng từ người bán tại Việt Nam nhưng được người bán chỉ định nhận hàng từ nước ngoài thì cơ quan hải quan chấp nhận hóa đơn do người bán tại Việt Nam phát hành cho chủ hàng.

d) Vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương đối với trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt, đường thủy nội địa, vận tải đa phương thức theo quy định của pháp luật (trừ hàng hoá nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới đường bộ, hàng hoá mua bán giữa khu phi thuế quan và nội địa, hàng hóa nhập khẩu do người nhập cảnh mang theo đường hành lý): 01 bản chụp.

đ) Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản cho phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngoại thương và thương mại đối với hàng hóa thuộc diện quản lý theo giấy phép, theo điều kiện (*sau đây gọi tắt là giấy phép*); Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch hoặc văn bản thông báo giao quyền sử dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu.

Người khai hải quan phải xuất trình, nộp cho cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành:

- Nếu nhập khẩu một lần: 01 bản chính;
- Nếu nhập khẩu nhiều lần: 01 bản chính khi nhập khẩu lần đầu.

Trường hợp theo quy định của pháp luật chuyên ngành không yêu cầu người khai hải quan phải nộp cho cơ quan hải quan giấy phép bản chính dưới dạng giấy thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu.

e) Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định nộp bản chụp hoặc không quy định cụ thể bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan được nộp bản chụp.

Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành được sử dụng nhiều lần trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành thì người khai hải quan chỉ nộp 01 lần cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập

khẩu lô hàng đầu tiên;

g) Chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư: nộp 01 bản chụp khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên;

h) Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

i) Hợp đồng ủy thác: 01 bản chụp đối với trường hợp ủy thác nhập khẩu các mặt hàng thuộc diện phải có giấy phép nhập khẩu, chứng nhận kiểm tra chuyên ngành hoặc phải có chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành, pháp luật về quản lý ngoại thương mà người nhận ủy thác sử dụng giấy phép hoặc chứng từ xác nhận của người giao ủy thác;

k) Hợp đồng bán hàng cho trường học, viện nghiên cứu hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng: 01 bản chụp.

Các chứng từ quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản này nếu được cơ quan kiểm tra chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa ASEAN hoặc Cổng thông tin trao đổi với các nước khác theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

4. Đối với các chứng từ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan thực hiện lưu giữ theo quy định của Luật Hải quan về hồ sơ hải quan; không phải nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan.

### **Điều 13. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử**

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa thuộc trường hợp miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định này

a) Người khai hải quan thực hiện khai tờ khai hải quan và gửi bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 12 đến Hệ thống.

b) Hệ thống kiểm tra thông tin về đơn hàng trên tờ khai hải quan với thông tin về đơn hàng đã được gửi đến Hệ thống. Trường hợp thông tin phù hợp Hệ thống tự động cấp số tờ khai hải quan, thông báo về số thuế phải nộp (nếu có). Trường hợp thông tin không phù hợp Hệ thống phản hồi cho người khai hải quan.



c) Thực hiện việc nộp thuế theo quy định trong trường hợp tờ khai hải quan có thông báo nộp thuế. Trong trường hợp người khai hải quan thực hiện nộp thuế tự động qua tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai tại Kho bạc Nhà nước, hệ thống tự động trừ tiền thuế phải nộp.

d) Đưa hàng qua khu vực giám sát: Hàng hóa thuộc tờ khai hải quan đã cấp số, nộp đủ số tiền thuế được đưa qua khu vực giám sát hải quan. Hàng hóa trước khi ra khỏi khu vực giám sát của cơ quan hải quan, công chức hải quan thực hiện kiểm tra qua máy soi hàng hóa. Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi không có nghi ngờ, công chức hải quan thực hiện thông quan hàng hóa và xác nhận hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan. Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi có nghi ngờ, thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa. Kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với khai báo, công chức hải quan thực hiện thông quan hàng hóa và xác nhận hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát. Trường hợp không phù hợp xử lý vi phạm theo quy định.

đ) Đối với hàng hóa không thể kiểm tra qua máy soi hàng hoá hoặc Chi cục hải quan không có máy soi hàng hóa thì việc kiểm tra thực tế hàng hóa do Chi cục trưởng quyết định theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này

a) Người khai hải quan thực hiện khai tờ khai hải quan và gửi hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 đến Hệ thống.

b) Hệ thống kiểm tra thông tin về đơn hàng trên tờ khai hải quan với thông tin về đơn hàng đã được gửi đến Hệ thống. Trường hợp thông tin phù hợp Hệ thống cấp số tờ khai hải quan đồng thời phản hồi cho người khai các thông tin cần thiết để thực hiện thủ tục hải quan: mã phân loại kiểm tra hàng hóa, số thuế phải nộp, giấy phép, điều kiện, kết quả kiểm tra chuyên ngành, xuất xứ, sở hữu trí tuệ. Trường hợp thông tin không phù hợp phản hồi cho người khai hải quan.

c) Người khai hải quan thực hiện nộp thuế, xin cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo quy định

- Trường hợp người khai hải quan thực hiện nộp thuế qua tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan tại Kho bạc Nhà nước, Hệ thống tự động trừ tiền thuế phải nộp.

- Hệ thống tự động kiểm tra thông tin về giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành trong trường hợp đã được cập nhật các thông tin này trên Hệ thống.

d) Người khai hải quan xuất trình hồ sơ theo quy định để cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra trong trường hợp tờ khai hải quan được phân vào luồng đỏ hoặc luồng vàng và hồ sơ theo quy định chưa được gửi đủ đến Hệ thống; xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan kiểm tra trong trường hợp tờ khai hải quan được phân luồng đỏ.

đ) Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế

hàng hóa theo quy định.

e) Đưa hàng qua khu vực giám sát: Hàng hóa trước khi ra khỏi khu vực giám sát của cơ quan hải quan, công chức hải quan thực hiện kiểm tra qua máy soi hàng hóa đối với hàng hóa thuộc tờ khai được phân luồng xanh, luồng vàng. Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi không có nghi ngờ, công chức hải quan xác nhận hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan. Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi có nghi ngờ, thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa. Kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với khai báo, công chức hải quan xác nhận hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát. Trường hợp không phù hợp xử lý vi phạm theo quy định.

g) Đối với hàng hóa là không thể kiểm tra qua máy soi hàng hoá hoặc Chi cục hải quan không có máy soi hàng hóa thì việc kiểm tra thực tế hàng hóa do Chi cục trưởng quyết định theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

**Điều 14. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất, hàng hóa đã xuất khẩu phải tái nhập**

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất

a) Hồ sơ hải quan:

- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu;
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu ban đầu

b) Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này (trừ giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành).

c) Trường hợp hàng hóa (trừ ma túy, vũ khí, tài liệu phản động, hóa chất độc bảng I theo công ước cấm vũ khí hóa học, hàng cấm nhập khẩu) chưa làm thủ tục nhập khẩu hoặc đã đăng ký tờ khai hải quan nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan, đang nằm trong khu vực giám sát hải quan nhưng do gửi nhầm lẫn, thất lạc, không có người nhận hoặc bị từ chối nhận, nếu doanh nghiệp vận chuyển hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất (trong đó nêu rõ lý do nhầm lẫn, thất lạc hoặc từ chối nhận) hoặc hàng hóa buộc tái xuất theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi hàng hóa đang được lưu giữ tổ chức giám sát hàng hóa cho đến khi thực xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ngay tại cửa khẩu nhập. Đối với trường hợp tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan thực hiện hủy tờ khai theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải tái nhập

a) Hồ sơ hải quan:

- Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu, tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu ban đầu;
- Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;

b) Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này (trừ giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành).

**Điều 15. Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ tại kho ngoại quan trước khi có đơn hàng**

1. Thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Luật Hải quan, Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và các văn bản hướng dẫn.

2. Trường hợp hàng hóa dự kiến thực hiện nhập khẩu để giao cho khách hàng tại Việt Nam thuộc danh mục hàng hóa phải xin giấy phép nhập khẩu, giấy kiểm tra chuyên ngành doanh nghiệp thực hiện thủ tục xin giấy phép nhập khẩu, giấy kiểm tra chuyên ngành trong quá trình hàng hóa lưu giữ tại kho ngoại quan và trước khi thực hiện nhập khẩu giao hàng cho khách hàng.

**Điều 16. Thủ tục nhập khẩu, thủ tục xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài đối với hàng hóa đang lưu giữ tại kho ngoại quan**

1. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa đối với hàng hóa đang lưu giữ tại kho ngoại quan: Thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu theo quy định tại Điều 13 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa thực hiện nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa phải xin giấy phép nhập khẩu, giấy kiểm tra chuyên ngành, doanh nghiệp đã có giấy phép nhập khẩu, giấy kiểm tra chuyên ngành trong quá trình hàng hóa lưu giữ tại kho ngoại quan khi thực hiện thủ tục hải quan thì cơ quan hải quan lập phiếu theo dõi trừ lùi từng lần nhập khẩu của giấy phép, giấy kiểm tra chuyên ngành.

2. Thủ tục xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài đối với hàng hóa đang lưu giữ tại kho ngoại quan thực hiện theo quy định tại Luật Hải quan, Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và các văn bản hướng dẫn.

**Điều 17. Thủ tục thu nộp thuế, phí hải quan**

1. Hình thức thu nộp tiền thuế, phí hải quan thực hiện theo quy định pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

2. Người nộp thuế phải tính, xác định số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước và nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp người nộp thuế không tự tính được số tiền thuế hoặc cơ quan hải quan phát hiện người nộp thuế kê khai, tính thuế không đúng với quy định của pháp luật thì cơ quan hải quan ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3. Trường hợp doanh nghiệp khai hải quan thực hiện nộp thuế thay cho chủ hàng thì số tiền thuế, phí hải quan dự kiến phát sinh phải nộp được nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai tại Kho bạc Nhà nước.

4. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo quy định của Luật Hải quan.

Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế phải nộp thì được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa nhưng phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế kể từ ngày được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa đến ngày nộp thuế. Thời hạn bảo lãnh tối đa là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Trường hợp đã được tổ chức tín dụng bảo lãnh nhưng hết thời hạn bảo lãnh mà người nộp thuế chưa nộp thuế và tiền chậm nộp thì tổ chức bảo lãnh có trách nhiệm nộp đủ thuế và tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế.

### **Điều 18. Trị giá hải quan**

1. Trị giá hải quan hàng hóa xuất khẩu qua giao dịch thương mại điện tử là trị giá giao dịch của hàng hóa xuất khẩu ghi trên hóa đơn thương mại (điện tử hoặc giấy) hoặc chứng từ thanh toán hoặc chứng từ, tài liệu khác có giá trị tương đương, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và bảo hiểm quốc tế.

2. Trị giá hải quan hàng hóa nhập khẩu qua giao dịch thương mại điện tử là trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại (điện tử hoặc giấy) hoặc chứng từ thanh toán hoặc chứng từ, tài liệu khác có giá trị tương đương, bao gồm chi phí vận tải quốc tế và bảo hiểm quốc tế (nếu có).

**Điều 19. Đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế; miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa, ấn định thuế; thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử**

1. Đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế: Các trường hợp thuộc đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt, pháp luật về thuế bảo vệ môi trường, pháp luật về thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

#### **2. Miễn thuế**

a) Các trường hợp miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua giao dịch thương mại điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Hồ sơ, thủ tục miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

#### **3. Hoàn thuế**

a) Các trường hợp hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt, pháp luật về thuế bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Hồ sơ hoàn thuế, phân loại hồ sơ hoàn thuế, thủ tục hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

#### 4. Giảm thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa

a) Các trường hợp giảm thuế, không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, xử lý tiền thuế nộp thừa thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Hồ sơ, thủ tục giảm thuế, không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, xử lý tiền thuế nộp thừa thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

#### 5. Ấn định thuế

Các trường hợp ấn định thuế, thủ tục, thẩm quyền ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua giao dịch thương mại điện tử thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

#### 6. Thời hạn nộp thuế

Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua giao dịch thương mại điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Trường hợp cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế, thời hạn nộp thuế ấn định thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

### **Điều 20. Giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

1. Các trường hợp cấp phép, điều kiện, kiểm tra, miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Ngoài các trường hợp được miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành nêu tại khoản 1 Điều này, việc miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành (trừ kiểm dịch, văn hóa) được áp dụng đối với hàng hóa:

a) Có trị giá hải quan từ 1.000.000 đồng trở xuống, trừ trường hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có thông báo gửi đến Tổng cục Hải quan hàng hóa không được phép miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành;

b) Có trị giá hải quan trên 1.000.000 đồng nhưng hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo số lượng/định lượng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này thì được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom hàng hóa theo tiêu chuẩn miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành của các tổ chức, cá nhân mua hàng giao dịch qua thương mại điện tử khác thì phải kê khai, thực hiện thủ tục cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

3. Kết quả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử phải được cập nhật trên Hệ thống xử lý chậm nhất 02 giờ làm việc sau khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành nhưng không được chậm hơn thời gian thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang triển khai thực hiện.

4. Các trường hợp miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này không áp dụng trong trường hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có cảnh báo về an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây nguy hại cho sức khỏe, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, cho an ninh quốc gia hoặc có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra chuyên ngành trước thông quan.

### **Điều 21. Trách nhiệm của các Bộ, ngành**

#### **1. Bộ Tài chính:**

- a) Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng dữ liệu tại Hệ thống.
- b) Ban hành văn bản quy định về tờ khai hải quan;
- c) Chỉ đạo Tổng cục Hải quan:

- Ban hành định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa cơ quan hải quan và bên cung cấp, trao đổi thông tin thông qua Hệ thống.

- Cập nhật thông tin về danh sách hàng hóa không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 20 Nghị định này ngay sau khi nhận được thông báo của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Tổ chức thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

#### **2. Bộ Công thương:**

Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, cung cấp cho Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính danh sách cập nhật của năm trước đó các sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng đã được Bộ Công thương xét duyệt thông báo/ đăng ký có thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

#### **3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ:**

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc theo dõi cấp phép, cập nhật, tra cứu thông tin trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi được giao nhiệm vụ cấp phép, quy định điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Thông báo đến Tổng cục Hải quan về hàng hóa (tên hàng, mã HS), thời gian áp dụng đối với hàng hóa không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 20 Nghị định này;

c) Trường hợp danh mục hàng hóa thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này không phù hợp thì thông báo đến Bộ Tài chính để nghiên cứu trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật vào Hệ thống.

### **Chương III**

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố hoặc chưa có chức năng đáp ứng yêu cầu truyền nhận thông tin điện tử theo quy định tại Thông tư này, người khai hải quan và cơ quan hải quan thực hiện các thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông thường.

3. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử nhưng không gửi thông tin về đơn hàng đến Hệ thống theo quy định tại Nghị định này, người khai hải quan và cơ quan hải quan thực hiện các thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông thường.

#### **Điều 23. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

## PHỤ LỤC I

## Chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người khai cấp tài khoản

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc	Lặp lại
<b>I</b>	<b>Thông tin chung</b>		
1	Tên tổ chức (Tiếng Việt)	X	
2	Tên tổ chức (Tiếng Anh)		
3	Tên viết tắt		
4	Năm thành lập	X	
5	Địa chỉ tổ chức	X	
6	Website		
7	Điện thoại	X	
8	Fax		
9	Số đăng ký kinh doanh	X	
10	Mã số thuế của tổ chức	X	
11	Lĩnh vực hoạt động	X	
12	Giấy phép kinh doanh (dạng file ảnh)	X	
<b>II</b>	<b>Thông tin người đại diện theo pháp luật</b>		
1	Họ và tên	X	
2	Điện thoại	X	
3	Di động	X	
4	Email	X	
<b>III</b>	<b>Thông tin chữ ký số</b>		
1	Số định danh chứng thư số		X
2	Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số		X
3	Tên người được cấp chứng thư số		X
4	Ngày hiệu lực		X
5	Ngày hết hiệu lực		X
6	Khóa công khai		X



## PHỤ LỤC II

**Danh mục hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử được miễn giấy phép, điều kiện và kiểm tra chuyên ngành**

STT	Mã hàng (mã HS)	Mô tả hàng hóa	Định lượng/ số lượng được miễn	Giấy phép/ điều kiện/ Hình thức KTCN được miễn	Văn bản quy định chính sách quản lý
<b>Bộ Y tế</b>					
1					
2					
..					
<b>Bộ Khoa học và công nghệ</b>					
1					
2					
..					

**(Danh mục hàng hóa này do các Bộ được giao quản lý về chuyên ngành đề xuất, Bộ Tài chính tổng hợp đưa vào Nghị định)**

## Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ NGÀNH

(Theo Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 29/5/2020)

STT	Điều khoản	Đơn vị TGYK	Nội dung ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính
1		Bộ Nội Vụ	<b>DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ</b> Tại khoản 1 Mục V đề nghị làm rõ nguồn nhân lực, bảo đảm không tăng tổ chức, biên chế nhằm thống nhất thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Tiếp thu và bổ sung.
2		Bộ Xây dựng	Về chính sách 4: Quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Đề nghị các Bộ quản lý chuyên ngành đề xuất quy định về tên hàng, số lượng được miễn theo năm của mỗi cá nhân thực hiện việc mua hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, sau đó Bộ Tài chính cập nhật vào hệ thống.	Tiếp thu và bổ sung.
3		Bộ TN&MT	Đề nghị rà soát, xem xét chỉnh sửa tên Hệ thống các chức năng của Hệ thống nêu trong dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng ND, bảo đảm thống nhất, đáp ứng mục tiêu nêu tại Quyết định 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	Tiếp thu
4		Bộ KH&ĐT	Tại mục II.3 Căn cứ pháp lý: Đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản pháp luật khác có liên quan đến thương mại điện tử như Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.	Tiếp thu và bổ sung.
5		Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hiện nay Nghị định số 87/2012/NĐ-CP và Thông tư số 38/2015/TT-BTC có quy định về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ trong Tờ trình Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan quy định trong dự thảo Nghị định và Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan quy	- Nghị định 87/2012/NĐ-CP đã hết hiệu lực và thay thế bởi Nghị định 08/2015/NĐ-CP. - Tiếp thu.

		<p>định trong Nghị định số 87/2012/NĐ-CP và Thông tư số 38/2015/TT-BTC có phải là một hay không. Nếu là một, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các điều khoản có liên quan (ví dụ như điều kiện đối với tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp thông tin qua Hệ thống - quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định và khoản 5 Điều 6 Thông tư số 38/2015/TT-BTC), đảm bảo thống nhất, đồng bộ.</p>	
6	Bộ NN&PTNT	<p>Để quản lý hoạt động thương mại điện tử, Quốc hội đã ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử (thay thế Nghị định số 57/2006/NĐ-CP). Theo đó, nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản, tránh mâu thuẫn, chồng chéo, đề nghị quý Bộ phối hợp với Bộ Công Thương rà soát, sửa đổi Nghị định 52/2013/NĐ-CP, trong đó bỏ sung nội dung liên quan đến quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử mà không trình Chính phủ ban hành một Nghị định riêng để quy định về nội dung này.</p>	<p>Tiếp thu: Bộ Tài chính sửa tên Nghị định thành Nghị định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử</p>
7	Bộ Ngoại giao	<p>- Về sự cần thiết của việc ban hành Nghị định, đề nghị cân nhắc bỏ sung các cam kết của Việt Nam về thương mại điện tử trong các FTA đã ký kết, đặc biệt là trong khuôn khổ 02 Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA). Ngoài ra, đề nghị cân nhắc bỏ sung thêm kinh nghiệm thực tiễn của các nước trên thế giới liên quan đến vấn đề này.</p> <p>- Vấn đề nêu tại dự thảo Tờ trình và chính sách nêu tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chưa thực sự thống nhất với nhau (Vấn đề 1), đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp.</p>	<p>- Tiếp thu và bỏ sung</p> <p>- Kết cấu của Báo cáo đánh giá tác động và Tờ trình khác nhau.</p>
8	Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>Về sự cần thiết ban hành văn bản: đề nghị bỏ sung thêm nội dung đánh giá về việc phù hợp với thông lệ quốc tế, với Công ước/Hiệp định quốc tế Việt Nam đã ký kết, tham gia.</p>	<p>Tiếp thu và bỏ sung</p>
9	Bộ Công thương	<p>1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành Nghị định: Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định (mục 3 Báo cáo thực trạng quản lý hoạt</p>	<p>1. Tiếp thu và chỉnh sửa. 2. Các chính sách đề xuất:</p>

	<p>động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam và mục 1.1 Báo cáo đánh giá tác động) nêu các vướng mắc, tồn tại khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua trí tuệ, hàng giả, hàng nhái, kiểm soát giao dịch thanh toán, bảo lãnh, kiểm soát chống gian lận về xuất xứ hàng hóa, tình trạng khai báo không chính xác, tình trạng hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử về Việt Nam bằng con đường không chính thức, gây thất thoát thuế cho nhà nước...), tuy nhiên, chưa đánh giá được tính hiệu quả, mức độ xử lý các vướng mắc nêu trên theo các chính sách đề xuất tính dựng tại Nghị định. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các thông tin đánh giá để làm rõ hơn sự cần thiết ban hành Nghị định.</p> <p>2. Các chính sách đề xuất ban hành tại Nghị định:</p> <p>Đề đảm bảo mục tiêu xây dựng các quy định mới công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan hải quan, Bộ Công thương đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ các nội dung sau:</p> <p>a) Đối tượng điều chỉnh:</p> <p>Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, tuy nhiên, không giải thích rõ khái niệm “giao dịch thương mại điện tử”, dẫn đến không xác định chính xác phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Do đó, cơ quan soạn thảo cần bổ sung, làm rõ các hình thức giao dịch thương mại điện tử, có bao gồm: giao dịch thực hiện qua mạng xã hội, thư điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam/ nước ngoài, website bán hàng tại Việt Nam/nước ngoài...</p> <p>b) Về phạm vi điều chỉnh:</p> <p>Theo dự thảo của Bộ Tài chính, Nghị định áp dụng với các đối tượng liên quan đến giao dịch qua thương mại điện tử, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <p>- Bổ sung đánh giá tác động (tác động tích cực, tiêu cực, chi phí, lợi ích,...) của các chính sách đề xuất tại Nghị định đối với đối tượng là cá nhân xuất</p>
<p>a) Tại Điều 1 Phạm vi điều chỉnh đã quy định rõ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng có thông tin về đơn hàng được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.Trường hợp, hàng hóa giao dịch qua sàn giao dịch, website bán hàng nhưng thông tin về đơn hàng không được gửi đến Hệ thống thì cũng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p> <p>b) Về bổ sung đánh giá tác động: Đã đánh giá tại Báo cáo đánh giá tác động.</p> <p>- Về các chính sách liên quan đến cá nhân:</p> <p>+ Dự thảo Nghị định chỉ quy định về quản lý hải quan đối với các đối tượng được phép nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật ngoại thương. Do vậy, không xung đột với các quy định hiện hành.</p> <p>+ Phạm vi điều chỉnh của Nghị định là hàng hóa được giao dịch qua sàn giao dịch thương</p>	

<p>mai điện tử/website bán hàng, do vậy, hàng quà biếu tặng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p> <p>c) Về chính sách kiểm tra chuyên ngành:</p> <p>- Tại dự thảo Nghị định đã quy định mức được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo số lượng/định lượng hàng năm.</p> <p>- Việc xử lý vi phạm được quy định tại văn bản riêng.</p> <p>d) Tiếp thu.</p>	<p>khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử.</p> <p>- Rà soát, cân nhắc các chính sách liên quan đến đối tượng là cá nhân, tránh trùng lặp, xung đột với các quy định hiện hành, cụ thể:</p> <p>+ Theo pháp luật quản lý ngoại thương, đối tượng áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương (gồm cấm, tạm ngưng xuất khẩu, nhập khẩu; hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; hạn ngạch thuế quan; quản lý theo giấy phép, theo điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu; các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch...) là thương nhân tham gia hoạt động ngoại thương. Chưa kể đến, đối với một số loại hàng hóa chỉ các thương nhân được chỉ định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được xuất khẩu, nhập khẩu, không bao gồm đối tượng là cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh.</p> <p>+ Pháp luật hải quan và thuế xuất nhập khẩu hiện hành đã có quy định về thủ tục hải quan, định mức miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ trường hợp cá nhân nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử đưa về Việt Nam thông qua hình thức quà biếu tặng, hành lý của người nhập cảnh, tài sản di chuyển, hàng mẫu... sẽ chịu điều chỉnh của các quy định hiện hành hay của Nghị định này.</p> <p>c) Về chính sách kiểm tra chuyên ngành:</p> <p>- Hồ sơ xây dựng Nghị định đề xuất miễn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa phục vụ mục đích cá nhân, không dùng cho mục đích kinh doanh được giao dịch qua thương mại điện tử (mục 4 Báo cáo đánh giá tác động). Để tránh trường hợp tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định pháp luật, khai sai mục đích sử dụng để được miễn kiểm tra chuyên ngành, gian lận thương mại, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ phương án xử lý, xác minh thông tin khai báo về mục đích sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cá nhân.</p> <p>- Đề nghị làm rõ cơ chế kiểm soát, xử lý vi phạm đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom hàng hóa theo tiêu chuẩn miễn kiểm tra chuyên ngành của các cá nhân, tổ chức khác thực hiện giao dịch qua thương mại điện tử.</p> <p>d) Về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:</p>	<p>mai điện tử/website bán hàng, do vậy, hàng quà biếu tặng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p> <p>c) Về chính sách kiểm tra chuyên ngành:</p> <p>- Tại dự thảo Nghị định đã quy định mức được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo số lượng/định lượng hàng năm.</p> <p>- Việc xử lý vi phạm được quy định tại văn bản riêng.</p> <p>d) Tiếp thu.</p>
---	---	---

			<p>Đề nghị làm rõ tính khả thi, sự cần thiết khi quy định tất cả các đối tượng tham gia giao dịch thương mại điện tử (gồm thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website điện tử bán hàng, doanh nghiệp vận chuyển, đại lý hải quan, chủ hàng hóa) có trách nhiệm đảm bảo hạ tầng kỹ thuật để kết nối, truy cập, cung cấp, lưu trữ thông tin về hàng hóa xuất nhập khẩu trên Hệ thống, bao gồm cả trường hợp chủ hàng là cá nhân giao dịch không thường xuyên, mua hàng với giá trị, số lượng nhỏ.</p>	
<b>II</b>			<b>DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG</b>	
1	Bộ Nội Vụ	<p>Đề nghị đánh giá tác động đối với từng chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật ban hành VBQPPL 2015 và Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL.</p>	Tiếp thu	
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<p>- Tại trang 3 của dự thảo Báo cáo đánh giá tác động (Vấn đề 1), cơ quan chủ trì soạn thảo nhân định các quy định pháp luật có liên quan đến quản lý hoạt động giao dịch thương mại điện tử trong các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Giao dịch điện tử 2015, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử, Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Luật An ninh mạng...<u>chưa đầy đủ, đồng bộ.</u></p> <p>Đề nghị nêu cụ thể hơn những chồng chéo, chưa đồng bộ của các quy định có liên quan trong Báo cáo đánh giá thực trạng để làm rõ sự cần thiết ban hành Nghị định thay vì giữ nguyên hiện trạng hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành.</p> <p>- Tại trang 8 dự thảo báo cáo đánh giá tác động (Vấn đề 4), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không nhận định "<u>hầu như không có quy định miễn kiểm tra chuyên ngành...</u>" mà cần khẳng định có hay không có, hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không phù hợp với thực tiễn.</p>	<p>- Tiếp thu và chỉnh sửa</p> <p>- Tiếp thu và chỉnh sửa</p>	
3	Bộ NN&PTNT	<p>- Những chính sách dự kiến đề cập tại Nghị định có liên quan đến thủ tục hành chính với quy trình, thủ tục thực hiện có sự liên kết với các Bộ, ngành khác nhau. Do đó, báo cáo cần bổ sung đánh giá tác động của thủ tục hành chính, chi phí và mức độ đáp ứng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện quy định về hải</p>	- Tiếp thu	

		<p>quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Trên cơ sở đó kiến nghị giải pháp lựa chọn đối với những chính sách này cho phù hợp.</p> <p>- Bên cạnh đó, đối với tác động về hệ thống pháp luật, dự thảo Báo cáo đề cập đến 463 văn bản quy định về chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu (Mục 3.2). Đề nghị bổ sung đánh giá tác động đến số lượng các văn bản pháp luật hiện hành (Nghị định, Thông tư) thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của các Bộ cần được sửa đổi để phù hợp Nghị định khi Nghị định được ban hành.</p> <p>- Về phương pháp đánh giá tác động chính sách: Dự thảo báo cáo sử dụng chủ yếu phương pháp định tính, đánh giá còn mang tính chung chung, chưa đáp ứng theo yêu cầu tại Điều 7 Nghị định 34/2016/NĐ-CP. Đề nghị quý Bộ sử dụng tối đa phương pháp định lượng để đánh giá cụ thể hơn về tác động của các chính sách dự kiến quy định trong dự thảo Nghị định. Ví dụ: về quy định Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, làm rõ số liệu, kinh phí xây dựng, quản lý vận hành hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để có đánh giá tổng thể, khách quan trong việc lựa chọn phương án tối ưu.</p>	<p>- Chính sách mặt hàng thuộc lĩnh vực quản lý của từng Bộ ngành, do vậy, sẽ do từng Bộ đánh giá để đảm bảo phù hợp.</p> <p>- Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan là một bộ phận của Hệ thống chung của ngành Hải quan và đã được cơ quan hải quan có một Đề án riêng triển khai thực hiện.</p>
4	Bộ Ngoại giao	<p>Nội dung đánh giá tác động của các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định về cơ bản phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Ngoài ra, đề nghị lưu ý bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của các chính sách với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (khoản 2 Điều 85 Luật ban hành VBQPPL 2015).</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung vào Trình Chính phủ.</p>
5	Ngân hàng nhà nước	<p>- Thống nhất cần thiết ban hành Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu. Tuy nhiên, cần xác định rõ cơ quan hải quan chỉ thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu hợp pháp, còn đối với hoạt động xuất nhập khẩu trong thương mại điện tử không theo quy định của pháp luật thì cần đề xuất hướng xử lý.</p> <p>- Tại điểm 3 Mục 1.1 Phần 3 (Trang 3) có nêu nhận định, khi thương mại điện tử qua biên giới phát triển mạnh mẽ, vấn đề đối mặt của cơ quan quản lý về cơ chế thanh toán, bảo lãnh là: "...không thể kiểm soát giao dịch nào thực hiện</p>	<p>- Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Việc xử lý đối với việc gian lận thương mại, cơ quan hải quan vẫn phối hợp với các lực lượng có liên quan triển khai thực hiện.</p> <p>- Giải trình: Theo Ngân hàng</p>

		<p>thanh toán cho đơn hàng nào, sự phù hợp giữa thực tế thanh toán với đơn hàng”. Về nội dung nhận định nêu trên:</p> <p>+ Đề nghị làm rõ cơ quan quản lý về cơ chế thanh toán, bảo lãnh là cơ quan nào?</p> <p>+ Liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, hiện nay được quy định cụ thể tại Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 80/2016/NĐ-CP); theo đó, bảo gồm: “1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt. 2. Tổ chức, quản lý, vận hành, giám sát hệ thống thanh toán quốc gia; tham gia tổ chức, giám sát vận hành của các hệ thống thanh toán trong nền kinh tế. 3. Cấp, thu hồi Giấy phép và giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. 4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức và cá nhân có liên quan đến thanh toán không dùng tiền mặt. 5. Quản lý, giám sát các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thanh toán” (Điều 5). Trong đó, đối với việc giám sát các hệ thống thanh toán, Thông tư số 20/2018/TT-NHNN ngày 30/8/2018 quy định: (i) Giám sát các hệ thống thanh toán là việc thực hiện theo dõi hoạt động của các hệ thống thanh toán, đánh giá các hệ thống thanh toán và đưa ra cảnh báo, khuyến nghị nếu cần thiết; (ii) Phạm vi của hoạt động giám sát là các hệ thống thanh toán quan trọng: hệ thống thanh toán có vai trò chủ đạo trong việc phục vụ nhu cầu thanh toán của các chủ thể trong nền kinh tế, có khả năng phát sinh rủi ro hệ thống, đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí: Là hệ thống thanh toán duy nhất hoặc chiếm tỷ trọng lớn trên tổng giá trị thanh toán so với các hệ thống thanh toán cùng loại; hoặc là hệ thống xử lý các giao dịch thanh toán giá trị cao; hoặc là hệ thống được sử dụng để quyết toán cho các hệ thống thanh toán khác hoặc cho các giao dịch trên thị trường tài chính (Các hệ thống thanh toán quan trọng hiện quy định tại Thông tư 20/2018/TT-NHNN bao gồm: Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia; Hệ thống thanh toán ngoại tệ (do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vận hành); hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống bù trừ, chuyển mạch</p>
		<p>nhà nước thì Ngân hàng nhà nước không có thẩm quyền trong việc kiểm soát giao dịch thanh toán của các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế nói chung cũng như giao dịch thanh toán trên các trang thông tin điện tử nói riêng.</p> <p>Chính vì vậy, nên hiện nay chưa có cơ chế để kiểm soát vấn đề này.</p>



		<i>giao dịch tài chính).</i> Như vậy, theo quy định pháp luật hiện hành, Ngân hàng nhà nước không có thẩm quyền trong việc <i>kiểm soát giao dịch thanh toán</i> của các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế nói chung cũng như giao dịch thanh toán trên các trang thông tin điện tử nói riêng.		
6	Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch	Đề nghị viết lại Báo cáo theo mẫu và nội dung quy định tại mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 34/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL. Tại tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định đưa ra 04 chính sách, do đó để đảm bảo thống nhất, trong Báo cáo đánh giá của tác động cũng đánh giá tác động của 04 chính sách đã nêu trong Tờ trình.	Tiếp thu	
7	Bộ Khoa học và Công nghệ	- Đề nghị bổ sung đánh giá tác động của việc xây dựng Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong môi quan hệ với Công thông tin một cửa quốc gia. - Đề nghị cân phân tích cụ thể hơn về tác động của việc miễn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử đối với rủi ro về gian lận thương mại, không đảm bảo an toàn, chất lượng. Hiện nay, nội dung liên quan đến quản lý hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có số lượng ít, không đủ để lấy mẫu thử nghiệm theo quy định hoặc chi phí thử nghiệm lớn hơn so với giá trị của lô hàng nhập khẩu đã được đưa vào Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.	Tiếp thu và chỉnh sửa	
8	Bộ Công thương	Đề nghị bổ sung đánh giá về thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật ban hành VBQPPL năm 2015.	Tiếp thu và chỉnh sửa	
<b>III</b>		<b>DỰ THẢO BÁO CÁO THỰC TRẠNG</b>		
1	Bộ Xây dựng	Đề nghị bổ sung phần đánh giá hoạt động thương mại điện tử và website thương mại điện tử bán hàng tại Việt Nam và các tổ chức cá nhân sở hữu, cung cấp dịch vụ sản giao dịch thương mại điện tử.	Nội dung này thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công thương, do vậy, đơn vị soạn thảo không đề cập sâu về nội dung này.	
2	Ngân hàng Nhà nước	Mục 1 dự thảo báo cáo nêu thực trạng về phương thức hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Về nguyên tắc, việc xuất nhập khẩu hàng hóa trong hoạt động thương mại điện tử phải tuân thủ quy định của	Tại Báo cáo đã đề cập đến tất cả các hình thức, phương thức nhập khẩu, xuất khẩu (mang	

		<p>vào Việt Nam, đưa ra khỏi Việt Nam) đối với hàng hóa được giao dịch trên các sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website bán hàng.</p>
3	<p>Bộ Khoa học và Công nghệ</p> <p>- Tại mục 1 về phương thức hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu: đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá đối với nhóm sản phẩm, hàng hóa của nhà sản xuất thiết bị gốc - OEM (Original Equipment Manufacturer) vì đây cũng là một trong các nhóm có giao dịch thương mại điện tử lớn.</p> <p>- Tại mục 3.2 về cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu: đề nghị bổ sung Phụ lục liệt kê đầy đủ các văn bản quy định về chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu</p>	<p>- Tại mục 1 Báo cáo đề cập các hình thức, phương thức nhập khẩu, xuất khẩu chứ không đề cập đến nhóm sản phẩm, hàng hóa, do vậy, việc bổ sung nội dung này không phù hợp.</p> <p>- Các văn bản quy định về chính sách mặt hàng khá nhiều (463 văn bản), do vậy, việc liệt kê đây đủ các văn bản này là không cần thiết do đây không phải là nội dung chính của Nghị định, trong khi đơn vị soạn thảo đã liệt kê đầy đủ theo nhóm các văn bản: 45 Luật, Pháp lệnh; 100 Nghị định của CP, QĐ của TTCP, 318 Thông tư/QĐ của các Bộ ngành và liên Bộ.</p>
IV		
1	<p><b>Điều 1</b></p> <p>Bộ Thông tin và Truyền</p>	<p><b>DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH</b></p> <p>Xem xét khung pháp lý để có thể áp dụng đối với tất cả các loại hàng hóa phát sinh trên sàn TMBĐT (không chi riêng giao dịch có thông tin đơn hàng được gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan); xem xét hoàn thiện khung</p> <p>Trước mắt Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét quản lý đối với hàng hóa mua bán qua</p>

	pháp lý áp dụng đối với tất cả các giao dịch thương mại điện tử, kể cả trên các ứng dụng như zalo, facebook... và với các loại hàng hóa như phần mềm, nội dung số, dịch vụ xuyên biên giới (không chỉ là giao dịch hàng hóa hữu hình thông thường).	sản giao dịch TMDT, website thương mại điện tử bán hàng.
thông	Đối với hàng hóa văn hóa là mặt hàng đặc thù nhạy cảm, việc kiểm soát qua biên giới theo cam kết quốc tế của Việt Nam và quy định pháp luật hiện hành từ trước đến nay hết sức chặt chẽ vì đây là mặt hàng luôn gắn với nội dung liên quan đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, chính trị, an ninh, quốc phòng, bản quyền tác giả (quyền sở hữu trí tuệ). Theo đó, một trong những phương thức quản lý nhà nước bắt buộc của cơ quan văn hóa đối với những hàng hóa văn hóa là kiểm tra, thẩm định, giám định về mặt nội dung, yếu tố lịch sử, văn hóa, chính trị, hồ sơ nguồn gốc... của sản phẩm, tác phẩm, cũng như việc đáp ứng điều kiện phổ biến, phát hành (không phân biệt trị giá hàng hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính hóa học, vật lý của vật liệu chứa đựng hàng hóa...). Do vậy, tại phạm vi điều chỉnh của Nghị định, đề nghị loại trừ hàng hóa có nội dung văn hóa ra khỏi phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Nghị định. Theo đó, đề nghị bổ sung quy định sau đây để phù hợp với chính sách, đặc điểm và thực tiễn hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa chuyên ngành văn hóa hiện nay: <i>“Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kiểm tra chuyên ngành về văn hóa không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Hồ sơ, thủ tục hải quan và kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành văn hóa và quy định pháp luật hiện hành có liên quan”.</i>	Tiếp thu và bổ sung
Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch		
Bộ Công thương	Đề nghị chỉnh sửa tên gọi và phạm vi điều chỉnh để phù hợp với nội dung của Nghị định gồm: quy định về Hệ thống; thủ tục, trị giá hải quan; thủ tục thu nộp thuế, các chính sách về thuế; kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.	Tiếp thu: sửa tên Nghị định thành Nghị định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.
2	<b>Điều 2</b>	Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định có chức năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa
	Bộ Thông tin và truyền	

	thông	trình xây dựng Nghị định Ban soạn thảo có lấy ý kiến của các doanh nghiệp bưu chính được chỉ định để việc thực thi phù hợp với đặc thù về nghiệp vụ của các doanh nghiệp này.	thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2, do vậy, không cần thiết phải bổ sung.
	Bộ Công thương	Đề nghị nghiên cứu, làm rõ sản giao dịch thương mại điện tử và website thương mại điện tử bán hàng được đề cập là tại Việt Nam hay nước ngoài	Phạm vi điều chỉnh của Nghị định bao gồm sản giao dịch thương mại điện tử/ website thương mại điện tử bán hàng không giới hạn tại Việt Nam hay nước ngoài. Để đảm bảo tính khả thi, tại điểm d khoản 3 Điều 11 đã quy định đối với các sản giao dịch/website bán hàng không có hiện diện tại Việt Nam.
3	<b>Điều 3</b> Bộ Giáo dục và Đào tạo  Bộ Công thương  Phòng Thương mại & CN VN	<p>Tại khoản 3, đề nghị chi dẫn chiếu “người khai hải quan” theo quy định của Luật Hải quan vì Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP chỉ quy định chi tiết quy định của Luật Hải quan.</p> <p>Đề nghị bổ sung giải thích khái niệm “Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan” (gọi tắt là “Hệ thống”), phân biệt với “Hệ thống quản lý giao dịch thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu”, đảm bảo thống nhất khi sử dụng các khái niệm này tại hồ sơ ban hành Nghị định.</p> <p>Tại khoản 1 quy định khái niệm thông tin về đơn hàng. Tuy nhiên, khái niệm này vẫn còn chung chung và chưa thể áp dụng trực tiếp. Các DN quan tâm đến việc Hệ thống của cơ quan hải quan cần những thông tin nào để các doanh nghiệp này chuẩn bị, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu nhằm cung cấp một cách tốt nhất đến cho Hệ thống. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung một phụ lục tại Nghị định này, quy định rõ về các trường dữ liệu và quy cách dữ liệu mà Hệ thống cần có để các doanh nghiệp chuẩn bị đáp ứng. Trong trường hợp chưa thể đưa ngay vào Nghị định thì cần giao Bộ Tài chính hướng dẫn ở cấp Thông tư.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p> <p>Tiếp thu và chỉnh sửa thông nhất sử dụng khái niệm Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</p> <p>Tiếp thu</p>

4	<b>Điều 4</b>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đề nghị xem xét tách khoản 3 thành một Điều riêng quy định về điều kiện tham gia cung cấp thông tin qua Hệ thống.	Tiếp thu và chỉnh sửa
		Bộ KH&ĐT	<p>Đề nghị quy định cụ thể về hạ tầng kỹ thuật cần thiết trong hoạt động giao dịch thương mại điện tử đối với tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp thông qua Hệ thống, nhằm đảm bảo thống nhất và tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.</p> <p>Ngoài ra, nhằm phù hợp với Quyết định 431/QĐ-TTg, đề nghị điều chỉnh lại tên của Hệ thống là “Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử”.</p>	Hiện nay Bộ Tài chính đang xây dựng Hệ thống tổng thể chung, đối với ngành Hải quan, hệ thống kiểm soát giao dịch thương mại điện tử chỉ là một phần trong hệ thống chung.
5	<b>Điều 5</b>	Bộ KH&ĐT	Đề nghị bổ sung chức năng cập nhật các thông tin về các sản phẩm giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng (thông tin bán hàng, chính sách bán hàng...) và các cơ chế, chính sách quản lý về thương mại điện tử (chính sách thuế, mã HS, danh mục hàng hóa phải thực hiện kiểm tra chuyên ngành...).	Tiếp thu và chỉnh sửa
		Bộ Quốc phòng	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung: “ <u>Kết nối với Công thông tin điện tử một cửa quốc gia và các hệ thống ...; cần có cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu về cá nhân, tổ chức thực hiện và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu (trong đó có Bộ đội biên phòng).</u> ”	Tiếp thu và bổ sung tại Điều 8.
6	<b>Điều 6</b>	Phòng Thương mại & CN VN	<p>Việc xây dựng và vận hành Hệ thống thời gian đầu chắc chắn sẽ gặp nhiều vấn đề phát sinh, do đó đây là quy trình quản lý mới, mô hình kinh doanh trên thị trường biến đổi rất nhanh. Do đó, cơ chế tiếp nhận đánh giá của người dùng và phản hồi các đánh giá đó rất quan trọng, giúp cơ quan hải quan có thể nhanh chóng phát hiện bất cập và điều chỉnh Hệ thống cho phù hợp. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung một số quy định về cơ chế đánh giá, nhận xét của người dùng và phản hồi, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống có chức năng tiếp nhận đánh giá, phản hồi, góp ý của người dùng.</li> <li>- Cơ quan hải quan phải trả lời về việc tiếp thu hay không tiếp thu các góp ý về Hệ thống này trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được.</li> </ul>	Tiếp thu, nghiên cứu trong quá trình xây dựng Hệ thống.

			- Những góp ý và trả lời này phải được tổng hợp và báo cáo định kỳ cho Lãnh đạo Tổng cục Hải quan phụ trách Hệ thống này.	
7	<b>Điều 7</b>	Bộ KH&ĐT	Khoản 7 Điều 7 và khoản 1 Điều 9 có nội dung trùng lặp về trách nhiệm lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu của đơn vị quản lý Hệ thống. Đề nghị rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.	Tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng quy định chung và quy định cụ thể.
8	<b>Điều 8</b>	Bộ NN&PTNT	Đề nghị bổ sung quy định về thẩm quyền và mức độ truy cập Hệ thống của “các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan”.	Tiếp thu và bổ sung
9	<b>Điều 11</b>	Bộ KH&ĐT	- Khoản 3: đề nghị quy định rõ đối tượng thực hiện cập nhật lên Hệ thống các thông tin về hàng hóa sửa đổi, thông tin về đơn hàng sửa đổi, hủy đơn hàng, thông tin vận chuyển (tại điểm b); nêu rõ cơ chế phân quyền/ủy quyền trong việc cung cấp thông tin lên Hệ thống (tại điểm a, c, d). - Khoản 5: Đề nghị quy định thời gian phản hồi thông tin chấp nhận hoặc không chấp nhận của cơ quan hải quan.	- Tại khoản 4 đã quy định cụ thể đối tượng cung cấp thông tin. - Hệ thống tự động phản hồi do vậy, không cần thiết phải bổ sung thời gian.
		Phòng Thương mại & CN VN	Điều 11 quy định nhiều đơn vị cung cấp thông tin cho Hệ thống và xử lý nhiều trường hợp có sự mâu thuẫn về thông tin do các đơn vị khác nhau cung cấp. Tuy nhiên, các quy định này chưa thực sự tường minh và cụ thể. Đây là vấn đề cần được xử lý tương đối kỹ nhằm xác định trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực. Trường hợp cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa và phát hiện các thông tin ban đầu không chính xác thì việc xác định trách nhiệm của các đơn vị cung cấp thông tin chưa được làm rõ. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về việc xác định trách nhiệm của các bên khi thông tin được cung cấp cho Hệ thống không chính xác.	Việc cung cấp thông tin trước đến Hệ thống nhằm để xác định hàng hóa này là hàng hóa được xem xét áp dụng các quy định tại Nghị định (quy định tại Phạm vi điều chỉnh của Nghị định). Đồng thời, khi có thông tin đến trước của hàng hóa, cơ quan hải quan căn cứ trên nguyên tắc quản lý rủi ro để thực hiện thủ tục hải quan. Khi có nhiều thông tin thì việc quản lý rủi ro của cơ quan hải quan tăng độ chính xác khi đưa ra các quyết định xử lý. Đối với việc quy định trách nhiệm của các bên khi thông

				<p>tin cung cấp không chính xác:</p> <p>Theo các quy định hiện nay thì việc người khai hải quan thực hiện hành vi khai báo với cơ quan hải quan bằng tờ khai hải quan thì khi đó mới gắn trách nhiệm của người khai hải quan. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định quy định việc ưu tiên dữ liệu gửi đến của người khai hải quan. Các đối tượng khác khi gửi thông tin đến hệ thống là cơ sở để cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro.</p>
10	Điều 12	UB Mặt trận Tổ quốc VN	<p>Đề nghị cần được xem xét đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện cho tổ chức, công dân khi làm thủ tục xuất, nhập khẩu được đơn giản và thuận tiện.</p>	Tiếp thu
	Bộ Thông tin và truyền thông	<p>Về hồ sơ hải quan và hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: đề nghị tăng cường cắt giảm thủ tục hành chính, chấp nhận hồ sơ điện tử để phù hợp với sự phát triển của kinh tế số; có chức năng chia sẻ thông tin về trạng thái đơn hàng tại cửa khẩu hải quan mà người mua đơn hàng có thể kiểm tra trực tiếp tại giao diện của sàn TMDT. Cần có quy định về mức độ tiếp cận hệ thống đối với chủ hàng hóa để giải quyết và xác định trách nhiệm trong trường hợp có vi phạm, lỗi (hải quan hay thương nhân, tổ chức cung cấp sàn TMDT).</p>	<p>Tiếp thu</p>	
	Bộ Công thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị sửa khoản 1 thành “Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 20 Nghị định này”.</li> <li>- Đề nghị sửa điểm d khoản 2 thành “Giấy phép xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo pháp luật ngoại thương đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc diện quản lý theo giấy phép, theo điều kiện”.</li> <li>- Đề nghị sửa điểm đ khoản 3 thành: “Giấy phép nhập khẩu do cơ quan có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu và bổ sung cụm từ “xuất khẩu, nhập khẩu”.</li> <li>- Tiếp thu và bổ sung cụm từ “theo điều kiện”.</li> <li>- Tiếp thu và bổ sung cụm từ “theo điều kiện”.</li> </ul>	

			thẩm quyền cấp theo pháp luật ngoại thương đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện quản lý theo giấy phép, theo điều kiện”.	
11	<b>Điều 13</b>	<b>Bộ NN&amp;PTNT</b>	<p>- Đề nghị xem xét lại nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm g khoản 2. Lí do:</p> <p>Theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 13: “...<i>Hàng hóa trước khi ra khỏi khu vực giám sát của cơ quan hải quan, công chức hải quan thực hiện kiểm tra qua máy soi hàng hóa. Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi không có nghi ngờ, công chức hải quan thực hiện thông quan hàng hóa và xác nhận hàng đầu điều kiện qua khu vực giám sát hải quan. Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi có nghi ngờ, thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa...</i>”. Như vậy, toàn bộ các loại hàng hóa đều được đưa qua khu vực giám sát hải quan. Không thể lấy lí do hàng hóa không thể kiểm tra qua máy soi hàng hóa hoặc không có máy soi hàng hóa để giao việc kiểm tra thực tế hàng hóa cho Chi cục trưởng quyết định theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Quy định như vậy chưa đảm bảo tính công bằng đối với các trường hợp còn lại.</p> <p>- Đề nghị quy định rõ thời gian thực hiện đối với các thủ tục hành chính được quy định tại khoản 1, khoản 2 dự thảo Nghị định; mẫu hóa các thành phần hồ sơ đồng thời bổ sung quy định về hình thức phản hồi để tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng khi thực hiện.</p>	<p>- Giải trình: trong trường hợp không có thiết bị hỗ trợ, việc kiểm tra thực tế hàng hóa bởi công chức hải quan gây tốn kém, mất nhiều thời gian, vì vậy, giao Chi cục trưởng quyết định căn cứ trên nguyên tắc quản lý rủi ro điều này phù hợp với luật Hải quan cũng như trong thực tế.</p> <p>- Tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định.</p>
		Phòng Thương mại & CN VN	<p>- Tờ khai hải quan và kiểm tra tờ khai hải quan: Điều 13 quy định người khai hải quan phải thực hiện tờ khai hải quan và gửi lên Hệ thống. Hệ thống sẽ so sánh tờ khai với thông tin về đơn hàng đã được gửi đến trước đó. Trên thực tế, hàng hoá mua qua hình thức thương mại điện tử thường là hàng tiêu dùng, người mua là cá nhân đơn lẻ. Các cá nhân này cũng chỉ tiếp nhận thông tin về hàng hoá do sàn, website thương mại điện tử cung cấp, chứ không có thông tin gì khác. Như vậy, quy trình được thiết kế trong dự thảo sẽ dẫn đến tình trạng người khai hải quan phải mất công khai lại những thông tin mà cơ quan hải quan đã biết, và được cung cấp chung từ một nguồn tin. Đây là sự lãng phí không cần thiết. Do đó, đề nghị cần nhắc điều chỉnh lại quy trình khai và nộp tờ khai hải quan như sau:</p> <p>+Hệ thống tự động sử dụng các thông tin về đơn hàng được gửi đến từ trước</p>	<p>Tiếp thu và nghiên cứu trong quá trình xây dựng Hệ thống nhằm tối ưu sử dụng các thông tin đã có trước đó tránh trường hợp phải thực hiện khai báo lại thông tin.</p>



12		<p>để điền vào các trường thông tin trên tờ khai hải quan.</p> <p>+Người khai hải quan điền nốt những thông tin còn thiếu trên tờ khai hải quan và xác nhận những thông tin đã được điền sẵn. Trong trường hợp người khai hải quan phát hiện những thông tin được điền sẵn không chính xác thì thông báo lại cho Hệ thống.</p> <p>Cơ chế như vậy vừa tạo thuận lợi cho người khai hải quan vừa tránh sai sót, nhầm lẫn trong quá trình nhập thông tin.</p> <p>- Kiểm tra thực tế hàng hóa: Việc kiểm tra thực tế hàng hoá khi có phát hiện nghi ngờ và theo nguyên tắc quản lý rủi ro là cần thiết và hợp lý. Tuy nhiên, việc này sẽ làm phát sinh thời gian vận chuyển, giao nhận hàng hoá. Nhiều trường hợp hàng hoá thương mại điện tử được vận chuyển theo hình thức chuyển phát nhanh. Nếu phát sinh việc kiểm tra thực tế hàng hoá có thể khiến doanh nghiệp dịch vụ chậm giao hàng và phải bồi thường cho khách hàng. Do đó, đề nghị bổ sung thêm quy định theo hướng: Trong trường hợp cần kiểm tra thực tế hàng hoá thì cơ quan hải quan phát thông báo bằng văn bản hoặc bằng phương tiện điện tử cho người làm thủ tục. Khi đó, người làm thủ tục có thể dùng thông báo chính thức này của cơ quan hải quan để thông báo đến cho người nhận hàng về sự chậm trễ giao hàng, cũng như làm căn cứ trường hợp bất khả kháng trong hợp đồng vận chuyển, giao nhận hàng hoá.</p>	
13	Phòng Thương mại & CN VN	<p><b>Xác định trị giá hải quan trong trường hợp hàng khuyến mãi, giảm giá:</b>          Khác với xuất nhập khẩu thông thường, đôi với việc mua hàng qua các website thương mại điện tử thì sẽ có nhiều trường hợp hàng hoá có khuyến mãi, giảm giá. Theo lo ngại của nhiều doanh nghiệp, trong những trường hợp như vậy thì có thể nảy sinh tranh chấp với cơ quan hải quan về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo hướng dẫn rõ về việc xác định trị giá hải quan trong trường hợp hàng hoá có khuyến mãi, giảm giá.</p>	<p>Hiện nay dự thảo đang yêu cầu việc các đơn vị phải gửi dữ liệu trước đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, vì vậy, căn cứ hóa đơn điện tử đã được gửi trước là cơ sở để cơ quan hải quan thực hiện việc xác định trị giá hải quan căn cứ trên trị giá giao dịch.</p>
13	Bộ Thông tin và truyền	<p>Đối với hàng hóa là thiết bị viễn thông - công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông: đề nghị quy định miễn kiểm tra chuyên ngành không căn cứ theo trị giá hải quan của hàng hóa. Quy định miễn kiểm tra khi đáp ứng các</p>	<p>Nội dung này đã quy định tại điểm a khoản 2 trong trường hợp các Bộ quản lý ngành, lĩnh</p>

thông	<p>điều kiện (i) thuộc Danh mục hàng hóa được miễn kiểm tra chuyên ngành quy định tại Phụ lục II của Nghị định; (ii) cùng tên gọi, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật với hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy; (iii) không nhằm mục đích kinh doanh (phi mậu dịch), chỉ phục vụ mục đích sử dụng cho cá nhân; (iv) số lượng/ định lượng theo người/năm. Trường hợp được miễn kiểm tra chuyên ngành thì chủ hàng hóa nhập khẩu có trách nhiệm không được bán ra thị trường và khi đưa vào sử dụng phải tuân thủ các quy định có liên quan.</p>	<p>vực có thông báo gửi đến TCQH hàng hóa có trị giá hải quan dưới 1 triệu nhưng không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành</p>
Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch	<p>Tại khoản 2, đề nghị bổ sung “văn hóa” vào quy định sau: “2. Ngoài các trường hợp được miễn cấp phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành nêu tại khoản 1 Điều này, việc miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành (trừ kiểm dịch, văn hóa) được áp dụng đối với hàng hóa.....”</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>
Phòng Thương mại & CN VN	<p><b>- Các trường hợp không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành:</b></p> <p>Điều 20.2.a quy định trường hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có thông báo gửi đến Tổng cục Hải quan hàng hoá không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành. Điều 20.4 quy định không áp dụng các trường hợp miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành khi bộ quản lý ngành, lĩnh vực có cảnh báo về an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây nguy hại cho sức khoẻ, tinh mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, cho an ninh quốc gia hoặc có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra chuyên ngành trước thông quan.</p> <p>Việc đưa ra các trường hợp không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành là cần thiết, nhằm bảo đảm các lợi ích công cộng trong nước. Tuy nhiên, dự thảo không xác định cơ chế, trình tự, thủ tục, hiệu lực của các lệnh không cho miễn kiểm tra chuyên ngành. Điều này có thể tạo ra sự tùy tiện khi áp dụng và ảnh hưởng lớn đến hoạt động lưu thông hàng hoá.</p> <p>Ví dụ, xét trường hợp một món hàng có giá trị 500.000 đồng đã trên đường vận chuyển hoặc về đến kho ngoại quan. Người nhập khẩu tin rằng món hàng này được miễn kiểm tra nên mới đặt lệnh mua. Tuy nhiên, nếu cơ quan quản</p>	<p>- Về Danh sách các mặt hàng trị giá dưới 1 triệu đồng phải kiểm tra cân ban hành tại Nghị định này: Đối với hàng hóa phải kiểm tra được quy định tại các văn bản của Bộ ngành, hàng hóa XNK phải thực hiện. Tại Nghị định chỉ quy định các trường hợp được miễn nếu trị giá dưới 1 triệu đồng (quy định các ưu đãi hơn so với các loại hình khác)</p> <p>- Đối với hàng hóa đã được quy định tại Điều 20.4 là hàng hóa thuộc trường hợp cảnh báo về an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây nguy hại cho sức khỏe, tinh mạng con người, ... là các trường hợp cần thực hiện một cách nhanh</p>

lý đột ngột đưa lệnh dừng chế độ miễn kiểm tra thì món hàng đó sẽ phải kiểm tra trước khi thông quan. Đối với nhiều các dịch vụ kiểm tra chuyên ngành thì phí dịch vụ đánh giá sự phù hợp có thể lớn hơn giá trị của món hàng rất nhiều. Ví dụ, chi phí dịch vụ thử nghiệm mẫu hàng hoá đó thấp nhất đã là 1 triệu đồng/mẫu. Như vậy sẽ dẫn đến khả năng người mua bỏ hàng, không nhận, dù hàng đó có thể vẫn đáp ứng quy chuẩn, điều kiện để nhập khẩu, nhưng chi phí để chứng minh điều đó lớn hơn giá trị món hàng.

Do đó, đề nghị đưa ra nguyên tắc của việc ban hành các thông báo, cảnh báo không cho phép miễn kiểm tra chuyên ngành theo hướng chặt chẽ hơn, cụ thể:

+ Danh sách các mặt hàng trị giá dưới 1 triệu đồng phải kiểm tra phải được ban hành ngay trong Nghị định này, tương tự như danh sách mặt hàng trị giá trên 1 triệu đồng được miễn kiểm tra tại Phụ lục II.

+ Trường hợp có cảnh báo của cơ quan quản lý chuyên ngành theo hướng thêm các trường hợp phải kiểm tra thì thông báo cần nêu rõ về thời điểm bắt đầu áp dụng, nhưng không sớm hơn 30 ngày kể từ ngày ra cảnh báo và không áp dụng cho các đơn hàng đã gửi thông tin đến cho Hệ thống.

#### **- Xác định các trường hợp hàng hoá trị giá trên 1 triệu đồng được miễn kiểm tra**

Điều 20.2.b của Dự thảo đưa ra Phụ lục II về các trường hợp miễn kiểm tra hàng hoá trên 1 triệu đồng theo đề nghị của cơ quan quản lý chuyên ngành. Trên thực tế, các cơ quan quản lý chuyên ngành thường không có động lực để chủ động đề xuất đưa hàng hoá do mình quản lý vào diện miễn kiểm tra. Hơn nữa, cả cơ quan hải quan và cơ quan quản lý chuyên ngành hiện cũng không có cơ sở, căn cứ để đề xuất mức hàng hoá nào sẽ được miễn.

VCCI cho rằng, bản chất của việc miễn kiểm tra hàng hoá giao dịch thương mại điện tử là do giá trị của hàng nhỏ so với chi phí kiểm tra. Do đó, đề nghị cơ quan hải quan khảo sát chi phí dịch vụ kiểm tra các loại hàng hoá tại các đơn vị đánh giá sự phù hợp. Sau đó, đưa ra tỷ lệ giá trị hàng trên chi phí kiểm tra để làm cơ sở trao đổi với các cơ quan quản lý chuyên ngành về việc xác định ngưỡng số lượng/giá trị hàng được miễn kiểm tra. Ví dụ, đối với mặt hàng A, mức phí thấp nhất để kiểm tra mặt hàng đó do các đơn vị đánh giá sự

nhất vì vậy, nếu hướng dẫn theo đề xuất trên không đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ lợi ích quốc gia.

- Về nội dung: *Xác định các trường hợp hàng hoá trị giá trên 1 triệu đồng được miễn kiểm tra*: Quan điểm về việc miễn kiểm tra đối với hàng hóa trên 1 triệu đồng nhằm mục đích tạo thuận lợi cho các cá nhân khi mua hàng phục vụ cho cá nhân. Tại quy định này không chỉ quy định mặt hàng mà còn quy định số lượng được miễn trong một năm.

			<p>phù hợp thực hiện là 500 nghìn đồng, thì có thể đề xuất ngưỡng giá trị được miễn kiểm tra là 1 triệu đồng (gấp 2 lần). Đối với mặt hàng B có chỉ phí kiểm tra là 2 triệu đồng thì đề xuất ngưỡng giá trị miễn kiểm tra là 4 triệu đồng (có thể quy đổi từ ngưỡng giá trị sang ngưỡng số lượng/định lượng). Sử dụng phương pháp như vậy, cơ quan hải quan có thể đề xuất ngưỡng định lượng hàng hoá phải kiểm tra, sau đó trao đổi với cơ quan quản lý chuyên ngành để thống nhất con số cụ thể, đưa vào phụ lục Nghị định.</p>	
14	<b>Điều 21</b>	Bộ Thông tin và truyền thông	<p>Bổ sung thẩm quyền và mức độ truy cập Hệ thống của các Bộ quản lý chuyên ngành nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước. Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin các giao dịch thương mại điện tử được miễn kiểm tra chuyên ngành cho các Bộ quản lý chuyên ngành nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước.</p> <p>Khoản 1: Đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm về “bảo mật thông tin của các đối tượng tham gia trên hệ thống”.</p> <p>Đề nghị bỏ khoản 3 vì một số lý do sau:</p> <p>- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 4 Pháp lệnh ngoại hối, hoạt động thanh toán cho giao dịch xuất nhập khẩu hàng hóa qua thương mại điện tử là giao dịch vắng lai. Theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 70/2014/NĐ-CP ngày 17/7/2014 của Chính phủ, người cư trú, người không cư trú được mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài phục vụ các nhu cầu thanh toán và chuyển tiền cho giao dịch vắng lai.</p> <p>Đồng thời, theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối (Điều 16 Nghị định 70/2014/NĐ-CP, Điều 6 Pháp lệnh ngoại hối, khoản 2 Điều 4 Nghị định 70, Điều 35 Thông tư 21/2014/TT-NHNN, Điều 1 Thông tư 28/2016/TT-NHNN), TCTD được phép hoạt động ngoại hối có trách nhiệm xây dựng quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ và quy trình quản lý rủi ro đối với hoạt động ngoại hối, trong đó có quy định chứng từ cụ thể cần xuất trình để kiểm soát cho từng giao dịch ngoại hối. Khi thực hiện các giao dịch ngoại hối cho khách hàng, trên cơ sở quy trình đã xây dựng, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và các chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung</p> <p>Đã quy định tại khoản 1 Điều 9.</p> <p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>

		<p>đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các tổ chức, cá nhân, khi thực hiện giao dịch mua, chuyên, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các giao dịch ngoại hối, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xuất trình các chứng từ theo quy định của tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình cho tổ chức tín dụng được phép.</p> <p>Về việc cung ứng dịch vụ thanh toán quốc tế, theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 80/2016/NĐ-CP), hoạt động thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.</p> <p>Như vậy, văn bản pháp luật về quản lý ngoại hối đã có các quy định tạo điều kiện thuận lợi, có cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, trong đó bao gồm cả xuất nhập khẩu hàng hóa qua thương mại điện tử.</p> <p>- Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Do đó, việc giao cho Ngân hàng Nhà nước rà soát, đánh giá các quy định pháp luật hiện hành là chưa phù hợp với phạm vi điều chỉnh và các nội dung quy định tại dự thảo ND này.</p>	
Bộ Xây dựng	Đề nghị sửa đổi nội dung tại điểm d khoản 4 như sau: Giao các Bộ quản lý chuyên ngành đề xuất quy định về tên hàng, số lượng được miễn theo năm của mỗi cá nhân thực hiện việc mua hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, sau đó Bộ Tài chính cập nhật vào Hệ thống.		Tiếp thu và bổ sung
Bộ Công thương	- Đề nghị bổ sung vào khoản 1 trách nhiệm của Bộ Tài chính nội dung: “Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, cung cấp cho Bộ Công thương số liệu thống kê về thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử thông qua Hệ thống của năm trước đó”. - Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi điểm a khoản 2 trách nhiệm của Bộ Công thương: “Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, cung cấp cho Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính danh sách cập nhật của năm trước đó các sản giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng đã được Bộ Công thương		<p>- Đã bổ sung quy định về việc các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan được phép truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống. Do vậy, Bộ Công thương có thể truy cập vào Hệ thống để lấy số liệu.</p> <p>- Tiếp thu và chỉnh sửa.</p>

			<p>xét duyệt thông báo/ đăng ký có thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa”. Đề nghị lược bỏ điểm b, c vì không liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Nghị định.</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu sửa đổi hoặc lược bỏ điểm b khoản 4 vì tại điểm b khoản 2 Điều 20 đã quy định các tổ chức, cá nhân không được thu gom hàng hóa theo tiêu chuẩn miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành của tổ chức, cá nhân mua hàng giao dịch qua thương mại điện tử khác.</p> <p>- Tại điểm a khoản 4 quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Tài chính cập nhật thông tin trên Hệ thống khi được giao nhiệm vụ cấp phép, quy định điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ sung quy định về quyền truy cập, mức độ truy cập, khai thác dữ liệu Hệ thống và cơ chế chia sẻ thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thông qua Hệ thống cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.</p>	<p>- Tiếp thu và chỉnh sửa</p> <p>8. - Tiếp thu và bỏ sung tại Điều 8.</p>
15	<b>Nội dung khác</b>	<b>Bộ KH&amp;ĐT</b>	<p>Kết cấu của dự thảo: Nhằm đảm bảo các giải pháp đặt ra tại Quyết định 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng CP, dự thảo ND đã đề cập đến nhóm nội dung chính sách, bao gồm: quy định về cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan); quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử; quy định về giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; quy định về cách tính trị giá hải quan. Tuy nhiên, bố cục các nội dung này đang được xây dựng chưa rõ ràng giữa các nội dung. Đề nghị kết cấu lại mỗi nội dung theo từng chương riêng biệt, như: Chương về Hệ thống (từ Điều 4-Điều 11); Chương về thủ tục hải quan (Điều 12-17)...Ngoài ra, bổ sung Chương về Tổ chức thực hiện (Điều 21).</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>
		<b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>	<p>Đề nghị xem xét sửa đổi tên Chương II từ Quy định cụ thể thành Quy định chi tiết.</p>	<p>Tiếp thu kết cấu lại.</p>
		<b>UB Mặt trận Tổ</b>	<p>Cần có các điều khoản quy định trách nhiệm của từng cán bộ, công chức hải quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác giám sát thủ tục hải quan.</p>	<p>Các quy định về trách nhiệm, xử lý những cán bộ, công chức</p>

			<p>Theo đó, nếu có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của pháp luật thì tùy theo mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại vật chất (nếu có) hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>Quy định, biện pháp để kiểm soát số lượng nhập của 1 người mua hàng/năm theo định lượng vì lí do 1 người có thể mua hàng trên nhiều sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử.</p>	<p>hải quan và tổ chức, cá nhân có liên quan được quy định tại văn bản riêng, không quy định tại Nghị định này.</p> <p>Việc kiểm soát này được thực hiện trên hệ thống không cần quy định tại Nghị định.</p>
			<p>Trong quá trình xây dựng Nghị định, đề nghị bổ sung cụ thể các nội dung liên quan tới quy định về giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như nội dung quy định về cách tính trị giá hải quan, thu nộp thuế, các chính sách về thuế.</p> <p>Bên cạnh đó, trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ một số nội dung đề nghị xây dựng Nghị định có nhận định “hồ sơ cấp phép của các đơn vị quản lý chuyên ngành hiện nay chỉ phù hợp với đơn vị thực hiện nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh; còn nếu cá nhân nhập khẩu chỉ nhằm mục đích sử dụng cá nhân thì không có giấy tờ đáp ứng đủ điều kiện để được cấp phép” (mục III 4.1). Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa thể hiện rõ các nội dung nhằm đơn giản tối đa thủ tục cho hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử để phục vụ cho mục đích sử dụng cá nhân. Đề nghị xem xét nghiên cứu nội dung này.</p>	<p>Tiếp thu</p>
<b>IV</b>			<b>CÁC Ý KIẾN KHÁC</b>	
1	Bộ Thông tin và truyền thông		<p>1. Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử về cơ bản đã đáp ứng quy định tại Điều 87 Luật ban hành VBQPPL.</p> <p>Hiện nay Bộ Công Thương đang đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 52/2013/NĐ-CP trong đó có nội dung về giao dịch sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua thương mại điện tử, đề nghị Quý Bộ xem xét có sự thống nhất với Bộ Công Thương về nội dung này để tránh quy định chồng chéo.</p> <p>2. Đối với quy định về đảm bảo chất lượng hàng hóa nhập khẩu, miễn kiểm tra</p>	<p>1. Tiếp thu</p> <p>2. Hiện tại Nghị định đang đề nghị các Bộ ngành gửi Danh mục hàng miễn kiểm tra để Bộ Tài chính tổng hợp theo đúng ý tưởng của Bộ Thông tin và truyền thông.</p>

		<p><b><u>chất lượng hàng hóa nhập khẩu</u></b></p> <p>Qua rà soát cho thấy pháp luật đã có các quy định về miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (hàng hóa nhóm 2) khi nhập khẩu, như miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (khoản 4 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) và miễn kiểm tra chất lượng nếu hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh (điểm p khoản 7 Điều 7 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 74/2018/NĐ-CP). Để đảm bảo vấn đề an toàn của hàng hóa nhập khẩu, các hàng hóa là thiết bị thu-phát sóng vô tuyến điện thuộc quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông nhập khẩu chỉ được miễn kiểm tra khi đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và không nhằm mục đích kinh doanh, chỉ phục vụ mục đích sử dụng cho cá nhân.</p> <p>Thực tế cho thấy nhiều thiết bị thu-phát vô tuyến điện lớn nhỏ (thiết bị kích sóng di động, thiết bị điện thoại kéo dài DECT, bộ đàm, micro không dây...) không phân biệt trị giá lớn hoặc nhỏ hơn 1 triệu đồng đã gây mất an toàn (can nhiễu nghiêm trọng đến các hệ thống vô tuyến trọng yếu), do vậy việc căn cứ theo trị giá hải quan để miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thiết bị thu-phát vô tuyến điện là không phù hợp. Đề nghị tham khảo thực tiễn quản lý ở các nước về vấn đề này, không phân biệt theo trị giá hải quan mà quy định việc miễn kiểm tra trên cơ sở <u>Danh mục hàng hóa được miễn kiểm tra chuyên ngành và các điều kiện để đảm bảo tính an toàn của hàng hóa do các Bộ quản lý chuyên ngành đề xuất.</u></p>	
--	--	--	--



**Ý KIẾN THAM GIA CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ, HIỆP HỘI VÀ DOANH NGHIỆP**

*(Theo Công văn số 3477/BTC-TCHQ và 3478/BTC-TCHQ ngày 29/5/2020)*

STT	Điều khoản	Đơn vị TGYK	Nội dung ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính
I			<b>DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ</b>	
1	Hiệp hội Ngân hàng		<p>- Tại Mục I: Đề nghị bỏ sung yêu cầu “tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm soát giao dịch, tăng tốc độ thông quan hàng hóa...” từ tính chất của thương mại điện tử đòi hỏi xử lý nhanh và đơn giản - một yêu cầu khách quan từ nền kinh tế.</p> <p>- Tại Mục II: Đề nghị không cần nêu quan điểm thứ nhất “- Thẻ hóa các quan điểm và định hướng của Đảng trong việc phát triển và đổi mới trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế”, vì quá chung mà bất cứ văn bản QPPL nào cũng phải tuân thủ.</p> <p>- Tại Mục IV: đề nghị không nên quy định về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử (Hệ thống) là một chính sách. Trong mục này, cần cứ vào nhiệm vụ được Thủ tướng giao tại khoản 5a Điều 1 Quyết định 431/QĐ-TTg thì Nghị định chủ yếu là “đảm bảo việc thực hiện các giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý”, bao gồm 03 chính sách: về thủ tục hải quan; về cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành và về cách tính trị giá tính thuế.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Giải trình: đảm bảo việc đầy đủ các nội dung đồng thời cũng là định hướng chung của quá trình xây dựng văn bản</p> <p>- Nội dung này là căn cứ để cơ quan hải quan thực hiện các thủ tục liên quan đến nguồn tài chính đầu thầu, xây dựng Hệ thống.</p>
II			<b>DỰ THẢO BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG</b>	
1		Cục HQ tỉnh Quảng Trị	<p>- Tại phương án 3 Mục 2.4 Phần III đề nghị thay bỏ từ ‘các’ tại đoạn “Tuy nhiên, việc xây dựng, ban hành và thực thi quy định này sẽ làm tăng chi phí cho các cơ quan hải quan trong việc quản lý, bảo trì, duy trì hoạt động của Hệ thống...”</p> <p>Lý do: Do các quy định hiện hành về cơ cấu tổ chức thì chỉ có 01 Cơ quan hải quan đó là Tổng cục Hải quan.</p> <p>- Tại Mục 4.1. Sự cần thiết:</p> <p>Đề nghị sửa lại như sau: “Qua nghiên cứu các văn bản liên quan đến lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa thương mại giao dịch qua thương mại điện tử của cá nhân nhận thấy:”</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa

			Lý do: Tất cả các loại hàng hóa thường hay không thường giao dịch qua thương mại điện tử đều chịu sự điều chỉnh bởi pháp luật liên quan đến quản lý chuyên ngành.	
2	Cục HQ Thừa Thiên Huế		Tại mục III, khoản 1.1 Vấn đề 1 “Số lượng các lô hàng nhỏ giá trị thấp tăng nhanh do vậy cần nguồn lực để đảm bảo thời gian xử lý nhưng vẫn đảm bảo tốc độ thông quan nhanh của hàng hóa”. Với xu thế hiện nay, không chỉ các mặt hàng với số lượng nhỏ, giá trị thấp mà những loại hàng hóa xa xỉ phẩm, hàng có giá trị cao vẫn thuộc đối tượng thu gom hàng của các giao dịch qua phương thức thương mại điện tử, do đó đơn vị kiến nghị nên điều chỉnh lại báo cáo đánh giá.	Tiếp thu và chỉnh sửa
3	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam		Tại điểm 1.2 mục III đề nghị chọn phương án 3 là ban hành Nghị định. Vì ban hành Nghị định là giải pháp mang tính cấp thiết để quản lý hoạt động thương mại điện tử qua biên giới phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Tại điểm 2.3 Mục III: đề nghị chọn phương án 3 là xây dựng quy định về Hệ thống các nội dung: chức năng, nguyên tắc vận hành, quản lý hệ thống, thẩm quyền, mức độ truy cập, lưu trữ, đăng ký sử dụng thu hồi tài khoản.	Thông nhất
4	Hiệp hội Ngân hàng		- Bối cảnh, mục tiêu xây dựng và sự cần thiết ban hành Nghị định đã được phân tích ở Tờ trình CP, cho nên không cần nhắc lại ở Báo cáo này vì trùng lặp. - Đề nghị rà soát, gián lược điểm 2 Mục III. Vấn đề 2 theo hướng coi Hệ thống như một bộ phận của Hệ thống tổng thể quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo những yêu cầu đặt ra tại Quyết định 431 (khoản 3b Điều 1); trong đó nhấn mạnh việc chia sẻ thông tin đến các hệ thống khác phục vụ nhu cầu quản lý.	- Giải trình: giữ nguyên đảm bảo tính logic của báo cáo. - Tiếp thu
<b>III</b>			<b>DỰ THẢO BÁO CÁO THỰC TRẠNG</b>	
1	Cục HQ tỉnh Quảng Trị		Tại Gạch đầu dòng thứ nhất điểm a Mục 1.1: đề nghị sửa như sau: “ <i>điều kiện, kiểm tra chuyên ngành hoặc hàng hóa không được gửi qua dịch vụ chuyển-bưu chính, chuyển phát nhanh mà được vận chuyển về Việt Nam thông qua một đơn vị chỉ thực hiện vận chuyển hàng hóa quốc tế.</i> ” Lý do: Để phù hợp với định nghĩa “dịch vụ bưu chính” tại Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010.	Tiếp thu và chỉnh sửa.
2	Cục HQ		Theo nội dung dự thảo thì thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	- Sự cần thiết ban hành và

		TP. HCM	nói chung và thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua giao dịch thương mại điện tử có sự khác biệt về áp dụng chính sách giá, thuế, miễn thuế, kiểm tra chuyên ngành bởi các văn bản pháp luật (trình bày tại Phần II điểm 3 Tờ trình của Bộ Tài chính trình chính phủ), vì vậy nếu ban hành Nghị định mới sẽ vướng các văn bản pháp luật trên. Tại điểm 3.4 Dự thảo báo cáo thực trạng có nêu một số khó khăn vướng mắc trong công tác đấu tranh chống buôn lậu và xử lý vi phạm liên quan đến giao dịch thương mại điện tử, tuy nhiên chưa nêu ra biện pháp xử lý.	đánh giá các tác động đã được trình bày tại Báo cáo đánh giá tác động. - Đây là báo cáo đánh giá thực trạng, tại mục 3 nêu các vướng mắc trong đó có vướng mắc trong công tác đấu tranh chống buôn lậu và xử lý vi phạm.
<b>IV</b>			<b>DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH</b>	
<b>1</b>	<b>Phần căn cứ</b>	Cục HQ tỉnh Bình Định	- Bổ sung căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006. Lý do: tại Chương II của Luật có quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại. - Sửa đổi, bổ sung dấu chấm phẩy (;) vào cuối dòng căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018 và theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Sửa đổi, bổ sung dấu chấm (.) vào cuối dòng của dòng cuối cùng phần căn cứ. Lý do: để phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 6, Mục II Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ.	Tiếp thu và chỉnh sửa
		Cục HQ Thừa Thiên Huế	Đề nghị bổ sung các quy định pháp luật về thuế như Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt... vào căn cứ pháp lý. Lý do: tại Điều 19 dự thảo có quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế; miễn thuế....., vì vậy, cần phải bổ sung vào cơ sở pháp lý các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện có cơ sở pháp lý rõ ràng trong quá trình triển khai thực hiện.	Tiếp thu và chỉnh sửa
<b>2</b>	<b>Điều 1, 2</b>	Cục HQ TP.HCM	Theo dự thảo thì các giao dịch và quan hệ có liên quan đến “Sàn GD TMDT hoặc Website bán hàng có thông tin về đơn hàng” đều thuộc phạm vi và đối tượng của Nghị định. Được hiểu bao gồm bất kỳ giao dịch, mua bán trực tuyến nào có đơn hàng, gồm mẫu dịch, phi mẫu dịch, của cả tổ chức kinh doanh và cá nhân? Tại trang 7 của “Tờ trình” kèm hồ sơ thì “đặc điểm của hàng hóa giao dịch thương mại điện tử là hàng hóa mua với số lượng nhỏ, chủ hàng là cá nhân, mục đích mua chỉ để sử dụng cho cá nhân” như vậy được hiểu: Hàng hóa giao dịch	Điều chỉnh lại nội dung để làm rõ nội dung: tất cả các giao dịch đáp ứng yêu cầu gửi dữ liệu thông tin trước đến Hệ thống đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

	<p>thương mại điện tử là hàng không kinh doanh, của cá nhân, được mua qua giao dịch thương mại điện tử?</p> <p>Như vậy, về phạm vi và đối tượng chưa có sự nhất quán giữa hồ sơ và Nghị định? Do đây là những nội dung quan trọng, làm tiền đề cho các nội dung về quản lý và điều chỉnh nên Đề nghị cần quy định chi tiết, cụ thể hơn nữa để tránh chồng chéo, xung đột... Ví dụ: Các lô hàng nhập khẩu kinh doanh, giao dịch trên các sàn giao dịch như các sàn giao dịch sát thép, cà phê, sàn Alibaba... có thuộc phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Nghị định không?</p>		
<p>Tổng Công ty Bưu điện VN</p>	<p>Đề nghị bổ sung thêm khoản "Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định theo quy định của Luật Bưu chính" tại Điều 2 do tính chất đặc thù của doanh nghiệp bưu chính, khác so với các doanh nghiệp, tổ chức vận chuyển hàng hóa XNK khác.</p>	<p>Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định có chức năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2, do vậy, không cần thiết phải bổ sung.</p>	
<p>3</p>	<p><b>Điều 3</b></p>	<p>Cục HQ TP.HCM</p>	<p>Hiện nay các khái niệm đã được định nghĩa giải thích ở các văn bản khác mà hiện tại Nghị định này vẫn sử dụng khái niệm đó không thay đổi thì không được quy định lặp lại. Nhóm soạn thảo thực hiện rà soát, bổ sung đối với các khái niệm có cách hiểu khác với các khái niệm hiện tại đã được quy định.</p>
	<p>Do một số từ ngữ liên quan còn mới, cần giải thích và phân biệt, do vậy đề nghị bổ sung và định nghĩa rõ một số thuật ngữ như: Thương mại điện tử; Sàn giao dịch điện tử; Giao dịch trực tuyến và Mua bán trực tuyến; Người mua hàng; Người bán hàng; Website thương mại điện tử bán hàng; Đơn hàng và có đơn hàng; Người mua hàng ủy quyền để vận chuyển hàng hóa; Chủ hàng hóa giao dịch qua TMĐT; Chứng từ thanh toán ứng với các hình thức thanh toán (thanh toán trực tuyến bằng thẻ, bằng công cụ trung gian, Nhận hàng - trả tiền...</p> <p>Việc giải thích rõ các từ ngữ sử dụng trong Nghị định vừa làm rõ phạm vi và đối tượng của Nghị định, phân biệt với các chủ thể khác, đồng thời sẽ tạo thuận lợi cho công chức Hải quan trong thực hiện, tránh suy diễn và lợi dụng.</p>	<p>Bổ sung khái niệm về Sàn giao dịch thương mại điện tử và website thương mại điện tử bán hàng</p>	<p>Đã được quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của</p>
<p>Cục HQ tỉnh Bà Rịa- Vũng</p>			

		Tàu		Chính phủ, vì vậy, không quy định lại.
4	<b>Điều 4</b>	Cục HQ tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Cần thống nhất tên gọi của Hệ thống giữa Điều 1 và Điều 4 của dự thảo	Tại Điều 1 đã quy định “Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (gọi tắt là Hệ thống” do vậy, tại Điều 4 quy định Hệ thống chính là Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.
5	<b>Điều 5</b>	Cục HQ tỉnh Bình Dương	Tại khoản 1 quy định về chức năng của Hệ thống trong đó quy định về việc Hệ thống tiếp nhận thông tin, Cơ quan hải quan tiếp nhận thông tin về đơn hàng,..... Do vậy, đề nghị trong Dự thảo cần làm rõ việc Hệ thống tiếp nhận thông tin đơn hàng chuyển đến từ các đơn vị cung cấp thông tin thuộc khoản 5 Điều 11 Dự thảo Nghị định là hoàn toàn tự động hay có sự tác động về mặt Kỹ thuật của cơ quan hải quan khi tiếp nhận thông tin về đơn hàng gửi đến Hệ thống.	Cơ quan hải quan nói chung được hiểu bao gồm công chức hải quan và Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trong những tình huống cụ thể. Việc tiếp nhận tự động hoặc có sự tác động về mặt kỹ thuật sẽ có quy định trong quá trình hoàn thiện dự thảo.
6	<b>Điều 8</b>	Cục HQ tỉnh Khánh Hòa	- Về tiêu đề: Đề nghị bỏ từ “Thảm” và sửa lại tiêu đề của Điều 8 như sau: “Quyền và mức độ truy cập Hệ thống”. Lý do: từ “Thảm quyền” không phù hợp với nội dung của Điều 8 vì Điều 8 chỉ quy định về quyền và mức độ truy cập hệ thống để thực hiện thủ tục hải quan. -Khoản 4:Đề nghị thay thế từ “tra cứu” bằng từ “cung cấp” và sửa lại khoản 4 Điều 8 như sau: “Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan;... được truy cập Hệ thống để cung cấp thông tin phục vụ cho khai hải quan theo quy định của pháp luật hải quan và Nghị định này.” Lý do: Nếu các đơn vị này chỉ có quyền tra cứu thì không thể cung cấp thông tin đến Hệ thống được; đề nghị sửa lại để thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 11 Dự thảo Nghị định về đơn vị cung cấp thông tin đến Hệ thống.	- Về tiêu đề: Do Điều 8 quy định quyền của các đối tượng (như người khai hải quan, thương nhân, doanh nghiệp,...) và thẩm quyền của cơ quan hải quan, do vậy, vẫn giữ nguyên tên tiêu đề quy định là “Thảm quyền”. - Điều 8 quy định về việc truy cập Hệ thống để tra cứu thông tin, còn việc

<p>cung cấp thông tin được quy định tại Điều 11. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên nội dung này.</p>	<p>- Khoản 3: Hiện nay, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam đang triển khai dự án Securex, theo đó, sẽ có thông tin trước về các bưu kiện, hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính. Do vậy, sẽ khắc phục được những vướng mắc này.</p> <p>- Khoản 4: Tương tự như giải trình tại STT 2 Mục này.</p>		<p>- Khoản 3: với đặc thù của luồng hàng bưu chính là thu gom từ khách hàng, sau đó được chuyển phát qua Bưu chính nước xuất khẩu và Bưu chính nước nhập khẩu, do vậy với quy định hiện hành của Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) thì việc phân tách được luồng bưu chính truyền thống và luồng hàng hóa TMDT là tương đối khó khăn. Vì vậy, đối với doanh nghiệp bưu chính được chỉ định sẽ gặp phải vướng mắc trong việc cung cấp, trao đổi thông tin về hàng hóa TMDT cho cơ quan Hải quan.</p> <p>- Khoản 4: đề nghị bổ sung thêm “Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định”.</p>	<p>Tổng Công ty Bưu điện VN</p>	
<p>7</p>	<p><b>Điều 10</b></p>	<p>Hiệp hội DN Logistic</p>	<p>Điểm a, b, c khoản 2: Yêu cầu khóa tài khoản phải gửi văn bản đến đơn vị quản lý tài khoản là TCHQ trong thời hạn 5 ngày từ ngày nhận được mới được phép đóng tài khoản và trong trường hợp khẩn cấp tại điểm b thì phải mất 5 giờ. Như vậy là không phù hợp với các hoạt động TMDT, vì đã là giao dịch điện tử thì tất cả đều phải điện tử. Đăng ký theo hình thức điện tử mà khóa tài khoản thì theo hình thức thủ công bằng giấy, gây ra khó khăn cho doanh nghiệp. Ví dụ: Doanh nghiệp ở Cà Mau muốn khóa tài khoản cần làm công văn gửi đường bưu điện hết 15 ngày + thêm 5 ngày theo quy định, tổng cộng mất khoảng 20 ngày.</p> <p>Điểm b khoản 3 Điều 10: Bổ sung thêm quy định kích hoạt tài khoản đã khóa đối với trường hợp đơn vị quản lý hệ thống chủ động khóa tài khoản.</p> <p>Tại khoản 4 Điều 10: Bổ sung thêm quy định thu hồi tài khoản đối với trường hợp đơn vị quản lý hệ thống nhận được thông tin giải thể, phá sản, dừng, tạm dừng, hoạt động của người sử dụng từ các cơ quan chức năng khác.</p>	<p>Cục Hải quan TP. Hải Phòng</p>	
			<p>Nội dung về việc gửi văn bản đến TCHQ đã được tiếp thu và chỉnh sửa.</p> <p>Đối với trường hợp khẩn cấp: tiếp thu và chỉnh sửa thời gian xử lý.</p>		<p>Trường hợp này thực hiện theo thủ tục quy định chung tại điểm a khoản 3 Điều 10 để đảm bảo phù hợp thực tế nhu cầu kích hoạt tài khoản cũng như</p>

			<p>Chuyển toàn bộ nội dung hướng dẫn điểm b khoản 4 Điều 10 sang hướng dẫn điểm a khoản 4 Điều 10. Lý do: nội dung này không phù hợp để hướng dẫn điểm b khoản 4; phù hợp để hướng dẫn điểm a khoản 4.</p> <p>Việc kết nối giữa các hệ thống của Tổng cục Hải quan và các hệ thống ứng dụng của các tổ chức, cá nhân cần nêu rõ được thực hiện theo phương thức, tiêu chuẩn cụ thể (API) và được ban hành bởi cơ quan quản lý dưới dạng văn bản, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật.</p>	<p>tính khách quan, hợp lý của lý do đề nghị kích hoạt tài khoản (trương tự như quy định tại Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019).</p> <p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>
8	Điều 11	Cục HQ TP.HCM	<p>- Được hiểu là thông tin về hàng hóa trên Đơn hàng điện tử và Vận đơn (khoản 1) được gửi đến Hệ thống của Hải quan trước khi khai tờ khai và Hệ thống sẽ phản hồi cảnh báo về chính sách thuế, quản lý chuyên ngành, các vi phạm... (nếu có). Thông tin này nhằm giúp người khai Hải quan biết thủ tục để chấp hành, cơ quan Hải quan chủ động trong quản lý... Việc gửi trước thông tin về hàng hóa hiện nay đã thực hiện trong thủ tục hàng hóa Chuyển phát nhanh (Thông tư 191/2015/TT-BTC và 56/2019/TT-BTC) tuy nhiên chưa đem lại hiệu quả cao trong quản lý do Hải quan chưa có Hệ thống tiếp nhận và khai thác, sử dụng thông tin này, và nội dung các tiêu chí cung cấp cũng chưa đồng bộ, hệ thống và chặt chẽ. Mặt khác, đối với các người bán khác nhau thì có Đơn hàng khác nhau (do cạnh tranh nên giấu thông tin chi tiết).</p> <p>Đề nghị quy định cụ thể Mẫu và nội dung các tiêu chí bắt buộc khi cung cấp thông tin về Đơn hàng (Điểm a Khoản 1 Điều 11) vì những thông tin này là cơ sở để thực hiện các nghiệp vụ quản lý.</p> <p>- Về thời điểm cung cấp thông tin quy định tại Khoản 4: Việc quy định thời điểm cung cấp là “<i>khi nhận được thông tin về đơn hàng</i>” rất khó để xác định và chứng minh, do vậy đề nghị nên quy định theo thời điểm khai báo tờ khai làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hoặc theo thời điểm phương tiện tải xuất cảnh, nhập</p>	<p>Nội dung này đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21.</p> <p>- Thông tin về đơn hàng cũng như nội dung các tiêu chí bắt buộc khi cung cấp thông tin về đơn hàng đã được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 3.</p> <p>- Đây là các thông tin được cung cấp trước thời điểm khai báo tờ khai.</p> <p>Quy định cụ thể các tiêu chí trong dự thảo Nghị định.</p> <p>Cơ quan hải quan cần có thông tin sớm nhất để thực hiện việc quản lý, trong trường hợp không có thông tin thì Hệ thống</p>

			không xử lý được.
Cục HQ tỉnh Khánh Hòa	Điểm b khoản 3 quy định: “Trường hợp có sự thay đổi thông tin về đơn hàng, hủy đơn hàng, thông tin về hàng hóa, thông tin vận chuyển thực hiện cập nhật thông tin về hàng hóa sửa đổi, thông tin về đơn hàng sửa đổi, hủy đơn hàng, thông tin vận chuyển đến Hệ thống.” Đề nghị bổ sung cụm từ “thì đơn vị cung cấp thông tin phải” và sửa lại điểm b khoản 3 Điều 11 như sau: “Trường hợp có sự thay đổi thông tin về đơn hàng, hủy đơn hàng, thông tin về hàng hóa, thông tin vận chuyển thì đơn vị cung cấp thông tin phải thực hiện cập nhật thông tin về hàng hóa sửa đổi, thông tin về đơn hàng sửa đổi, hủy đơn hàng, thông tin vận chuyển đến Hệ thống.” Lý do: cần bổ sung để quy định được rõ nghĩa.		Tiếp thu và chỉnh sửa
Cục HQ tỉnh Bình Định	Điểm b khoản 4 đề nghị sửa thành “Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đại lý làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan gửi thông tin về đơn hàng, thông tin vận chuyển <b>đến cơ quan hải quan</b> khi nhận được thông tin về đơn hàng của các sàn giao dịch thương mại điện tử”		Khoản 4 quy định thời điểm cung cấp thông tin, đổi tượng tiếp nhận thông tin được quy định tại khoản 3, do vậy, không cần thiết phải bổ sung nội dung này.
Hiệp hội DN Logistic	- Hàng hóa được coi là hàng TMĐT thì bắt buộc phải giao dịch qua sàn TMĐT và sàn này phải có tài khoản và được kết nối với hệ thống quản lý. Điều này chỉ có thể làm được với các sàn trong nước như: Lazada, Sendo, Tiki... hoặc thậm chí các sàn rất nổi tiếng ở nước ngoài nếu họ đăng ký hoạt động ở Việt Nam như: Amazon, Alibaba,... Hiện nay, trên thế giới có hàng trăm nghìn các sàn. Theo quy định này thì phạm vi hàng hóa được coi là hàng TMĐT sẽ bị hạn chế nếu khách hàng mua hàng ở 1 sàn TMĐT khác và sàn đó không có kết nối với Hệ thống quản lý thì không được coi là hàng TMĐT. Việc các sàn nước ngoài phải kết nối với hệ thống quản lý của Việt Nam và phải có tài khoản (đăng ký tài khoản trên hệ thống theo điều kiện trong Phụ lục 1) là rất khó cho các sàn nước ngoài. Ví dụ: đăng ký kinh doanh, mã số thuế, chữ ký số .... - Điểm a khoản 4: “Đối với thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch		- Các đối tượng áp dụng tại Nghị định này sẽ có những thuận lợi nhất định (Thủ tục hải quan nhanh gọn, hướng những chính sách mặt hàng,...) do vậy, đề thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định thì phải tuân thủ các quy định tại Nghị định về việc kết nối với Hệ thống. Đối với các sàn giao dịch không có hiện diện tại Việt Nam



	<p>thương mại điện tử; chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng gửi thông tin về hàng hóa, thông tin về đơn hàng trước khi chuyển hàng cho doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”. Trên thực tế có rất nhiều trường hợp có đơn hàng rồi nhưng chưa thanh toán, thanh toán nhờ thu COD, hoặc trước khi chuyển hàng cho doanh nghiệp vận chuyển. Điều này có thể gây khó cho người mua hàng, và nếu gửi sau khi chuyển hàng cho doanh nghiệp vận chuyển thì sẽ ra sao? Bị xử phạt hay không chấp nhận đó là hàng TMDT?</p>	<p>đã có quy định tại Điều 11</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không thực hiện các quy định (như quy định về cung cấp thông tin) thì không thuộc đối tượng điều chỉnh tại Nghị định này. Việc xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện như đối với hàng hóa thông thường.</li> </ul>
<p>Tổng Công ty Bưu điện VN</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 (Thông tin cung cấp), đề nghị điều chỉnh điểm b thành: “Thông tin vận chuyển {phương thức vận chuyển, số hiệu phương tiện vận chuyển (nếu có), tuyến đường vận chuyển, thời gian đi, dự kiến thời gian đến, cửa khẩu đến (nếu có)}.</li> <li>- Khoản 2 (Đơn vị cung cấp thông tin): đề nghị bổ sung thêm “Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định”.</li> <li>- Khoản 3 (Nguyên tắc, hình thức cung cấp): cần thể hiện rõ hình thức cung cấp thông tin thông qua việc thao tác trực tiếp trên hệ thống của Tổng cục Hải quan (cung cấp thông tin đơn lẻ) hoặc API (cung cấp thông tin số lượng lớn) với các cơ chế bảo mật. Bên cạnh đó, tại điểm b cần bổ sung thêm chủ thể cập nhật thông tin về hàng hóa sửa đổi, thông tin về đơn hàng sửa đổi, hủy đơn hàng, thông tin vận chuyển đến hệ thống.</li> <li>- Khoản 4 (Thời điểm cung cấp thông tin): việc cung cấp các thông tin vận chuyển khó có thể thực hiện được ngay khi nhân được thông tin về đơn hàng của các sản phẩm dịch TMDT, website thương mại điện tử bán hàng do đây là thời điểm để doanh nghiệp thực hiện các công tác chuẩn bị chuyển phát (thu thập dữ liệu từ các sản phẩm TMDT, gom và xác định các hình thức, phương tiện vận chuyển, thời gian vận chuyển). Do vậy, đề nghị bổ sung quy định phù hợp với doanh nghiệp bưu chính được chỉ định.</li> <li>- Khoản 5 (Tiếp nhận thông tin): đề nghị bổ sung thời gian hệ thống thực hiện phản hồi thông tin chấp nhận....</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1: Đây là những thông tin bắt buộc, do vậy, không điều chỉnh.</li> <li>- Khoản 2: Tương tự như giải trình tại mục 2 nêu trên.</li> <li>- Khoản 3: Những thông tin cung cấp đã quy định tại khoản 1. Việc bổ sung thêm chủ thể: tiếp thu và đã chỉnh sửa.</li> <li>- Khoản 4: thông tin về đơn hàng phải đầy đủ các nội dung theo quy định. Vì vậy, ngay sau khi nhận được đầy đủ thông tin cần gửi dữ liệu đến Hệ thống nhằm đảm bảo thông tin đến sớm để cơ quan hải xử lý dữ liệu, đưa ra các quyết định thông quan</li> </ul>

<p>hàng một cách nhanh nhất khi hàng hóa thực đến khu vực cửa khẩu.</p> <p>- Khoản 5: Hệ thống thực hiện phản hồi tự động, do vậy, không cần thiết phải bổ sung thời gian thực hiện.</p>	<p>Giải trình: Hiện nay, tại dự thảo Nghị định đang quy định đối với một thông tin đơn hàng có thể có nhiều người cùng gửi thông tin đến Hệ thống. Quy định này nhằm đảm bảo cho nhiều đối tượng có thể tham gia vào Hệ thống. Tuy nhiên, các dữ liệu khi được gửi trước đến Hệ thống sẽ được sử dụng vào công tác quản lý rủi ro để khi hàng hóa vật lý đến cửa khẩu thì công việc thông quan được diễn ra nhanh nhất. Việc quy định ưu tiên sử dụng kiểm tra giữa thông tin khai báo và thông tin đã gửi trước có đảm bảo thống nhất không thì phải ưu tiên đối với người làm thủ tục hải quan. Vì khi</p>
<p>Cục Hải quan tỉnh Bình Dương</p>	<p>Điểm c khoản 3 quy định: “c) Trường hợp có nhiều hơn một đơn vị gửi thông tin về ....” Việc gửi thông tin về đơn hàng, thông tin về hàng hóa từ các đơn vị khác nhau thuộc khoản 2 Điều 11 Dự thảo Nghị định là hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên, khách quan và liên tục. Do đó, việc quy định Hệ thống ưu tiên sử dụng thông tin gửi đến của đơn vị cung cấp thông tin đồng thời là đơn vị thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là chưa mang tính khách quan và công bằng, ảnh hưởng đến quyền lợi và ích lợi cho các chủ thể tham gia.</p> <p>Đề xuất: Thông tin về đơn hàng, thông tin về hàng hóa gửi đến Hệ thống nên được Hệ thống sử dụng theo thứ tự thời gian: <b><i>gửi trước</i></b> – <b><i>sử dụng trước</i></b> để tạo sự công bằng minh bạch.</p>

				<p>người khai hải quan thực hiện việc khai hải quan thì cơ quan hải quan mới thực hiện thủ tục hải quan. Các thông tin của các đối tượng khác khi gửi đến Hệ thống sẽ thêm nguồn thông tin đầu vào để cơ quan hải quan đánh giá rủi ro.</p>
9	Điều 12	<p>Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa</p>	<p>Đề nghị bổ sung cụm từ “xác nhận theo pháp luật chuyên ngành” và sửa lại đoạn cuối điểm d khoản 2, đoạn cuối điểm đ khoản 3 Điều 12 Dự thảo như sau: “Trường hợp theo quy định của pháp luật chuyên ngành không yêu cầu người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan giấy phép bản chính dưới dạng giấy thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu, xác nhận theo pháp luật chuyên ngành.”</p> <p>Lý do: nếu công chức hải quan chỉ đối chiếu giấy phép bản giấy với hồ sơ hải quan là chưa đủ, mà phải xác nhận trên giấy phép bản giấy theo pháp luật chuyên ngành để ghi nhận giấy phép đó đã được sử dụng để làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</p>	<p>Việc quy định bổ sung xác nhận theo pháp luật chuyên ngành sẽ làm tăng thủ tục hành chính.</p> <p>Trường hợp các quy định về quản lý chuyên ngành yêu cầu phải có xác nhận thì vẫn phải thực hiện theo quy định về quản lý chuyên ngành.</p>
Cục HQ TP.HCM	<p>Trên cơ sở thông tin cung cấp tại Điều 11 để kê khai tờ khai và làm thủ tục Hải quan, do đó đề nghị cần quy định cụ thể hồ sơ điện tử, hồ sơ giấy, hồ sơ chụp (file ảnh)...</p>			<p>Tiếp thu và nghiên cứu trong quá trình xây dựng Nghị định.</p>
Tổng Công ty Bưu điện VN	<p>Đề nghị xem xét để số hóa dữ liệu hồ sơ hải quan, tờ khai hải quan trên cơ sở ứng dụng CNTT trong công tác thông quan hải quan, có sử dụng các cơ chế, hình thức bảo mật, xác thực (chữ ký số, token, username/password,...).</p>			<p>Hệ thống được xây dựng đảm bảo được việc số hóa tài liệu gửi đến.</p>
Cục HQ tỉnh Quảng Ninh	<p>Tại khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định đề nghị sửa: <i>Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định này thành Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa thuộc trường hợp miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định này</i></p>			<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>

	<p>Lý do: khoản 1 Điều 20 Dự thảo quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đó quy định về các trường hợp cấp phép, điều kiện, kiểm tra và các trường hợp miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra. Trong khi đó, hồ sơ hải quan đối với các trường hợp cấp phép, điều kiện, kiểm tra đã quy định tại khoản 2,3 Điều 12.</p>		
<p>10</p>	<p><b>Điều 13</b></p>	<p>Hiệp hội DN Logistic</p>	<p>Các đối tượng áp dụng tại Nghị định ngoài việc được hưởng về mặt thủ tục hải quan nhanh gọn, còn có những ưu đãi khác: như chính sách mặt hàng....</p>
	<p>Điểm d khoản 1 đề nghị sửa đổi như sau: “Đối với hàng hóa là không thể kiểm tra qua máy soi hàng hóa”</p>	<p>Cục HQ tỉnh Bình Định</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>
	<p>-Điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2: đề nghị bổ sung thời gian hệ thống phản hồi cho người khai hải quan về thông tin không phù hợp. -Điểm d khoản 2: đề nghị bổ sung thời gian hệ thống phản hồi cho người khai hải quan về việc kiểm tra hồ sơ hải quan hoặc không phải kiểm tra hồ sơ hải quan.</p>	<p>Tổng Công ty Bưu điện VN</p>	<p>Hệ thống thực hiện phản hồi tự động, do vậy, không cần thiết phải bổ sung thời gian thực hiện.</p>
	<p>Đổi chiếu với khoản 2 Điều 5 và điểm c khoản 2 Điều 13 mới chỉ quy định về trường hợp người khai hải quan thực hiện nộp thuế qua tài khoản của cơ quan hải quan tại kho bạc nhà nước chưa có hướng dẫn đối với trường hợp người khai hải quan thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh số tiền thuế phải nộp cho cơ quan hải quan bởi tổ chức tín dụng theo Luật tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung 2017.</p>	<p>Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>
<p>11</p>	<p><b>Điều 14</b></p>	<p>Cục HQ tỉnh Khánh Hòa</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>

12	<b>Điều 15</b>	Cục Hải quan TP. Hải Phòng	Khoản 1: đề nghị bổ sung thêm thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.	Tiếp thu và chỉnh sửa
13	<b>Điều 15, 16</b>	Cục HQ TP.HCM	<p>Hiệp hội DN Logistic</p> <p>Khoản 2: Yêu cầu hàng đưa vào kho ngoại quan nếu thuộc danh mục phải xin giấy phép nhập khẩu và kiểm tra chuyên ngành thì cần phải kiểm tra chuyên ngành (KTCN), điều này ngược với quy định hiện tại và không phù hợp với các quy định kiểm tra chuyên ngành. Vì trường hợp hàng phải xin giấy phép và kiểm tra chuyên ngành, các cơ quan cấp phép cũng chỉ cấp cho người nhập khẩu trực tiếp, không cấp cho đại lý Hải Quan, không cấp cho kho ngoại quan...</p> <p>Ngoài ra nó có thể phát sinh kiểm tra chuyên ngành hai lần. Ví dụ: Nếu hàng đưa vào kho đã được kiểm tra chuyên ngành và xin giấy phép nhập khẩu rồi, khi có đơn hàng được khởi tạo và truyền đến hệ thống quản lý, lúc đó người nhập khẩu làm thủ tục Hải Quan có cần phải xin giấy phép và kiểm tra chuyên ngành nữa hay không ?</p>	<p>Đối với trường hợp hàng gửi kho ngoại quan, thì chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan có trách nhiệm xin giấy phép kiểm tra chuyên ngành nếu hàng hóa dự kiến nhập khẩu, còn hàng hóa gửi kho ngoại quan mà sau đó xuất khẩu thì không yêu cầu phải xin phép. Đồng thời đã quy định hàng hóa đã xin giấy phép thì được phép trừ lùi giấy phép theo từng đơn hàng được giao cho khách hàng tại Việt Nam. Đây là cơ chế tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tránh trường hợp khi khách hàng đặt hàng doanh nghiệp mới thực hiện xin giấy phép làm chậm thời gian giao hàng, tăng chi phí.</p> <p>Quy định này tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử đối với hàng hóa phải chịu sự kiểm tra</p>

14	<b>Điều 17</b>	Hiệp hội DN Logistic	xuất khẩu, nhập khẩu cũng thực hiện điều 11, 12 và 13 Nghị định này. Nên xem xét việc nộp lệ phí Hải Quan riêng cho hàng TMDT khác với hàng bình thường đang áp dụng. Với số lượng khoảng 1000 tờ khai một ngày mà doanh nghiệp phải kê nộp lệ phí 20.000 đồng cho từng tờ khai là không hiệu quả.	chuyên ngành. Trường hợp doanh nghiệp nộp phí hải quan cho nhiều tờ khai, người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí cho tờ khai đại diện là tờ khai 9999999999 (10 chữ số 9) với tổng số tiền phải nộp. Hệ thống điện tử của cơ quan hải quan sẽ tự động trừ lùi số tiền phí, lệ phí theo nguyên tắc thời gian nợ lệ phí xa nhất (Tờ khai nào phát sinh trước sẽ trừ nợ trước) VD: người nộp phí, lệ phí cho 100 tờ khai hải quan thì trên giấy nộp tiền người nộp phí, lệ phí ghi nộp phí, lệ phí hải quan ghi nộp phí, lệ phí hải quan cho tờ khai 9999999999 với số tiền là 2.000.000đ. Vấn đề này, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 6755/TCHQ-TXNK ngày 18/7/2016 hướng dẫn các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và ngân hàng thương mại phối hợp thu chức năng hạch toán kế toán khi thanh toán nộp phí
----	----------------	----------------------	---	---

			cho nhiều tờ khai hải quan.
15	<b>Điều 18</b>	Cục HQ TP.HCM	Tiếp thu và chỉnh sửa
		Cục HQ tỉnh Quảng Ninh	Chưa thông nhất khai niệm hóa đơn: hóa đơn thương mại, hóa đơn điện tử (Điều 12 và Điều 18) → Đề nghị thống nhất hóa đơn thương mại (hóa đơn điện tử, hóa đơn bán giấy chỉ là các phương thức phát hành)
		Hiệp hội DN Logistic	Theo điểm b khoản 2 Điều 20 của Dự thảo nghị định: miễn thuế và miễn kiểm tra chuyên ngành cho lô hàng có trị giá dưới 1.0 triệu đồng. Định mức này rất thấp theo Quyết định 78/2010/QĐ-TTg từ năm 2010 đến nay đã 9 năm. Ngoài ra nếu còn cộng thêm cước vận chuyển nữa thì lại vô cùng thấp; Ví dụ: Khi mua 1 thời son giá 500.000 VNĐ nhưng cước chuyển phát nhanh nhận hàng trong vòng 1-2 ngày có thể còn cao hơn tiền hàng 700.000 VNĐ, như vậy người mua hàng lại không được hưởng chính sách miễn thuế, miễn kiểm tra chuyên ngành; nếu sử dụng chuyển phát chậm 1 tuần – 15 ngày =300.000 VNĐ thì được miễn thuế. Do vậy nên bỏ cước vận chuyển và phí bảo hiểm nếu có đi, vì trong thực tế phát sinh việc cho công chức Hải quan xác minh lô này chỉ phí vận chuyển là bao nhiêu, người mua hàng cũng lại phải xin đơn vị vận chuyển cung cấp hóa đơn chứng minh chi phí vận chuyển, làm chậm tốc độ thời gian thông quan cho lô hàng.
		Tổng Công ty Bưu điện VN	Khoản 2: thực tế có nhiều trường hợp hàng hóa có giá trị ghi trên hóa đơn thương mại điện tử thấp nhưng khối lượng lớn có phí vận tải quốc tế cao. Do vậy, đề nghị xem xét sửa đổi trị giá hải quan này là trị giá ghi trên hóa đơn thương mại điện tử do người khai hải quan khai báo, không bao gồm phí vận tải quốc tế và phí bảo hiểm quốc tế (nếu có). Trường hợp vẫn yêu cầu bao gồm phí vận tải quốc tế trong trị giá hải quan hàng hóa nhập khẩu, đề nghị làm rõ phương pháp tính phí cụ thể do với hàng bưu chính, cước chuyển phát đang bao gồm cả chi phí chấp nhận, vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam và chi phí vận chuyển, phát hàng tại Việt
			Tiếp thu và chỉnh sửa Theo quy định tại Điều 86 Luật Hải quan thì trị giá hải quan hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F). Do vậy, nếu thực hiện theo kiến nghị thì mâu thuẫn với quy định của Luật Hải quan.
			Trái với quy định tại Điều 86 của Luật Hải quan.

<p>Công ty Fado</p>	<p>Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu thành chi phí người mua phải trả khi mua hàng tại website thương mại điện tử nước ngoài với cùng 1 sản phẩm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá sản phẩm đã có lợi nhuận cho thương nhân nước ngoài: 7đ</li> <li>+ Phí vận chuyển quốc tế (nếu có): 2đ</li> <li>+ Phí bảo hiểm quốc tế (nếu có): 1đ</li> </ul> </li> <li>Tổng cộng: Số tiền người mua thanh toán = 10đ</li> <li>Người mua sẽ thanh toán thuế nhập khẩu và VAT cho hàng hóa nếu có khi hàng hóa được làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam.</li> <li>- Cấu thành chi phí người mua phải trả khi mua hàng tại website thương mại điện tử trong nước với cùng 1 sản phẩm của thương nhân nước ngoài: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá sản phẩm đã có lợi nhuận cho thương nhân nước ngoài: 7đ</li> <li>+ Phí vận chuyển quốc tế (nếu có): 2đ</li> <li>+ Phí bảo hiểm quốc tế (nếu có): 1đ</li> <li>+ Phí hoa hồng cho sàn TMDT Việt Nam (người bán trả): Kđ</li> <li>+ Thuế nhà thầu cho phần doanh thu tại VN (người bán trả): Tđ</li> <li>+ Thuế VAT: Vđ</li> <li>+ Các chi phí quảng cáo marketing khác:....</li> </ul> </li> <li>Tổng cộng: Số tiền người mua thanh toán 10đ+Kđ+Tđ+Vđ...&gt;10đ</li> </ul> <p>Người mua sẽ thanh toán thuế nhập khẩu và VAT cho hàng hóa nếu có khi hàng hóa được làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam. Ngoài ra, có trường hợp người bán tính luôn thuế nhập khẩu trong giá bán trọn gói cho người mua trên sàn, khi đó việc xác định trị giá khai báo hải quan sẽ khó khăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá sử trong 2 trường hợp Hệ thống quản lý hàng hóa XNK qua giao dịch TMDT của hải quan đều nhận được đầy đủ thông tin và bóc tách được giá sản phẩm để tính trị giá khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu thì số thuế nhập khẩu phải nộp nếu có sẽ bằng nhau trong cả 2 giao dịch với cùng 1 sản phẩm. Thì tổng số tiền người mua sẽ phải chi trả trong trường hợp mua sản phẩm tại sàn thương mại điện tử trong nước sẽ lớn hơn khi mua sản phẩm tại sàn thương mại</li> </ul>	<p>Giao dịch mua hàng tại sàn TMDT nội địa không làm phát sinh nghĩa vụ thuế nhập khẩu. Vì về bản chất, chủ sở hữu sản phẩm nội địa khi mua hàng từ nước ngoài để bán lại trên sàn TMDT nội địa thì đã phải thực hiện nghĩa vụ thuế tại thời điểm nhập khẩu. Số tiền thuế này đã được tính vào giá bán hàng hóa trên sàn TMDT nội địa.</p>
---------------------	---	--



			<p>điện tử nước ngoài. Điều này sẽ tạo ra xu hướng người tiêu dùng Việt Nam chi mua hàng tại sàn TMĐT nước ngoài, khi đó các sàn trong nước sẽ giảm tính cạnh tranh so với sàn nước ngoài và người mua Việt Nam sẽ không được bảo vệ quyền lợi khi mua hàng tại các sàn trong nước. Ngay hiêm hơn sẽ tạo ra xu hướng xuất hiện các sàn nước ngoài chuyên bán hàng vào thị trường Việt Nam để tận dụng lợi thế cạnh tranh này so với sàn trong nước.</p> <p>Đề nghị ban soạn thảo lưu ý để tạo sự công bằng giữa sàn Việt Nam và sàn nước ngoài, cũng như giúp tăng thu cho ngân sách, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</p>	
16	<b>Điều 19</b>	Công ty Fado	<p>Đề nghị tiếp tục thống nhất khái niệm trị giá hải quan hàng hóa xuất khẩu, trị giá hải quan hàng hóa nhập đang được sử dụng tại Điều 20 Nghị định 08 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 59.</p> <p>Lý do: trị giá hải quan hàng hóa xuất khẩu, trị giá hải quan hàng hóa nhập theo Điều 20 Nghị định 08 của Chính phủ đã được kiểm chứng, kế thừa, hoàn thiện qua quá trình thực hiện trong thực tế hoạt động xuất nhập khẩu.</p> <p>Theo nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định này thì hàng hóa thương mại điện tử thông quan qua đường chuyển phát nhanh có được áp dụng theo căn cứ quy định tại Điều 1 Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ “Về mức giá trị hàng hoá nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế” thì: “Điều 1. Hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh có giá trị từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) trở xuống được miễn thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng. Đề nghị làm rõ.</p>	<p>Quyết định 78/2010/QĐ-TTg đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2016. (Hiện đang quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP).</p> <p>Tại quy định này không có quy định liên quan đến việc miễn thuế, vì vậy, về chính sách thuế được áp dụng theo các quy định hướng dẫn về thuế.</p>
		Cục HQ tỉnh Khánh Hòa	<p>Tại Điều 19 hiện nay quy định thành 06 khoản, đề nghị sửa thành một đoạn như sau: Đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế; việc miễn thuế, hoàn thuế, giảm thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa, ấn định thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, Luật quản lý thuế và</p>	<p>Trường hợp góp 06 khoản thành 01 nội dung như kiến nghị sẽ gây khó khăn cho việc dẫn chiếu văn bản pháp luật trong quá</p>

			trình thực hiện.
17	<b>Điều 20</b>	<p>các văn bản hướng dẫn thực hiện.</p> <p>Lý do: Dự thảo quy định thành 6 khoản là không cần thiết vì các khoản này chỉ nêu về nguyên tắc và các nguyên tắc này đều được lặp lại trong từng khoản</p> <p>Khoản 1 quy định: “Các trường hợp cấp phép, điều kiện, miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành...”</p> <p>Đề nghị bổ sung từ “chuyên ngành” và sửa lại như sau: “Các trường hợp cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành, miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành...”</p> <p>Theo Nghị định thì lấy mức trị giá hàng hóa là từ 1.000.000 đồng trở xuống để làm mức xác định các chế độ miễn, giảm... thủ tục, tương tự như hàng Chuyên phát nhanh đang thực hiện. Thực tế hiện nay phát sinh trường hợp hàng nhập khẩu là quà biếu quà tặng, mua và thanh toán trực tuyến, gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, như vậy áp dụng mức 2.000.000 đồng (Điều 8 NE 134/2016/NĐ-CP) hay 1.000.000 đồng (Điều 29 NE 134/2016/NĐ-CP) để làm căn cứ miễn giảm thủ tục quản lý chuyên ngành... Do đó, đề nghị quy định rõ việc áp dụng các định mức trị giá hàng quà biếu - tặng với hàng chuyên phát nhanh, với hàng giao dịch qua TMĐT để tránh xung đột, chồng chéo.</p> <p>Khoản 3: Đề nghị cần bổ sung quy định về kiểm soát thời gian ghi nhận kết quả kiểm tra chuyên ngành để đảm bảo thực hiện có hiệu quả.</p> <p>Trường hợp không điều chỉnh trị giá hải quan tại Điều 18 theo đề xuất nêu trên, đề nghị xem xét nâng mức trị giá hải quan để xem xét kiểm tra chuyên ngành từ 1.000.000đ lên 2.000.000đ.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p> <p>Định mức này hiện nay đang căn cứ dựa trên Điều 22 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019. Đề xuất vẫn giữ nguyên nội dung này nhằm tạo sự thống nhất giữa các văn bản.</p> <p>Đã quy định nội dung này tại khoản 3.</p> <p>Định mức này hiện nay đang căn cứ dựa trên Điều 22 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019. Đề xuất vẫn giữ nguyên nội dung này nhằm tạo sự thống nhất giữa các văn bản.</p> <p>Chính vì vướng mắc này nên dự thảo Nghị định</p>
		<p>Cục HQ tỉnh Khánh Hòa</p> <p>Cục HQ TP.HCM</p> <p>Cục HQ Thừa Thiên Huế</p> <p>Tổng Công ty Bưu điện VN</p> <p>Hiệp hội DN</p>	
		<p>Đa phần hàng TMĐT là B2C, người mua hàng chủ yếu là cá nhân trong khi đó hầu hết các bộ ngành đều không cấp giấy phép nhập khẩu và KTCN cho cá nhân.</p>	

Logistic	<p>Vì vậy nếu cá nhân mua hàng qua sàn TMDT về Việt Nam làm thủ tục Hải quan thông báo là hàng thuộc đối tượng phải xin giấy phép nhập khẩu hoặc kiểm tra chuyên ngành thì xảy ra 2 vấn đề:</p> <p>Theo quy định hiện tại khi khai báo Hải quan phải có giấy phép nhập khẩu, nếu không có sẽ bị phát hành chính từ 30 - đến 60 triệu. Như vậy có bị vênh so với quy định hiện tại hay không?</p> <p>Kiểm tra chuyên ngành không cấp cho cá nhân nhưng nếu trong trường hợp có tiếp nhận KTCN thì theo quy định hiện tại việc lấy mẫu kiểm tra cũng không khả thi. Ví dụ: nếu cá nhân chỉ mua 1 chiếc điện thoại mà phải test mẫu kiểm tra thì không thể dùng được nữa và thời gian KTCN khoảng 15-20 ngày, thời gian lâu như vậy thì không còn được gọi là hàng TMDT nữa.</p> <p>Khoản 2: Chưa nói rõ hơn về hàng xuất khẩu; Theo quy định hiện hành hàng xuất khẩu được miễn thuế và miễn kiểm tra chuyên ngành nếu trị giá hàng dưới 5 triệu.</p>	<p>mới quy định bổ sung danh mục hàng hóa miễn kiểm tra chuyên ngành. Còn các sản phẩm không nằm trong danh mục thì không khuyến khích cá nhân thực hiện nhập khẩu mà có thể thông qua các đơn vị trung gian để bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng</p> <p>Khoản 2: Hiện nay hầu hết các mặt hàng xuất khẩu được miễn thuế, miễn kiểm tra chuyên ngành chứ không chỉ có hàng hóa dưới 5 triệu đồng.</p>
<p>Công ty Fado</p>	<p>Khi so sánh nội dung quy định tại khoản 2 Điều 15 với điểm a Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này thì sẽ có sự không công bằng đối với danh mục hàng hóa phải xin giấy phép nhập khẩu, giấy phép kiểm tra chuyên ngành giữa hai trường hợp hàng hóa được vận chuyển lưu trữ trước vào kho ngoại quan và trường hợp hàng được vận chuyển nhập khẩu từ nước ngoài sau khi phát sinh đơn hàng giao dịch thương mại điện tử dưới 1.000.000 đồng.</p> <p>Nếu vậy thì Nghị định tạo sự không ưu tiên cho hàng hóa vận chuyển lưu trữ vào kho ngoại quan trước khi thực hiện nhập khẩu hàng cho khách nước ngoài. Điều này làm giảm phần doanh thu tại Việt Nam cho các tổ chức thương nhân Việt Nam cũng như giảm thuế đóng góp vào ngân sách nhà nước Việt nam. Đề nghị xem xét điều chỉnh sự bất cân bằng này.</p>	<p>Giải trình: Quy định này hoàn toàn không gây ảnh hưởng giữa hai loại hình: với hàng hóa gửi kho ngoại quan khi thực hiện thủ tục nhập khẩu với mỗi lô hàng có trị giá dưới 1 triệu thì vẫn được miễn như đối với trường hợp không gửi kho ngoại quan.</p> <p>Đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan thì được ưu tiên việc xin giấy phép</p>

<p>một lần và trừ lùi trong các lần nhập khẩu</p>	<p>Tiếp thu</p>	<p>Mỗi công đoạn kiểm tra chuyên ngành là khác nhau, vì vậy không thể thống nhất chung được nội dung này. Nếu cán bộ kiểm tra chuyên ngành đã mở Hệ thống và cập nhật thời điểm có kết quả kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện việc cập nhật ngay kết quả tránh phải thực hiện 02 lần. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng</p>
<p>Cục HQ tỉnh Bình Dương</p>	<p>Điểm b khoản 2: Có trị giá hải quan trên 1 triệu đồng nhưng hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa được miễn giấy phép, ... Các tổ chức cá nhân không được thu gom hàng hóa theo tiêu chuẩn miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành của các tổ chức, cá nhân mua hàng giao dịch qua thương mại điện tử khác. Trường hợp có vi phạm sẽ xử lý theo quy định.</p> <p>Việc mua hàng hóa giữa các tổ chức, cá nhân đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa ban hành kèm theo Nghị định là giao dịch mua bán dân sự giữa các bên chịu sự điều chỉnh của Bộ Luật dân sự 2015 và Luật thương mại 2005 và hiện tại chưa có văn bản pháp luật nào quy định chế tại đối với hàng vi mua bán này.</p> <p>Ngoài ra, xét về mặt quản lý, việc phát hiện và xử lý các giao dịch mua bán các tổ chức, cá nhân mua bán những loại hàng hóa trên cũng không hề đơn giản cả về biện pháp quản lý lẫn xử lý, chế tài.</p> <p>Đề xuất: Không quy định chế tài đối với các cá nhân có giao dịch mua bán với nhau vì quy mô nhỏ lẻ, không đáng kể. Đối với các tổ chức mua bán: không quy định chế tài nhưng sẽ thực hiện kiểm tra, giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành nếu hàng hóa lưu thông mua bán trong nước.</p>	<p>Mỗi công đoạn kiểm tra chuyên ngành là khác nhau, vì vậy không thể thống nhất chung được nội dung này. Nếu cán bộ kiểm tra chuyên ngành đã mở Hệ thống và cập nhật thời điểm có kết quả kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện việc cập nhật ngay kết quả tránh phải thực hiện 02 lần. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng</p>
<p>Cục HQ TP. Hải Phòng</p>	<p>- Tại khoản 1: Nội dung quy định các trường hợp cấp phép, điều kiện, kiểm tra, là thành viên chung chung gây khó khăn khi thực hiện</p> <p>Đề nghị quy định rõ thành: các trường hợp xuất nhập khẩu theo giấy phép xuất nhập khẩu có điều kiện, kiểm tra chuyên ngành...</p> <p>- Khoản 3: Đề nghị sửa Hệ thống xử lý thành Hệ thống để thống nhất tên gọi Quy định chậm nhất 02 giờ làm việc sau khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành tại Dự thảo là chưa có cơ sở xác định. Lý do Hệ thống cần có chức năng ghi nhận thời điểm có kết quả kiểm tra chuyên ngành thì mới xác định được 02 giờ làm việc sau đó</p>	<p>Mỗi công đoạn kiểm tra chuyên ngành là khác nhau, vì vậy không thể thống nhất chung được nội dung này. Nếu cán bộ kiểm tra chuyên ngành đã mở Hệ thống và cập nhật thời điểm có kết quả kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện việc cập nhật ngay kết quả tránh phải thực hiện 02 lần. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng</p>

				Hệ thống sẽ thực hiện chức năng cảnh báo thời gian dự kiến có kết quả kiểm tra chuyên ngành.
18	<b>Điều 21</b>	Cục HQ TP. Hải Phòng	Tại điểm b khoản 1: Đề nghị sửa nội dung Ban hành văn bản quy định về tờ khai hải quan thành: <i>Ban hành văn bản quy định trình tự thủ tục cụ thể quản lý hai quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc website thương mại điện tử bán hàng có thông tin về đơn hàng được gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan</i>	Nội dung về quy trình có thể được cấp TCHQ ban hành và như vậy không cần thiết phải đưa vào dự thảo Nghị định.
		Hiệp hội DN Logistic	Điểm a khoản 2: Định kỳ hàng quý cung cấp cho Bộ Tài chính danh sách các sản phẩm thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng có thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa được Bộ Công Thương cấp phép hoạt động. Điều này không khả thi vì số lượng các sản ở nước ngoài là hàng trăm hàng nghìn sản. Theo quy định này được hiểu cá nhân hay doanh nghiệp chỉ được phép mua hàng ở những sản do Bộ Công Thương cung cấp, xác minh? Nếu không nằm trong danh sách Bộ Công Thương cấp thì không được coi là hàng TMDT?	Giải trình: Việc coi là hàng thương mại điện tử được xác định là có thông tin về hàng hóa gửi trước đến Hệ thống. (đã được quy định tại Nghị định)
		Cục HQ Thừa Thiên Huế	Tại điểm a khoản 4 quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ phối hợp với Bộ Tài chính trong việc theo dõi cấp phép, cập nhật thông tin trên Hệ thống... Tuy nhiên, tại Điều 8 quy định về thẩm quyền và mức độ truy cập Hệ thống chỉ quy định 4 đối tượng được cấp có thẩm quyền truy cập Hệ thống. Như vậy, kết quả kiểm tra chuyên ngành sẽ do cơ quan nào cấp nhật vào Hệ thống như hướng dẫn tại Điều 20.	Tiếp thu, bổ sung
V			<b>Ý KIẾN KHÁC</b>	
1		Cục HQ TP. Hải Phòng	Về bố cục dự thảo Nghị định: Đề nghị bố cục lại như sau: Chương I Quy định chung như sau: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, quy định trách nhiệm, thẩm quyền, mô tả chung Hệ thống. Đề nghị tách nội dung liên quan đến vận hành Hệ thống riêng.	Tiếp thu và chỉnh sửa
2		Cục HQ	Qua phương thức giao dịch thương mại điện tử thì giá thanh toán của một đơn	Giải trình: đã trao đổi với

	Thừa Thiên Huế	<p>hàng cho các sản giao dịch điện tử là giá thanh toán qua ngân hàng, số ghi nợ ngân hàng thanh toán qua thẻ thanh toán quốc tế, thẻ dư nợ quốc tế... do đó việc cung cấp thông tin về giá thanh toán sẽ giúp cơ quan hải quan có thêm nguồn thông tin để xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua giao dịch thương mại điện tử. Vì vậy, theo đơn vị muốn quản lý tốt và có hiệu quả đối với các giao dịch qua thương mại điện tử, thu đủ, thu đúng số thuế cho ngân sách nhà nước thì cần phải bổ sung thêm các quy định về trách nhiệm của ngân hàng, ngân hàng nhà nước trong việc cung cấp, phối hợp trao đổi và cập nhật thông tin về các trị giá thanh toán, giá giao dịch của các đơn hàng qua phương thức thương mại điện tử.</p>	<p>NHNN ngân hàng chỉ cung cấp được cụ thể từng đơn hàng theo yêu cầu, không thể cung cấp tự động do không biết khách hàng thanh toán cho nội dung gì.</p> <p>Về vấn đề thanh toán đã yêu cầu các đơn vị cung cấp thông tin để cung cấp thông tin về trị giá thanh toán.</p>
3	Hiệp hội Ngân hàng	<p>Theo nhiệm vụ được quy định tại Khoản 5a Điều 1 Quyết định 431, nội dung chính của Nghị định là giải quyết các vấn đề về chính sách và cơ sở pháp lý, cho nên đề nghị cần nhắc việc nhấn mạnh nội dung về Hệ thống được quy định tại 6 Điều từ Điều 4 đến Điều 10 tại Chương I.</p>	<p>Nội dung hệ thống nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan thực hiện đầu tư hệ thống.</p>
4	Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam	<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Bao quát toàn bộ hồ sơ, dự thảo thể hiện yếu tố cơ bản là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được mua bán qua thương mại điện tử phải dành cho người tiêu dùng</p> <p>Như vậy, hàng hóa xk, nk dù được mua bán qua thươn mại điện tử nhưng là hoạt động thương mại giữa hai pháp nhân hay giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo hồ sơ và nghị định. Vì vậy, cần xem xét lại phạm vi điều chỉnh cũng như tên gọi</p>	<p>Hiện nay theo kheo khái niệm của Khung tiêu chuẩn thì chủ yếu dành cho người tiêu dùng chứ không phải chỉ dành duy nhất cho người tiêu dùng. Vì vậy, các chính sách tại dự thảo nhằm tháo gỡ chủ yếu các vướng mắc cho người tiêu dùng nhưng vẫn không hạn chế việc thực hiện theo hình thức B2B</p>
		<p>Cần bằng nội dung và quy định giữa xuất khẩu và nhập khẩu: Người tiêu dùng mua hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam tăng trong thời gian vừa qua, tuy nhiên</p>	<p>Tại dự thảo đã quy định đầy đủ hồ sơ, quy trình</p>

	<p>cần chú ý để hoạt động bán hàng trực tuyến từ Việt Nam tới người tiêu dùng nước ngoài. Vì vậy cần đề cập đến các quy định liên quan đến xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam qua thương mại điện tử tới người tiêu dùng ở nước ngoài</p>	<p>thủ tục hải quan của hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu. Hiện nay, chính sách của Việt Nam là khuyến khích hàng xuất khẩu phát triển nên các quy định về chính sách mặt hàng đã đơn giản vì vậy không cần tháo gỡ các vướng mắc này.</p>
	<p>Thông tin dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu xuyên biên giới qua thương mại điện tử đối với người tiêu dùng: Cần bổ sung số liệu định lượng về quy mô hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu xuyên biên giới qua thương mại điện tử tới người tiêu dùng. Kiến nghị tới thiểu cần có số liệu thống kê hoặc ước tính số liệu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được gửi qua dịch vụ bưu chính và chuyển phát nhanh giai đoạn 2016-2019</p>	<p>Hiện nay các hệ thống theo dõi của cơ quan hải quan không phân biệt hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch thông thường và giao dịch qua thương mại điện tử. Vì vậy, không thể có số liệu riêng của hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.</p>
	<p>Vướng mắc liên quan tới xuất, nhập khẩu hàng hóa trực tuyến: cần tăng cường chính sách phục vụ cho tăng cường xuất khẩu trực tuyến</p>	<p>Hiện nay đối với thủ tục hải quan việc xuất khẩu không gặp khó khăn. Nhằm thúc đẩy xuất khẩu Bộ Công thương đã có các chính sách nhằm giúp quảng bá hàng hóa xuất khẩu (tìm nguồn ra cho hàng xuất khẩu- nội dung không nằm trong lĩnh vực</p>

					hải quan).
					Nội dung này đã đưa vào kiến nghị sửa Nghị định số 134/NĐ-CP.
					Tiếp thu
				<p>Rà soát sửa đổi mức miễn thuế dưới 1 triệu đồng theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, hiện nay mức miễn thuế này không còn phù hợp</p> <p>Danh mục hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành.</p> <p>Danh mục này là phần không tách rời với Nghị định và góp phần quan trọng để mang lại lợi ích thực sự cho người tiêu dùng mua hàng trực tuyến từ nước ngoài cho các nhà xuất khẩu trực tuyến của ta. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ ngành để danh mục này có ý nghĩa thực chất.</p>	



**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THÂM ĐỊNH CỦA VỤ PHÁP CHẾ**  
*Về đề nghị xây dựng Nghị định của CP về thủ tục hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua thương mại điện tử*

STT	Ý kiến của Vụ Pháp chế	Ý kiến của TCHQ
1	<p><b>I. Về sự cần thiết, căn cứ ban hành, đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh của Nghị định</b></p> <p>1. Để đảm bảo tăng cường quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, tạo thuận lợi cho người xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa qua sân giao dịch, website thương mại điện tử, căn cứ Luật ban hành văn bản QPPL, thực hiện Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, việc TCHQ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử <i>là cần thiết và có căn cứ pháp lý thực hiện.</i></p> <p>2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Vụ Pháp chế <i>nhất trí</i> với Điều 1 và Điều 2 dự thảo Nghị định do Tổng cục Hải quan soạn thảo, gửi kèm hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị định.</p>	<p>Đã đáp ứng</p>
2	<p><b>II. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật, tính khả thi của nội dung chính sách và các giải pháp thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng Nghị định; tính tương thích của nội dung chính sách và các giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</b></p> <p>1. Nội dung của chính sách <i>phù hợp</i> với đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không có quy định trái với Hiến pháp, cơ bản đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật về hải quan, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng.</p> <p>2. Nội dung của chính sách đảo đảm <i>phù hợp</i> với thực tiễn hoạt động, quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa qua giao dịch thương mại điện tử; giải quyết tốt đa khó khăn,</p>	<p>Đã phù hợp</p>

	<p>vương mắc của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua giao dịch thương mại điện tử giữa các cơ quan, tổ chức; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.</p> <p>3. Nội dung chính sách và các giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định <i>không có quy định nào cần trở việc</i> thi hành các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; không có nội dung trái với các điều ước quốc tế có nội dung về quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử mà Việt Nam đã tham gia ký kết.</p>	
3	<p><b>III. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị xây dựng Nghị định</b></p> <p>1. Dự thảo Nghị định <i>cần thiết có quy định các thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được giao dịch qua thương mại điện tử để đảm bảo quy trình quản lý thông suốt, minh bạch, tạo thuận lợi cho người thực hiện.</i></p> <p>Theo đó, trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định, đề nghị Tổng cục Hải quan căn cứ Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và hướng dẫn tại Thông tư 07/2014/TT-BTP để bổ sung đánh giá tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính tại đánh giá tác động chính sách để đảm bảo đánh giá có tính định lượng, đầy đủ các cơ sở gửi Bộ Tư pháp thẩm định, trình Chính phủ xem xét, quyết định. Đánh giá này tiếp tục được thực hiện trong khâu soạn thảo và trình Chính phủ ký ban hành Nghị định.</p> <p>2. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị xây dựng Nghị định: Nội dung dự thảo Nghị định <i>không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.</i></p>	<p>Tiếp thu bổ sung trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định (bổ sung các biểu mẫu 01B/DG-KSTT, biểu mẫu 03/SCM-KSTT về đánh giá thủ tục hành chính đảm bảo có đánh giá định lượng)</p>
4	<p><b>IV. Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định</b></p> <p>Mục tiêu của việc xây dựng Nghị định nhằm hoàn chỉnh văn bản quy phạm pháp luật về việc thực hiện quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, đảm bảo phòng, ngừa đối với các hành vi gian lận thương mại qua biên giới, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực hiện của người khai hải quan; tăng cường</p>	<p>Tiếp thu bổ sung tại tờ trình Chính phủ (mục V), báo cáo rõ các chi phí phát sinh khi triển khai xây dựng Nghị định</p>

	<p>quản lý thông tin trước, ứng dụng quản lý điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; do đó thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định có phát sinh tài chính để đảm bảo thi hành (kinh phí xây dựng pháp luật, kinh phí xây dựng hệ thống dữ liệu điện tử).</p> <p>Tại Mục V, dự thảo Tờ trình Chính phủ đã có nội dung đánh giá đánh giá điều kiện bảo đảm nguồn nhân lực và tài chính cho việc thi hành chính sách tại đề nghị xây dựng Nghị định; tuy nhiên cần bổ sung báo cáo rõ có hay không phát sinh nguồn kinh phí thực hiện.</p>	
5	<p><b>V. Về trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng Nghị định</b></p> <p>1. Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến của một số Bộ, ngành, địa phương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Chính phủ để tổ chức, cá nhân góp ý kiến; các ý kiến tham gia đã được TCHQ giải trình, tiếp thu.</p> <p>2. Thành phần hồ sơ dự kiến trình Bộ gửi thẩm định đề nghị xây dựng Nghị định đã đầy đủ theo Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gồm: tờ trình Chính phủ; Báo cáo đánh giá tác động chính sách; Báo cáo thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, bản chụp ý kiến góp ý; Đề cương dự thảo Nghị định).</p>	<p>Đã đáp ứng</p>
6	<p><b>VI. Về nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định</b></p> <p>1. <u>Tại tờ trình Chính phủ</u>: tờ trình Chính phủ đã đảm bảo đầy đủ nội dung theo Điều 87 Luật Ban hành văn bản QPPL và mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p> <p>Riêng báo cáo về sự cần thiết ban hành Nghị định, đề nghị rà soát để bổ sung cơ sở pháp lý của việc ban hành Nghị định (thẩm quyền ban hành Nghị định của Chính phủ theo Luật ban hành văn bản QPPL, nhiệm vụ giao Bộ Tài chính tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ,...), tại tờ trình Chính phủ mới chỉ báo cáo về cơ sở thực tiễn.</p> <p>2. <u>Tại Báo cáo đánh giá tác động của chính sách</u>:</p> <p>- Đề nghị TCHQ kết cấu lại các nội dung theo mẫu số 01 - Báo cáo đánh giá tác động của chính sách tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p> <p>- Tại mục kiến nghị giải pháp lựa chọn của từng chính sách, đề nghị bổ sung rõ cơ sở pháp lý về thẩm quyền ban hành chính sách được đề xuất lựa chọn để đảm bảo đầy đủ theo yêu</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung vào dự thảo tờ trình (mục I)</p> <p>Đã kết cấu lại báo cáo đánh giá tác động theo đúng mẫu số 01 và bổ sung các nội dung còn tại báo cáo</p>

<p>câu tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p> <p>- Tại phần báo cáo về quá trình lấy ý kiến, đề nghị bổ sung báo cáo về việc Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý như thế nào đề đề đây đủ theo yêu cầu của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật ban hành văn bản QPPL.</p> <p>- Ngoài ra, đề nghị bổ sung: (i) Nội dung về giám sát và đánh giá (nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá thực hiện chính sách); (ii) Các bảng, biểu đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ thực hành chính đã có đánh giá tại Báo cáo đánh giá tác động.</p>	<p>theo đề nghị của Vụ Pháp chế.</p> <p>- Bổ sung nội dung về giám sát đánh giá, các bảng biểu đánh giá tác động theo mẫu quy định.</p>
<p>7</p> <p>3. Tại dự thảo Nghị định:</p> <p>- Về Điều 12 hồ sơ hải quan khi làm thủ tục hải quan:</p> <p>+ Đối với yêu cầu giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu: nội dung nộp/xuất trình giấy phép đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC, hiện đang được sửa đổi, bổ sung để giải quyết vướng mắc phát sinh, theo đó đề nghị TCHQ rà soát, chỉnh lý lại nội dung tại Nghị định quy định riêng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử để đảm bảo thống nhất, phù hợp với hình thức cấp phép của các Bộ quản lý chuyên ngành.</p> <p>+ Hiện hồ sơ phân theo hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, miễn kiểm tra chuyên ngành. Tuy nhiên theo pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì hàng hóa miễn thuế, không chịu thuế có yêu cầu chứng từ riêng đảm bảo xác định được đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, vì vậy đề nghị có đánh giá khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế, không chịu thuế qua giao dịch thương mại điện tử để đề xuất hồ sơ hải quan phù hợp, đảm bảo quản lý của hải quan đối với hàng hóa này.</p> <p>- Về Điều 13 và Điều 14 quy định thủ tục hải quan, đề rõ ràng trong thực hiện, đề nghị bổ sung mẫu tờ khai hải quan (tờ khai giấy), các chi tiêu khai báo hải quan điện tử ban hành kèm theo Nghị định hoặc dẫn chiếu thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.</p>	<p>Về Điều 12:</p> <p>- Hiện nay hồ sơ hải quan TCHQ đã rà soát và quy định dựa trên dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2018/TT-BTC đảm bảo đúng quy định của các đơn vị quản lý chuyên ngành và thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì hồ sơ, thủ tục miễn thuế khi làm thủ tục hải quan là: ngoài hồ sơ hải quan theo quy định tùy từng trường hợp người nộp thuế nộp thêm các chứng từ cần thiết. Đồng thời tại dự thảo Nghị định quy định nội dung miễn thuế đã dẫn chiếu theo các quy định hiện hành (Điều 19). Vì vậy, dự thảo Nghị định đã đảm bảo việc quản lý hải quan của cơ quan hải quan đối</p>

		<p>với loại hàng hóa này.</p> <p>- Về Điều 13, 14: Liên quan đến tờ khai hải quan: tại Điều 21 đã quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính ban hành quy định về tờ khai hải quan; chỉ đạo TCHQ ban hành định danh thông điệp dữ liệu trao đổi giữa cơ quan hải quan và bên cung cấp trao đổi thông tin qua Hệ thống,</p>
8	<p><b>VI. Về tiến độ soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định</b></p> <p>Theo khoản 5 Điều 1 Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính phải trình Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử vào Quý IV/2020. Theo đề xuất tại tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ ban hành Nghị định vào tháng 12/2020 (thông lệ Văn phòng Chính phủ sẽ yêu cầu trình Chính phủ trước ngày 10/12/2020).</p> <p>Vì vậy, đề nghị TCHQ trong thời gian trình Chính phủ phê duyệt đề nghị xây dựng Nghị định, tiếp tục thực hiện lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan và hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ kèm theo dự thảo Nghị định để đảm bảo trình Chính phủ ban hành Nghị định theo đúng tiến độ nêu trên.</p>	<p>Tiếp thu</p>

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2574/BTP-PLQT

V/v góp ý Đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua Thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 27/3/2020

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 63273
Ngày:	20-07-2020
Chuyên:	TCHQ
Số và ký hiệu HS:	

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN	Số: 27.288
Ngày:	21-07-2020
Chuyên:	Trả lời
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/05/2020 của Quý Bộ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử (sau đây gọi là dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

**1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành Nghị định**

Mục 3 phần II dự thảo Tờ trình Chính phủ liệt kê căn cứ pháp lý xây dựng Nghị định bao gồm các luật và nghị định có liên quan nhưng chưa đưa ra được căn cứ pháp lý cụ thể. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ bổ sung cơ sở pháp lý cụ thể về thẩm quyền ban hành Nghị định của Chính phủ theo đúng quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

**2. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của đề nghị xây dựng Nghị định**

Liên quan đến đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Tư pháp nhận thấy có 02 chính sách, là: (1) quy định thủ tục hải quan, cách tính trị giá, thủ tục thu nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, (2) quy định kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Nội dung 02 chính sách này cũng đang được quy định tại một số văn bản pháp luật, như: Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật An toàn thực phẩm năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật Hải quan năm 2014, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Quản lý ngoại thương năm 2017. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ bổ sung giải trình về sự phù hợp, thống nhất của nội dung 02 chính sách này.

*Handwritten signature and date: 21/07/20*

*Handwritten signature: Phương (Thay Lưu) 21/7*

CỤC QUẢN LÝ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM	
ĐẾN	Số: 10988
Ngày:	21-07-2020
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

### **3. Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định**

Theo quy định của Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định do Quý Bộ gửi kèm Công văn số 6153/BTC-TCHQ còn thiếu Bản tổng hợp ý kiến của Bộ, ngành liên quan. Bên cạnh đó, theo khoản 5 Điều 87, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cần xây dựng Đề cương của dự thảo Nghị định thay vì dự thảo Nghị định như đang có trong hồ sơ.

Đối với các tài liệu của Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Tư pháp có ý kiến cụ thể như sau:

#### **3.1. Dự thảo Tờ trình**

Dự thảo Tờ trình đã được Quý Bộ xây dựng phù hợp với yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy nội dung tại mục V dự thảo Tờ trình về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm việc thi hành Nghị định hiện còn chung chung, trong khi các chính sách được đưa ra của Nghị định dự kiến sẽ phát sinh chi phí do có tác động đến nhiều lĩnh vực quản lý chuyên ngành hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ giải trình chi tiết hơn về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Nghị định tại Mục V nêu trên.

#### **3.2. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định**

Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định (dự thảo Báo cáo đánh giá tác động) đã bảo đảm về hình thức theo mẫu số 01 Phụ lục V Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các vấn đề bất cập được nêu tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đều đã được xử lý bằng đề xuất các chính sách tương ứng tại dự thảo Tờ trình Chính phủ. Mặc dù vậy, để hoàn thiện hơn, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc một số nội dung sau:

**3.2.1.** Việc xác định vấn đề bất cập và giải pháp tại từng chính sách vẫn còn chung chung, chưa rõ ràng. Các chính sách tác động đến nhiều lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành của các Bộ, ngành nhưng nội dung đánh giá chủ yếu mới dựa trên phương pháp định tính mà chưa có định lượng, không thể hiện được các

chi phí, lợi ích của các giải pháp, lý do của việc lựa chọn giải pháp. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ hoàn thiện thêm nội dung này của Báo cáo đánh giá tác động.

3.2.2. Đối với nội dung đánh giá tác động thủ tục hành chính, đề nghị Quý Bộ đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách.

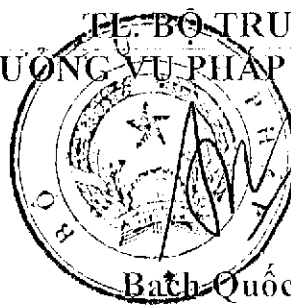
3.2.3. Đối với chính sách quy định về hệ thống dữ liệu hải quan, tại mục 2 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, Bộ Tư pháp nhận thấy Quý Bộ đã nêu rõ sự cần thiết của việc bổ sung chính sách này nhưng chưa giải trình rõ việc thực hiện có dẫn đến phải xây dựng hệ thống mới hay có thể tận dụng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện có. Trong trường hợp việc thực hiện chính sách đặt ra yêu cầu xây dựng hệ thống cơ sở công nghệ thông tin mới, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ giải trình rõ tính tương thích, tính kết nối với các hệ thống quản lý khác có liên quan đang vận hành (ví dụ: Hệ thống công nghệ thông tin một cửa quốc gia...).

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, xin gửi Quý Bộ Tài chính để tham khảo, tổng hợp. *h*

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Khánh Ngọc (để b/c);
- Lưu: VT; PLQT (C).

**TH. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ**



**Bạch Quốc An**



VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ  
CÔNG THÔNG TIN CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 394 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2020

V/v Góp ý đề nghị xây dựng dự  
thảo văn bản quy phạm pháp luật.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số:	0061339
Ngày:	13-07-2020
Chuyên:	PNB
Số và ký hiệu HS:	

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN Số:	360.15
Ngày:	15-07-2020
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung hồ sơ đề nghị trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 30 ngày theo quy định.

Sau 30 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với đề nghị do quý cơ quan chủ trì soạn thảo. /.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- VPCP, BTCN (để b/c), các Vụ KTTH, PL;
- Các PTGD;
- Lưu: VT, DLĐT, PH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Việt Đông

*File 6801  
15/7/20  
HNV*

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HỒ	
ĐẾN Số:	10680
Ngày:	15-07-2020
Chuyên:	PL
Lưu hồ sơ số:	10680

*Lau*

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG H



Ky bởi: Bộ Công Thương  
Quan: Bộ Công Thương  
Thời gian ký: 02.07.2020 09:05:19 +07:00  
CỘNG HÒA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4772 /BCT-XNK

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2020

Về góp ý xây dựng Nghị định về

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÀ CHẾ ĐỘ
XK - NK giao dịch qua TMDT
ĐẾN Số: 4772
Ngày 03-07-2020
Chuyên: P.3
Lưu hồ sơ số: 199

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐẾN Số: 22565
Ngày: 03-07-2020
Chuyên: .....
Số và ký hiệu HS: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trên cơ sở văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử (Nghị định) và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định 431/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

## 1. Về đề xuất ban hành Nghị định

### 1.1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành Nghị định

Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định (mục 3 Báo cáo thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam và mục 1.1 Báo cáo đánh giá tác động) nêu các vướng mắc, tồn tại khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử (bao gồm vấn đề về kiểm soát hàng hóa vi phạm về sở hữu trí tuệ, hàng giả, hàng nhái, kiểm soát giao dịch thanh toán, bảo lãnh, kiểm soát chống gian lận về xuất xứ hàng hóa, tình trạng khai báo không chính xác, tình trạng hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử về Việt Nam bằng con đường không chính thức, gây thất thoát thuế cho nhà nước ...), tuy nhiên, chưa đánh giá được tính hiệu quả, mức độ xử lý các vướng mắc nêu trên theo các chính sách đề xuất xây dựng tại Nghị định. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các thông tin đánh giá để làm rõ hơn sự cần thiết ban hành Nghị định.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình bổ sung về cơ sở pháp lý ban hành Nghị định đảm bảo phù hợp quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

### 1.2. Các chính sách đề xuất ban hành tại Nghị định

Để đảm bảo mục tiêu xây dựng các quy định mới công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử và đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan Hải quan, Bộ Công Thương đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ các nội dung sau:

#### a) Về đối tượng điều chỉnh:

Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, tuy nhiên, không giải thích rõ khái niệm

lưu hồ sơ  
13/07/20  
199

1

lưu

“giao dịch thương mại điện tử”, dẫn đến không xác định chính xác phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Do đó, cơ quan soạn thảo cần bổ sung, làm rõ các hình thức giao dịch qua thương mại điện tử, cơ bao gồm, giao dịch thực hiện qua mạng xã hội, thư điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam/ nước ngoài, website bán hàng tại Việt Nam/ nước ngoài...

*b) Về phạm vi điều chỉnh:*

Theo dự thảo của Bộ Tài chính, Nghị định áp dụng với các đối tượng liên quan đến giao dịch qua thương mại điện tử, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo:

- Bổ sung đánh giá tác động (tác động tích cực, tiêu cực, chi phí, lợi ích...) của các chính sách đề xuất tại Nghị định đối với đối tượng là cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử.

- rà soát, cân nhắc các chính sách liên quan đến đối tượng là cá nhân, tránh trùng lặp, xung đột với các quy định hiện hành, cụ thể:

+ Theo pháp luật quản lý ngoại thương, đối tượng áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương (gồm cấm, tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; hạn ngạch thuế quan; quản lý theo giấy phép, theo điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu; các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch...) là thương nhân tham gia hoạt động ngoại thương. Chưa kể đến, đối với một số loại hàng hóa nhất định quy định tại Phụ lục II Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ, chỉ các thương nhân được chỉ định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được xuất khẩu, nhập khẩu, không bao gồm đối tượng là cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh.

+ Pháp luật hải quan và thuế xuất nhập khẩu hiện hành đã có quy định về thủ tục hải quan, định mức miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ trường hợp cá nhân nhập khẩu hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử đưa về Việt Nam thông qua hình thức quà biếu tặng, hành lý của người nhập cảnh, tải sản đi chuyên, hàng mẫu... sẽ chịu sự điều chỉnh của các quy định hiện hành hay của Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

*c) Về chính sách kiểm tra chuyên ngành*

- Hồ sơ xây dựng Nghị định đề xuất miễn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa phục vụ mục đích cá nhân, không dùng cho mục đích kinh doanh được giao dịch qua thương mại điện tử (mục 4 Báo cáo đánh giá tác động). Để tránh trường hợp tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định pháp luật, khai sai mục đích sử dụng để được miễn kiểm tra chuyên ngành, gian lận thương mại, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ phương án xử lý, xác minh thông tin khai báo về mục đích sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cá nhân.

- Đề nghị làm rõ cơ chế kiểm soát, xử lý vi phạm đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom hàng hóa theo tiêu chuẩn miễn kiểm tra chuyên ngành của các cá nhân, tổ chức khác thực hiện giao dịch qua thương mại điện tử.

#### *d) Về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan*

- Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ tính khả thi, sự cần thiết khi quy định tất cả các đối tượng tham gia giao dịch thương mại điện tử (gồm thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website điện tử bán hàng, doanh nghiệp vận chuyển, địa lý hải quan, chủ hàng hóa) có trách nhiệm đảm bảo hạ tầng kỹ thuật để kết nối, truy cập, cung cấp, lưu trữ thông tin về hàng hóa xuất nhập khẩu trên Hệ thống, bao gồm cả trường hợp chủ hàng là cá nhân giao dịch không thường xuyên, mua hàng với giá trị, số lượng nhỏ.

## **2. Về dự thảo Nghị định**

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các quy định liên quan tại Nghị định sau khi làm rõ các vấn đề tại mục 1.2 công văn này.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa tên gọi và phạm vi điều chỉnh để phù hợp với nội dung của Nghị định gồm: quy định về hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; thu tục, trị giá hải quan; thủ tục thu nộp thuế, các chính sách về thuế; kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.

- Điều 2: Đề nghị nghiên cứu, làm rõ sàn giao dịch thương mại điện tử và website thương mại điện tử bán hàng được đề cập là tại Việt Nam hay nước ngoài.

- Điều 3: Đề nghị bổ sung giải thích khái niệm “Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan” (gọi tắt là “Hệ thống”), phân biệt với “Hệ thống quản lý giao dịch thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu”, đảm bảo thống nhất khi sử dụng các khái niệm này tại hồ sơ ban hành Nghị định.

- Điều 12:

+ Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa khoản 1 thành “Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, giao dịch qua thương mại điện tử thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 20 Nghị định này”.

+ Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa điểm d khoản 2 thành: “Giấy phép xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo pháp luật ngoại thương đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc diện quản lý theo giấy phép, theo điều kiện”.

+ Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa điểm đ khoản 3 thành: “Giấy phép nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo pháp luật ngoại thương đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện quản lý theo giấy phép, theo điều kiện”.

- Điều 21:

+ Đề nghị nghiên cứu, bổ sung vào khoản 1 - trách nhiệm của Bộ Tài chính nội dung: “Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, cung cấp cho Bộ Công

Thương số liệu thống kê về thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử thông qua Hệ thống của năm trước đó”.

+ Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi điểm a khoản 2 - trách nhiệm của Bộ Công Thương thành: “Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, cung cấp cho Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính danh sách cập nhật của năm trước đó các sản phẩm giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng đã được Bộ Công Thương xét duyệt thông báo/ đăng ký có thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa”.

+ Đề nghị lược bỏ điểm b, c vì không liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

+ Đề nghị nghiên cứu sửa đổi hoặc lược bỏ điểm b khoản 4 vì tại điểm b khoản 2 đã quy định các tổ chức, cá nhân không được thu gom hàng hóa theo tiêu chuẩn miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành của tổ chức, cá nhân mua hàng giao dịch qua thương mại điện tử khác.

- Điểm a khoản 4 Điều 21 quy định về trách nhiệm các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Tài chính cập nhật thông tin trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi được giao nhiệm vụ cấp phép, quy định điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về quyền truy cập, mức độ truy cập, khai thác dữ liệu Hệ thống và cơ chế chia sẻ thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thông qua Hệ thống cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

### 3. Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định

Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung vào hồ sơ báo cáo đánh giá tác động về thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

### 4. Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020

Qua rà soát, Bộ Công Thương không đề xuất về hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử về mã HS, mô tả hàng hóa, số lượng được miễn theo năm tại Phụ lục II dự thảo Nghị định.

Trên đây là một số ý kiến của Bộ Công Thương gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Lưu VT, XNK (02).



Trần Quốc Khánh



**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1882 /BKHCN-TĐC  
V/v hồ sơ xây dựng Nghị định về  
quản lý hải quan đối với hàng hóa  
XNK giao dịch qua TMĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN SỐ:.....	33039.....
Ngày: 01-07-2020	
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỆ HI	
ĐẾN SỐ:.....	976p.....
Ngày: 01-07-2020	
Chuyên:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được công văn số 6153/BTC- ngày 26/5/2020 đề nghị có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi nghiên cứu, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

2. Tại dự thảo Báo cáo thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam:

a) Tại mục 1 về phương thức hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu: đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá đối với nhóm sản phẩm, hàng hóa của nhà sản xuất thiết bị gốc - OEM (Original Equipment Manufacturer) vì đây cũng là một trong các nhóm có giao dịch thương mại điện tử lớn.

b) Tại mục 3.2 về cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu: đề nghị bổ sung Phụ lục liệt kê đầy đủ các văn bản quy định về chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

3. Tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ một số nội dung đề nghị xây dựng Nghị định:

a) Đề nghị bổ sung đánh giá tác động của việc xây dựng Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong mối quan hệ với Cổng thông tin một cửa Quốc gia.

b) Đề nghị cần phân tích cụ thể hơn về tác động của việc miễn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử đối với rủi ro về gian lận thương mại, không đảm bảo an toàn, chất lượng. Hiện nay, nội dung liên quan đến quản lý hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có số lượng ít, không đủ để lấy mẫu thử nghiệm theo quy định hoặc chi phí thử nghiệm lớn hơn so với giá trị của lô hàng nhập khẩu đã được đưa vào Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.



*E. luc (KCC)*  
61167/20

*Lau*

#### 4. Tại dự thảo Tờ trình:

Về sự cần thiết ban hành văn bản, đề nghị bổ sung thêm nội dung đánh giá về việc phù hợp với thông lệ quốc tế, với Công ước / Hiệp định quốc tế Việt Nam đã ký kết, tham gia.

#### 5. Về dự thảo Nghị định:

a) Tại khoản 3 Điều 3, đề nghị ghi đầy đủ tên, ngày ban hành Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Nghị định 59/2018/NĐ-CP.

b) Tại điểm b khoản 2 Điều 20, đề nghị chỉnh sửa theo hướng quy định các tiêu chí, nguyên tắc chung để làm căn cứ cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực công bố các sản phẩm, hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi thực hiện giao dịch qua thương mại điện tử và thông báo đến Bộ Tài chính để phối hợp thực hiện, không nên quy định trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này vì việc tổng hợp, trình ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này sẽ mất thời gian, không kịp thời để đáp ứng nhu cầu quản lý trong từng giai đoạn. Đồng thời, đề nghị quy định cụ thể trường hợp vi phạm thì việc thu gom hàng hóa xử lý như thế nào, cơ quan nào có trách nhiệm xử lý.

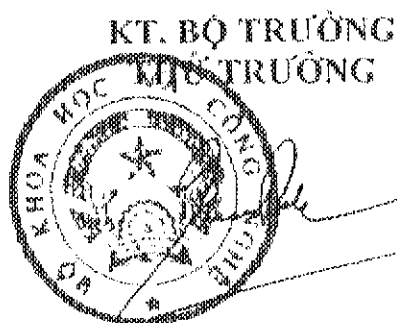
c) Tại điểm d khoản 4 Điều 21, đề nghị chỉnh sửa theo hướng các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực định kỳ hàng năm rà soát, công bố các sản phẩm, hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi thực hiện giao dịch qua thương mại điện tử và thông báo đến Bộ Tài chính để phối hợp thực hiện.

6. Về xây dựng Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi thực hiện giao dịch qua thương mại điện tử: đề nghị Quý Bộ nghiên cứu ý kiến nêu tại điểm b, c mục 5 nói trên của công văn này.

Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến gửi Quý Bộ để tham khảo, tổng hợp./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu: VT, TDC.



**Lê Xuân Định**

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2301** /BQP-KHĐT  
V/v lấy ý kiến Hồ sơ đề nghị xây  
dựng Nghị định về quản lý hải quan  
đối với hàng hóa XK, NK được giao  
dịch qua Thương mại điện tử

Hà Nội, ngày **20** tháng **6** năm **2020**

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: ..... **0058210**  
Ngày: **02-07-2020**  
Chuyên: ..... **TCHQ** .....  
Số và ký hiệu HS: .....

**TỔNG CỤC HẢI QUAN**  
ĐẾN Số: .....  
Ngày: **06-07-2020**  
Chuyên: .....  
Số và ký hiệu HS: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Quốc phòng nhận được văn bản số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với nội dung Hồ sơ.
2. Ý kiến tham gia bổ sung: Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung làm rõ nội dung Khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định: “Kết nối với Cổng thông tin điện tử một cửa quốc gia và các hệ thống liên quan để trao đổi, xử lý thông tin phục vụ quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử; cần có cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu về cá nhân, tổ chức thực hiện và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử cho cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu (trong đó có Bộ đội Biên phòng)”.
3. Về danh mục hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử được miễn giấy phép, điều kiện và kiểm tra chuyên ngành: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Bộ Quốc phòng chưa thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng giao dịch qua thương mại điện tử. Các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện giao dịch qua thương mại điện tử vì mục đích kinh tế thực hiện theo quy định chung của Pháp luật. Trường hợp phát sinh danh mục đề xuất, Bộ Quốc phòng sẽ có văn bản gửi Bộ Tài chính để cập nhật, bổ sung theo quy định.

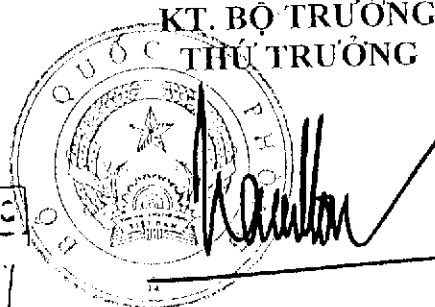
Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, triển khai theo quy định. / *lcm*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục KH&ĐT/BQP;
- Lưu: VT, THBD, PIT04

*Ky Cục BSA*  
*CM*  
*6/8*

**CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HỒ**  
ĐẾN Số: .....  
Ngày: **06-07-2020**  
Chuyên: .....  
Lưu hồ sơ số: .....



**Thượng tướng Trần Đôn**

*lcm*  
*2/2*



Số: 2399 /BVHTTDL-KHTC

V/v góp ý hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XNK giao dịch qua thương mại điện tử và hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2020

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÀ KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH  
ĐẾN Số: 9688  
Ngày 30-06-2020  
Chuyên: Tài chính  
Lưu hồ sơ số: Tài chính về

Kính gửi: Bộ Tài chính

ĐẾN Số: 32844  
Ngày: 30-06-2020  
Chuyên:  
Số và ký hiệu HS:

Phúc đáp Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 (Nghị định), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến đối với lĩnh vực quản lý chuyên ngành như sau:

I. Về hồ sơ dự thảo Nghị định

1.1 Dự thảo Nghị định

- Nhất trí với đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính rà soát kỹ các quy định trong dự thảo để đảm bảo quy định rõ hơn về chế tài, biện pháp thực thi, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chịu trách nhiệm của cơ quan hải quan. Đồng thời, các quy định về miễn kiểm tra chuyên ngành, thủ tục hải quan... phải phù hợp với đặc điểm, tính chất từng loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyên ngành giao dịch qua thương mại điện tử (xuyên biên giới) với nhiều rủi ro tiềm ẩn về gian lận thương mại, gian lận thuế, vi phạm sở hữu trí tuệ, nguồn gốc xuất xứ, về pháp nhân, thể nhân thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Riêng đối với hàng hóa văn hóa là mặt hàng đặc thù nhạy cảm, việc kiểm soát qua biên giới theo cam kết quốc tế của Việt Nam và quy định pháp luật hiện hành từ trước đến nay hết sức chặt chẽ vì đây là mặt hàng luôn gắn với nội dung liên quan đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, chính trị, an ninh, quốc phòng, bản quyền tác giả (quyền sở hữu trí tuệ). Theo đó, một trong những phương thức quản lý nhà nước bắt buộc của cơ quan văn hóa đối với hàng hóa văn hóa là kiểm tra, thẩm định, giám định về mặt nội dung, yếu tố lịch sử, văn hóa, chính trị, hồ sơ nguồn gốc... của sản phẩm, tác phẩm, cũng như việc đáp ứng điều kiện phổ biến, phát hành (không phân biệt trị giá hàng hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính hóa học, vật lý của vật liệu chứa đựng hàng hóa...).

Do vậy tại phạm vi điều chỉnh của Nghị định, đề nghị loại trừ hàng hóa có nội dung văn hóa ra khỏi phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Nghị định. Theo đó, đề nghị bổ sung quy định sau đây để phù hợp với chính sách, đặc điểm và thực tiễn hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa chuyên ngành văn hóa hiện nay:

*"Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kiểm tra chuyên ngành về văn hóa không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Hồ sơ, thủ tục hải quan và kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành văn hóa và quy định pháp luật hiện hành có liên quan."*

Trần Ngọc  
30/06/20

Lưu 80/6

- Ngoài ra, tại Điều 20 Khoản 2, đề nghị bổ sung “văn hóa” vào quy định sau: “2 Ngoài các trường hợp được miễn cấp phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành nêu tại khoản 1 Điều này, việc miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành (trừ kiểm dịch, văn hóa) được áp dụng đối với hàng hóa: ...” . –

## 1.2 Báo cáo đánh giá tác động của chính sách:

Đề nghị viết lại Báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo mẫu và nội dung quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tại Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định đưa ra 04 chính sách, do đó để đảm bảo thống nhất, trong Báo cáo đánh giá của tác động cũng đánh giá tác động của 04 chính sách đã nêu trong Tờ trình.

2. Về Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử:

Căn cứ ý kiến góp ý tại mục 1 Công văn này, đồng thời theo pháp luật hiện hành, hàng hóa có nội dung văn hóa cũng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu... và các văn bản pháp luật hướng dẫn liên quan.

Vì vậy, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không đề xuất đưa hàng hóa nào hiện đang thuộc diện kiểm tra chuyên ngành văn hóa theo quy định pháp luật hiện hành vào Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện kiểm tra chuyên ngành văn hóa khi giao dịch qua thương mại điện tử để thực hiện Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử do Bộ Tài chính xây dựng.

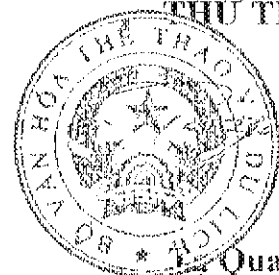
Các trường hợp cấp phép, điều kiện, kiểm tra, miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành văn hóa thực hiện qua các hình thức giao dịch thương mại đề nghị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật chuyên ngành văn hóa và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./. *XB*

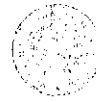
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC, HN.2.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Quang Đông



Ký hiệu: Ngân hàng Nhà  
nước Việt Nam  
Email:  
vnp@ngv.gov.vn  
Cơ quan: Ngân hàng Nhà  
nước Việt Nam  
Ngày ký: 15-06-2020  
16:20:01 - 07:00

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4337 /NHNN-PC

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý đề nghị XD Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua TMDT và DM hàng hóa được miễn, cấp phép, điều kiện, QĐ số 431/QĐ-TTg

<b>TỔNG CỤC HẢI QUAN</b>	
<b>ĐỀ</b>	Số: 30213
Ngày: 17-06-2020	
Chuyên: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỐN NGOÀI QUỐC DỘ

Số: 912/2

ĐẾN Ngày 17-06-2020

Chuyên: 13/12

Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phục đáp Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 29/5/2020 của Bộ Tài chính về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và Danh mục hàng hóa được miễn, cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020, sau khi nghiên cứu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước) có ý kiến như sau:

**1. Về Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử**

**1. Dự thảo Báo cáo thực trạng quản lý:**

Mục 1 dự thảo báo cáo nêu thực trạng về phương thức hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Về nguyên tắc, việc xuất nhập khẩu hàng hóa trong hoạt động thương mại điện tử phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành về xuất nhập khẩu. Vấn đề này thuộc chức năng quản lý của Bộ Công thương. Tuy nhiên, qua phân tích thực trạng của Bộ Tài chính, cần làm rõ các phương thức hoạt động thương mại điện tử nêu tại Mục 1 Dự thảo báo cáo có tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành hay không. Ví dụ, trường hợp đối với hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức mang ra khỏi biên giới Việt Nam, đây có phải là hình thức xuất khẩu dưới dạng thương mại điện tử hay không và hình thức xuất khẩu này có tuân thủ pháp luật chuyên ngành về xuất nhập khẩu hàng hóa hay không?

**2. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ:**

2.1. Trên cơ sở dự thảo báo cáo thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử, Ngân hàng Nhà nước thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính về sự cần thiết ban hành Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Tuy nhiên, như đã nêu tại Mục 1, cần xác định rõ cơ quan hải quan chỉ thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu hợp

Kg. Lưu 68/11  
M 17/6

lan  
17.6  
20/10

pháp, còn đối với hoạt động xuất nhập khẩu trong thương mại điện tử không theo quy định của pháp luật thì cần đề xuất hướng xử lý.

## 2.2. Vấn đề 1:

- Tại điểm 3 Mục 1.1 Phần 3 (trang 3), Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ có nêu nhận định, khi thương mại điện tử qua biên giới phát triển mạnh mẽ, vấn đề đối mặt của cơ quan quản lý về cơ chế thanh toán, bảo lãnh là: *"...không thể kiểm soát giao dịch nào thực hiện thanh toán cho đơn hàng nào, sự phù hợp giữa thực thể thanh toán với đơn hàng"*. Về nội dung nhận định nêu trên:

+ Đề nghị làm rõ cơ quan quản lý về cơ chế thanh toán, bảo lãnh là cơ quan nào?

+ Liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, hiện nay được quy định cụ thể tại Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 80/2016/NĐ-CP); theo đó, bao gồm: *"1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt. 2. Tổ chức, quản lý, vận hành, giám sát hệ thống thanh toán quốc gia; tham gia tổ chức, giám sát sự vận hành của các hệ thống thanh toán trong nền kinh tế. 3. Cấp, thu hồi Giấy phép và giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. 4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức và cá nhân có liên quan đến thanh toán không dùng tiền mặt. 5. Quản lý, giám sát các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thanh toán."* (Điều 5). Trong đó, đối với việc giám sát các hệ thống thanh toán, Thông tư số 20/2018/TT-NHNN ngày 30/8/2018 quy định: (i) Giám sát các hệ thống thanh toán là việc thực hiện theo dõi hoạt động của các hệ thống thanh toán, đánh giá các hệ thống thanh toán và đưa ra cảnh báo, khuyến nghị nếu cần thiết; (ii) Phạm vi của hoạt động giám sát là các hệ thống thanh toán quan trọng: hệ thống thanh toán có vai trò chủ đạo trong việc phục vụ nhu cầu thanh toán của các chủ thể trong nền kinh tế, có khả năng phát sinh rủi ro hệ thống, đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí: Là hệ thống thanh toán duy nhất hoặc chiếm tỷ trọng lớn trên tổng giá trị thanh toán so với các hệ thống thanh toán cùng loại; hoặc là hệ thống xử lý các giao dịch thanh toán giá trị cao; hoặc là hệ thống được sử dụng để quyết toán cho các hệ thống thanh toán khác hoặc cho các giao dịch trên thị trường tài chính (Các hệ thống thanh toán quan trọng hiện quy định tại Thông tư 20/2018/TT-NHNN bao gồm: Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia; Hệ thống thanh toán ngoại tệ (do Ngân hàng TMCP Ngoại

thương Việt Nam vận hành); hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính).

Như vậy, theo quy định pháp luật hiện hành, Ngân hàng Nhà nước không có thẩm quyền trong việc kiểm soát giao dịch thanh toán của các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế nói chung cũng như giao dịch thanh toán trên các trang thông tin điện tử nói riêng.

### 3. Dự thảo Nghị định:

Đề nghị bỏ Khoản 3 Điều 21 Dự thảo Nghị định vì một số lý do sau:

- Căn cứ Khoản 5, Khoản 6 Điều 4 Pháp lệnh ngoại hối, hoạt động thanh toán cho giao dịch xuất nhập khẩu hàng hóa qua thương mại điện tử là giao dịch vãng lai. Theo Khoản 1 Điều 4 Nghị định 70/2014/NĐ-CP ngày 17/7/2014 của Chính phủ, người cư trú, người không cư trú được mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài phục vụ các nhu cầu thanh toán và chuyển tiền cho giao dịch vãng lai.

Đồng thời, theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối (Điều 16 Nghị định 70/2014/NĐ-CP, Điều 6 Pháp lệnh ngoại hối, Khoản 2 Điều 4 Nghị định 70, Điều 35 Thông tư 21/2014/TT-NHNN, Điều 1 Thông tư 28/2016/TT-NHNN), TCTD được phép hoạt động ngoại hối có trách nhiệm xây dựng quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ và quy trình quản lý rủi ro đối với hoạt động ngoại hối, trong đó có quy định chứng từ cụ thể cần xuất trình để kiểm soát cho từng giao dịch ngoại hối. Khi thực hiện các giao dịch ngoại hối cho khách hàng, trên cơ sở quy trình đã xây dựng, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và các chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các tổ chức, cá nhân, khi thực hiện giao dịch mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các giao dịch ngoại hối, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xuất trình các chứng từ theo quy định của tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình cho tổ chức tín dụng được phép.

Về việc cung ứng dịch vụ thanh toán quốc tế, theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 80/2016/NĐ-CP), hoạt động thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế phải tuân theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.

Như vậy, văn bản pháp luật về quản lý ngoại hối đã có các quy định tạo điều kiện thuận lợi, có cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, trong đó bao gồm cả xuất nhập khẩu hàng hóa qua thương mại điện tử.

- Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Do đó, việc giao cho Ngân hàng Nhà nước rà soát, đánh giá các quy định pháp luật hiện hành là chưa phù hợp với phạm vi điều chỉnh và các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định này.

**II. Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg:**

Ngân hàng Nhà nước không đề xuất Danh mục hàng hóa miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử theo Quyết định số 431/QĐ-TTg.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Quý Bộ/. *K*

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Thông đốc NHNN (đề b/c);
- PTF Đoàn Thái Sơn;
- Vụ QLNH, Vụ TT, Cục CNTT;
- Lưu VP, PC2 *uu/*

**KT. THÔNG ĐỐC  
PHÓ THÔNG ĐỐC**



**Đoàn Thái Sơn**

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4131 /BNN-PC

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

V/v ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng  
Nghị định và danh mục hàng hóa được

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐẾN Số: 348/55.....

Ngày: 24-06-2020

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra  
chuyên ngành

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÀ HẢI QUAN

ĐẾN Số: 9476.....

Ngày 24-06-2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Chuyên: P3/M2

Lưu hồ sơ số: .....

Phục đáp Công văn 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính về việc có ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

**I. VỀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

1. Để quản lý hoạt động thương mại điện tử, Quốc hội đã ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử (thay thế Nghị định số 57/2006/NĐ-CP). Theo đó, nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản, tránh mâu thuẫn, chồng chéo, đề nghị quý Bộ phối hợp với Bộ Công Thương rà soát, sửa đổi Nghị định 52/2013/NĐ-CP, trong đó bổ sung nội dung liên quan đến quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử mà không trình Chính phủ ban hành một Nghị định riêng để quy định về nội dung này.

**2. Về báo cáo đánh giá tác động chính sách**

- Những chính sách dự kiến đề cập tại Nghị định có liên quan đến thủ tục hành chính với quy trình, thủ tục thực hiện có sự liên kết với các Bộ, ngành khác nhau. Do đó, báo cáo cần bổ sung đánh giá tác động của thủ tục hành chính, chi phí và mức độ đáp ứng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện quy định về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Trên cơ sở đó kiến nghị giải pháp lựa chọn đối với những chính sách này cho phù hợp.

- Bên cạnh đó, đối với tác động về hệ thống pháp luật, dự thảo Báo cáo đề cập đến 463 văn bản quy định về chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu (Mục 3.2). Đề nghị bổ sung đánh giá tác động đến số lượng các văn bản pháp luật hiện hành (Nghị định, Thông tư) thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của các Bộ cần được sửa đổi để phù hợp Nghị định khi Nghị định được ban hành.

- Về phương pháp đánh giá tác động chính sách: Dự thảo báo cáo sử dụng chủ yếu phương pháp định tính, đánh giá còn mang tính chung chung, chưa đáp ứng theo yêu cầu tại Điều 7 Nghị định 34/2016/NĐ-CP. Đề nghị quý Bộ sử

*E. Lạc*  
24/06/20  
lu

*Lau*

dụng tối đa phương pháp định lượng để đánh giá cụ thể hơn về tác động của các chính sách dự kiến quy định trong dự thảo Nghị định. Ví dụ: về quy định Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, làm rõ số liệu, kinh phí xây dựng, quản lý vận hành hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để có đánh giá tổng thể, khách quan trong việc lựa chọn phương án tối ưu.

### 3. Về dự thảo Đề cương Nghị định

- Điều 8: Đề nghị bổ sung quy định về thẩm quyền và mức độ truy cập Hệ thống của “các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan”.

- Điều 13:

+ Đề nghị xem xét lại nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm g khoản 2. Lý do:

Theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 13: ‘...Hàng hóa trước khi ra khỏi khu vực giám sát của cơ quan hải quan, công chức hải quan thực hiện kiểm tra qua máy soi hàng hóa. Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi không có nghi ngờ, công chức hải quan thực hiện thông quan hàng hóa và xác nhận hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan. Trường hợp kết quả kiểm tra qua máy soi có nghi ngờ, thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa...’. Như vậy, toàn bộ các loại hàng hóa đều được đưa qua khu vực giám sát hải quan. Không thể lấy lý do hàng hóa không thể kiểm tra qua máy soi hàng hóa hoặc không có máy soi hàng hóa để giao việc kiểm tra thực tế hàng hóa cho Chi cục trưởng quyết định theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Quy định như vậy chưa đảm bảo tính công bằng đối với các trường hợp còn lại.

+ Đề nghị quy định rõ thời gian thực hiện đối với các thủ tục hành chính được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định; mẫu hóa các thành phần hồ sơ đồng thời bổ sung quy định về hình thức phản hồi để tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng khi thực hiện.

- Khoản 1 Điều 21: Đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm về “bảo mật thông tin của các đối tượng tham gia trên hệ thống”.

## II. VỀ DANH MỤC HÀNG HÓA ĐƯỢC MIỄN CẤP PHÉP, ĐIỀU KIỆN, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH QUA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Giao dịch qua thương mại điện tử chỉ là một trong những phương thức mua bán, trao đổi hàng hóa bên cạnh phương thức trao đổi, mua bán truyền thống. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện; hàng hóa được phép mua bán, kinh doanh kèm theo mã số HS tại Thông tư 15/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Danh mục này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát việc



mua bán, trao đổi hàng hóa (trong đó có hoạt động xuất nhập khẩu) mà không phân biệt bằng phương thức mua bán nào.

2. Khoản 3 Điều 21, Điều 22 Nghị định 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định cụ thể những trường hợp miễn, giảm kiểm tra chuyên ngành, các trường hợp miễn kiểm tra chuyên ngành trước thông quan. Đồng thời, những trường hợp miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 cũng đã được quy định tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP.

Từ hai lý do trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị không ban hành thêm danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Tổng cục: Thủy sản, Lâm nghiệp;
- Các Cục: Bảo vệ thực vật, Thú y, Trồng trọt, Chăn nuôi, Kinh tế hợp tác và PTNT, Quản lý chất lượng NLS và Thủy sản;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Hà Công Tuấn**



Người ký: Bộ Ngoại giao  
Email: [tlf.mfa@mofa.gov.vn](mailto:tlf.mfa@mofa.gov.vn)  
Cơ quan: Bộ Ngoại giao  
Thời gian ký: 19.06.2020  
10-02-06-407-00

**BỘ NGOẠI GIAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2042**/BNG-LPQT

Vấn góp ý Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

Hà Nội, ngày **18** tháng **6** năm **2020**

<b>TỔNG CỤC HẢI QUAN</b>	
<b>ĐỀ</b>	Số: <b>3.1220</b> ...
Ngày: <b>22-06-2020</b>	
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Quý Bộ đề nghị cho ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

**1. Về Dự thảo Tờ trình**

Dự thảo Tờ trình của Quý Bộ cơ bản đáp ứng các yêu cầu được quy định tại khoản 1, Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đề dự thảo Tờ trình được hoàn thiện hơn, đề nghị Quý Bộ cân nhắc một số điểm sau:

a) Về sự cần thiết của việc ban hành Nghị định, đề nghị Quý Bộ cân nhắc bổ sung các cam kết của Việt Nam về thương mại điện tử trong các FTA đã ký kết, đặc biệt là trong khuôn khổ 02 Hiệp định mới đây là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA).

Ngoài ra, đề nghị cân nhắc bổ sung thêm kinh nghiệm thực tiễn của các nước trên thế giới liên quan đến vấn đề này.

b) Vấn đề nêu tại dự thảo Tờ trình và chính sách nêu tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chưa thực sự thống nhất với nhau (vấn đề 1). Đề nghị Quý Bộ chỉnh sửa cho phù hợp.

**2. Về Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động**

Nội dung đánh giá tác động của các chính sách trong Đề nghị xây dựng Nghị định về cơ bản phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Ngoài ra, đề nghị Quý Bộ lưu ý bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của các chính sách với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (khoản 2, Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

Bộ Ngoại giao trân trọng trao đổi để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp.

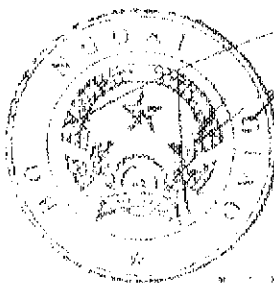
**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ THKT, KTEP
- Lưu: HC, LPQT

Kg. *Aue 6811*  
*M 22/6*

<b>CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỆ HẢI</b>	
<b>ĐỀ</b>	Số: <b>9.545</b> ...
Ngày: <b>22-06-2020</b>	
Chuyên: <b>P.3.112</b>	
Lưu hồ sơ số:.....	



**Lê Hoài Trung**

*lao*

Handwritten notes at the top: "Handwritten numbers and 'BAT' in the top right corner." 2216 -> 434 BAT

**BỘ NGOẠI GIAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2072/BNG-LPQT**

Hà Nội, ngày **18** tháng **6** năm **2020**

V/v góp ý Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

**TỔNG CỤC HẢI QUAN**  
**ĐẾN** Số: **342.20**  
Ngày: **24-06-2020**  
Chuyên: .....  
Số và ký hiệu HS: .....

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**ĐẾN** Số: **54203**  
Ngày: **19-06-2020**  
Chuyên: **TTC**  
Số và ký hiệu HS: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Quý Bộ đề nghị cho ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

**1. Về Dự thảo Tờ trình**

Dự thảo Tờ trình của Quý Bộ cơ bản đáp ứng các yêu cầu được quy định tại khoản 1, Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đề dự thảo Tờ trình được hoàn thiện hơn, đề nghị Quý Bộ cân nhắc một số điểm sau:

a) Về sự cần thiết của việc ban hành Nghị định, đề nghị Quý Bộ cân nhắc bổ sung các cam kết của Việt Nam về thương mại điện tử trong các FTA đã ký kết, đặc biệt là trong khuôn khổ 02 Hiệp định mới đây là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA).

Ngoài ra, đề nghị cân nhắc bổ sung thêm kinh nghiệm thực tiễn của các nước trên thế giới liên quan đến vấn đề này.

b) Vấn đề nêu tại dự thảo Tờ trình và chính sách nêu tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chưa thực sự thống nhất với nhau (vấn đề 1). Đề nghị Quý Bộ chỉnh sửa cho phù hợp.

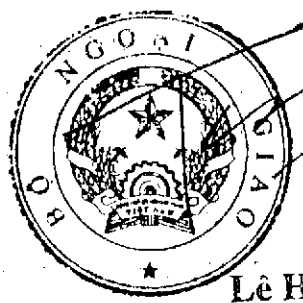
**2. Về Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động**

Nội dung đánh giá tác động của các chính sách trong Đề nghị xây dựng Nghị định về cơ bản phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Ngoài ra, đề nghị Quý Bộ lưu ý bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của các chính sách với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (khoản 2, Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

Bộ Ngoại giao trân trọng trao đổi để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp. /.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

- Nơi nhận:**
- Nhu trên;
  - Vụ THKT; KTEP
  - Lưu: HC, LPQT.



**Lê Hoài Trung**

**CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỆ QUẢN**  
**ĐẾN** Số: .....  
Ngày: **24-06-2020**  
Chuyên: .....  
Lưu hồ sơ số: .....

Handwritten signature and date: Lau 24/6



Người ký: Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
Email: vanphongbo@mpi.gov.vn  
Cơ quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
Thời gian ký: 16/06/2020  
08:43:39 +07:00

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

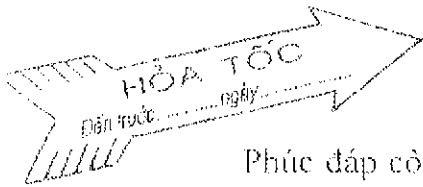
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3854/BKHĐT-KTDV

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

V/v ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua TMĐT và DM hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN theo QĐ 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020

**TỔNG CỤC HẢI QUAN**  
**ĐẾN** số: 30215  
 Ngày: 17-06-2020  
 Chuyển: .....  
 Số và ký hiệu HS: .....



Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Quý Bộ về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với

**CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ MỸ THUẬT**  
**ĐẾN** số: 0114... gọi tắt là: Nghị định  
 Ngày 17-06-2020  
 Chuyển: .....  
 Lưu hồ sơ số: ..... số 431/QĐ-TTg

xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử (sau đây gọi tắt là: Nghị định)

1.1 Sự cần thiết ban hành Nghị định

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Theo đó, tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 431/QĐ-TTg, Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định. Việc xây dựng Nghị định nhằm tạo hành lang pháp lý để các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện thủ tục hải quan chủ động, thuận lợi; bên cạnh đó, là cơ sở để quy định thủ tục hải quan cũng như việc triển khai thực hiện được đơn giản, công khai, minh bạch, bảo đảm cạnh tranh công bằng, lành mạnh giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động thương mại điện tử, phòng chống gian lận thương mại.

1.2 Ý kiến cụ thể

- Hồ sơ xây dựng Nghị định bao gồm: (i) Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định; (ii) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ một số nội dung

*Ky Lưu Ban*  
*M 17/6*

*lan*  
*17/6*  
*je*

đề nghị xây dựng Nghị định; (iii) Dự thảo Báo cáo Thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam; (iv) Dự thảo Nghị định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cơ bản nhất trí với các nội dung tại Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ một số nội dung đề nghị xây dựng Nghị định và Dự thảo Báo cáo Thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam.

- Đối với Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định.

Mục II.3. Căn cứ pháp lý: Đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản pháp luật khác có liên quan đến thương mại điện tử như Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử...

- Đối với Dự thảo Nghị định:

+ Kết cấu của Dự thảo Nghị định:

Nhằm đảm bảo các giải pháp đặt ra tại Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Dự thảo Nghị định đã đề cập đến 4 nhóm nội dung chính sách, bao gồm: quy định về cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan); quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử; quy định về giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; quy định về cách tính trị giá hải quan. Tuy nhiên, bố cục các nội dung này đang được xây dựng chưa rõ ràng giữa các nội dung. Đề nghị kết cấu lại mỗi nội dung theo từng chương riêng biệt, như: Chương về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (từ Điều 4 đến Điều 11); Chương về thủ tục hải quan (từ Điều 12 đến Điều 17)... Ngoài ra, bổ sung Chương về Tổ chức thực hiện (Điều 21).

+ Điều 4. Hệ thống đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử. Đề nghị quy định cụ thể về hạ tầng kỹ thuật cần thiết trong hoạt động giao dịch thương mại điện tử đối với tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp thông qua Hệ thống, nhằm đảm bảo thống nhất và tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

Ngoài ra, nhằm phù hợp với Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị điều chỉnh lại tên của Hệ thống là "Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử".

+ Điều 5. Chức năng của Hệ thống: Đề nghị bổ sung chức năng “cập nhật các thông tin về các sản phẩm giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng (thông tin khuyến mại, chính sách bán hàng...) và các cơ chế, chính sách quản lý về thương mại điện tử (chính sách thuế, mã HS, danh mục hàng hóa phải thực hiện kiểm tra chuyên ngành...).

+ Khoản 7 Điều 7 và khoản 1 Điều 9 có nội dung trùng lặp về trách nhiệm lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu của đơn vị quản lý Hệ thống. Đề nghị rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

+ Khoản 3 Điều 11: Đề nghị quy định rõ đối tượng thực hiện cập nhật lên Hệ thống các thông tin về hàng hóa sửa đổi, thông tin về đơn hàng sửa đổi, hủy đơn hàng, thông tin vận chuyển (tại điểm b); nêu rõ cơ chế phân quyền/ủy quyền trong việc cung cấp thông tin lên Hệ thống (tại điểm a, c, d).

+ Khoản 5 Điều 11: Đề nghị quy định thời gian phản hồi thông tin chấp nhận hoặc không chấp nhận của cơ quan hải quan.

### 1.3 Ý kiến khác

Trong quá trình xây dựng Nghị định, đề nghị bổ sung cụ thể các nội dung liên quan tới quy định về giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như nội dung quy định về cách tính trị giá hải quan, thu nộp thuế, các chính sách về thuế.

Bên cạnh đó, trong Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ một số nội dung đề nghị xây dựng Nghị định có nhận định “hồ sơ cấp phép của các đơn vị quản lý chuyên ngành hiện nay chỉ phù hợp với đơn vị thực hiện nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh; còn nếu cá nhân nhập khẩu chỉ nhằm mục đích sử dụng cá nhân thì không có giấy tờ đáp ứng đủ điều kiện để được cấp phép” (mục III.4.1). Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa thể hiện rõ các nội dung nhằm đơn giản tối đa thủ tục cho hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử để phục vụ cho mục đích sử dụng cá nhân. Đề nghị xem xét nghiên cứu nội dung này.

2. Đối với Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành

Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có thẩm quyền cấp phép và thực hiện các thủ tục, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có cơ sở để xác định danh mục

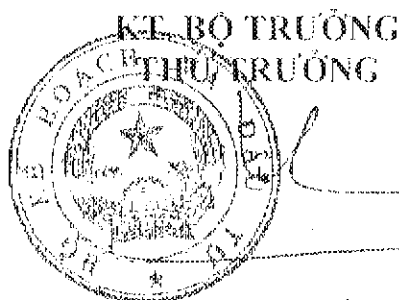
hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử (về mã HS, mô tả hàng hóa, số lượng được miễn theo năm).

Ngày 30/3/2018 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT về danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được. Đề nghị Quý Bộ lưu ý rà soát, xem xét các vướng mắc, tồn tại (nếu có) đối với các mặt hàng quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT, làm cơ sở đề xuất các biện pháp, quy định cụ thể các nội dung liên quan tới các mặt hàng này vào Dự thảo Nghị định và Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Quý Bộ để tham khảo, tổng hợp. *HL*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các đơn vị: TCTT, KTCN, KINN.
- Lưu: VT, KTDV<sub>2</sub>



**Võ Thành Thống**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3167 /BTNMT-CNTT

V/v góp ý đối với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính  
(qua Tổng cục Hải quan)

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN	Số: 29912
Ngày:	16-06-2020
Chuyên:	.....
Số và ký hiệu HS:	.....

Phúc đáp Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi xem xét, nghiên cứu nội dung dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử gửi kèm theo Công văn nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với đề xuất của Bộ Tài chính về sự cần thiết xây dựng, ban hành Nghị định nêu tại dự thảo Tờ trình cũng như nội dung dự thảo Báo cáo thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử và Báo cáo sơ bộ đánh giá tác động chính sách của dự thảo Nghị định.

2. Đề nghị rà soát, xem xét, chỉnh sửa tên Hệ thống và các chức năng của Hệ thống nêu trong dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định, bảo đảm thống nhất, đáp ứng mục tiêu nêu tại Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trên đây là ý kiến đóng góp của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, nghiên cứu, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo),
- Lưu: VT, CNTT.

*Ky au bsc*  
*M*  
*16/6*

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỆ HC	
ĐẾN	Số: 9018
Ngày:	16-06-2020
Chuyên:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....



Trần Quý Kiên

Ký bởi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
Cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
Ngày ký: 12.06.2020  
16:49:57 +07:00

*lau*  
*16.6*  
*20*  
*tl*



Số 2191 /BT/TTT-KHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2020

V/v hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua TMĐT và Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HẠ	
ĐẾN SỐ: 9025	
Ngày: 16-06-2020	
Chuyển: P3	
Lưu hồ sơ số: 1000	

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN SỐ: 29964	
Ngày: 16-06-2020	
Chuyển: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử về cơ bản đã đáp ứng quy định tại Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hiện nay Bộ Công Thương đang đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 52/2013/NĐ-CP trong đó có nội dung về giao dịch sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua thương mại điện tử, đề nghị Quý Bộ xem xét có sự thống nhất với Bộ Công Thương về nội dung này để tránh quy định chồng chéo.

2. Đối với quy định về đảm bảo chất lượng hàng hóa nhập khẩu, miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Qua rà soát cho thấy pháp luật đã có các quy định về miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (hàng hóa nhóm 2) khi nhập khẩu, như miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (khoản 4 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) và miễn kiểm tra chất lượng nếu hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh (điểm p khoản 7 Điều 7 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 74/2018/NĐ-CP). Để đảm bảo vấn đề an toàn của hàng hóa nhập khẩu, các hàng hóa là thiết bị thu-phát sóng vô tuyến điện thuộc quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông nhập khẩu chỉ được miễn kiểm tra khi đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và không nhằm mục đích kinh doanh, chỉ phục vụ mục đích sử dụng cho cá nhân.

Thực tế cho thấy nhiều thiết bị thu-phát vô tuyến điện lớn nhỏ (thiết bị kích sóng di động, thiết bị điện thoại kéo dài DECT, bộ đàm, micro không dây...) không phân biệt trị giá lớn hoặc nhỏ hơn 1 triệu đồng đã gây mất an toàn (can nhiễu nghiêm trọng đến các

kg Cuc 6800  
M 16/6

lan  
16/6  
20/20

hệ thống vô tuyến trọng yếu), do vậy việc căn cứ theo trị giá hải quan để miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thiết bị thu-phát vô tuyến điện là không phù hợp. Đề nghị tham khảo thực tiễn quản lý ở các nước về vấn đề này, không phân biệt theo trị giá hải quan mà quy định việc miễn kiểm tra trên cơ sở Danh mục hàng hóa được miễn kiểm tra chuyên ngành và các điều kiện để đảm bảo tính an toàn của hàng hóa do các Bộ quản lý chuyên ngành đề xuất.

### 3. Ý kiến góp ý cụ thể đối với Nghị định

- Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định: xem xét khung pháp lý để có thể áp dụng đối với tất cả các loại hàng hóa phát sinh trên sàn TMĐT (không chỉ riêng giao dịch có thông tin đơn hàng được gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan); xem xét hoàn thiện khung pháp lý áp dụng đối với tất cả các giao dịch thương mại điện tử, kể cả trên các ứng dụng như zalo, facebook... và với các loại hàng hóa như phần mềm, nội dung số, dịch vụ xuyên biên giới (không chỉ là giao dịch hàng hóa hữu hình thông thường).

- Về đối tượng áp dụng: đề nghị bổ sung thêm “Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định” do tính chất đặc thù của doanh nghiệp bưu chính được chỉ định khác so với các doanh nghiệp, tổ chức vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu khác. Đề nghị trong quá trình xây dựng Nghị định Ban soạn thảo có lấy ý kiến của các doanh nghiệp bưu chính được chỉ định để việc thực thi phù hợp với đặc thù về nghiệp vụ của các doanh nghiệp này.

- Về hồ sơ hải quan, và hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: đề nghị tăng cường cắt giảm thủ tục hành chính, chấp nhận hồ sơ điện tử để phù hợp với sự phát triển của kinh tế số; có chức năng chia sẻ thông tin về trạng thái đơn hàng tại cửa khẩu hải quan mà người mua đơn hàng có thể kiểm tra trực tiếp tại giao diện của sàn TMĐT. Cần có quy định về mức độ tiếp cận hệ thống đối với chủ hàng hóa để giải quyết và xác định trách nhiệm trong trường hợp có vi phạm, lỗi (hải quan hay thương nhân, tổ chức cung cấp sàn TMĐT).

- Điều 20: Đối với hàng hóa là thiết bị viễn thông - công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông: đề nghị quy định miễn kiểm tra chuyên ngành không căn cứ theo trị giá hải quan của hàng hóa. Quy định miễn kiểm tra khi đáp ứng các điều kiện (i) thuộc Danh mục hàng hóa được miễn kiểm tra chuyên ngành quy định tại Phụ lục II của Nghị định; (ii) cùng tên gọi, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật với hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy; (iii) không nhằm mục đích kinh doanh (phi mậu dịch), chỉ phục vụ mục đích sử dụng cho cá nhân; (iv) số lượng/ định lượng theo người/năm. Trường hợp được miễn kiểm tra chuyên ngành thì chủ hàng hóa nhập khẩu có trách nhiệm không được bán ra thị trường và khi đưa vào sử dụng phải tuân thủ các quy định có liên quan.

- Điều 21: Bổ sung thẩm quyền và mức độ truy cập Hệ thống của các Bộ quản lý chuyên ngành nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước. Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin các giao dịch thương mại điện tử được miễn kiểm tra

chuyên ngành cho các Bộ quản lý chuyên ngành nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Quy định, biện pháp để kiểm soát số lượng nhập của 1 người mua hàng/năm theo định lượng vì lí do 1 người có thể mua hàng trên nhiều sàn giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử.

4. Đề xuất Danh mục hàng hóa được miễn kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử:

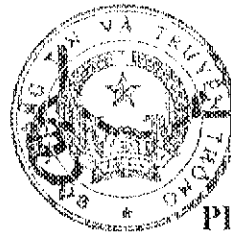
Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất theo Phụ lục kèm theo. Nội dung Danh mục sẽ tiếp tục được rà soát, hoàn chỉnh trong quá trình lấy ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Lưu: VT, KHCN (6).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



Ký bởi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
Cơ quan: Bộ Thông tin và Truyền thông  
Thời gian ký: 15/06/2020 14:25:45

**Phan Tâm**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA GIAO DỊCH QUA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**  
**ĐƯỢC MIỄN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH**  
*(Kèm theo công văn số /BTTTT-KHCN ngày / /2020 của Bộ TTTT)*

STT	Mã hàng (Mã HS)	Mô tả hàng hóa	Định lượng/số lượng được miễn	Hình thức kiểm tra chuyên ngành	Văn bản quy định chính sách quản lý
1	49.07	Các loại tem bưu chính chưa sử dụng đang được lưu hành hoặc tem bưu chính mới phát hành, có hoặc sẽ có giá mặt được công nhận; ấn phẩm có in sẵn tem (trừ tem bưu chính thuộc diện cấm kinh doanh, trao đổi, trưng bày, tuyên truyền theo quy định của Luật bưu chính)	Không quy định	Giấy phép nhập khẩu	Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Khoản 3 Điều 4 Nghị định này quy định bãi bỏ Điều 18 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bưu chính. Như vậy, kể từ ngày 24/12/2018 Thông tư số 26/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 về việc quy định chi tiết thi hành Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ đối với việc nhập khẩu tem bưu chính hết hiệu lực.

2	8517.12.00	<p>Điện thoại di động:  Máy điện thoại hoặc thiết bị đầu cuối di động sử dụng GSM (2G)/W-CDMA (3G)/E-UTRA FDD (mạng 4G/LTE)/5G có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu cuối thông tin di động GSM;</li> <li>- Đầu cuối thông tin di động W-CDMA FDD;</li> <li>- Thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz;</li> <li>- Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz;</li> <li>- Phát, thu - phát vô tuyến cự ly ngắn.</li> </ul>	01/người/năm	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu	Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT
3	8471.30.90	<p>Máy tính bảng:  Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình (trừ máy tính xách tay, notebook, subnotebooks),</p>	01/người/năm	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu	Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT

		<p>có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz;</li> <li>- Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz;</li> <li>- Thu phát vô tuyến cự ly ngắn.</li> </ul>			
4	8471.30.20	<p>Máy tính xách tay (Laptop and portable Computer):  Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình, có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz;</li> <li>- Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz;</li> <li>- Thu phát vô tuyến cự ly ngắn.</li> </ul>	01/người/năm	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu	Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT
5	8471.41.10	<p>Máy tính cá</p>	01/người/	Kiểm tra	Thông tư số 30/2011/TT-

		<p>nhân để bàn (Desktop computer):  Thiết bị được thiết kế chứa trong cùng một vỏ, có ít nhất một đơn vị xử lý trung tâm, một đơn vị nhập và một đơn vị xuất, kết hợp hoặc không kết hợp với nhau, có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trái phổ trong băng tần 2,4 GHz;</li> <li>- Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz.</li> </ul>	năm	chất lượng hàng hóa nhập khẩu	BTTTT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT
--	--	--	-----	-------------------------------	--

Số: 1972/BCA-VP

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

V/v rà soát danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử về mã HS được miễn theo năm

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số:	<u>0052604</u>
Ngày:	<u>15-06-2020</u>
Chuyên:	<u>TCHQ</u>
Số và ký hiệu HS:	.....

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN số:	<u>302.76</u>
Ngày:	<u>17-06-2020</u>
Chuyên:	.....
Số và ký hiệu HS:	<u>Chính phủ về</u>

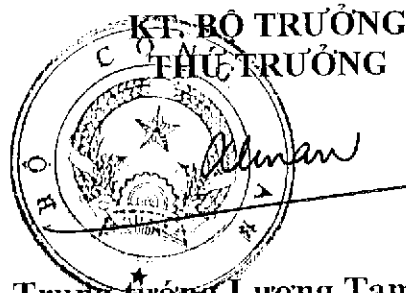
Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Bộ Công an đã tiến hành rà soát, xác định không có danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành thuộc diện quản lý của Bộ Công an để đưa vào danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử về mã HS, mô tả hàng hóa, số lượng được miễn theo năm.

Bộ Công an trao đổi để quý Bộ tổng hợp. / Duy

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP (TMAN).



Trung-tướng Lương Tam Quang

*Kg Cục 6811*  
*CM 17/6*

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HƯ	
ĐẾN Số:	<u>9078</u>
Ngày:	<u>17-06-2020</u>
Chuyên:	<u>3</u>
Lưu hồ sơ số:	.....

*lan*  
*17.6*  
*20 K*



**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1186 /VHL-KHTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

V/v Góp ý kiến đối với dự thảo hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hoá XK, NK được giao dịch qua TMĐT và DM hàng hoá được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN theo QĐ 431/QĐ-TTG ngày 27/3/2020

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN Số:.....	18247
Ngày: 24 -06- 2020	
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý kiến đối với dự thảo hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hoá được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử theo Quyết định số 431/QĐ-TTG ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có ý kiến như sau:

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã nghiên cứu và không có ý kiến gì thêm đối với nội dung của dự thảo và danh mục hàng hoá theo Quyết định số 431/QĐ-TTG ngày 27/3/2020 nêu trên.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Viện (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC. L4



BT huc6501  
22/06/20  
huc

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỆ HO	
ĐẾN Số:.....	9479
Ngày 24 -06- 2020	
Chuyển:.....	P3
Lưu hồ sơ số:.....	

Lưu

**THANH TRA CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1049/TTCP-PC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua TMĐT và DM hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN theo QĐ 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020

<b>TỔNG CỤC HẢI QUAN</b>		<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>	
<b>ĐẾN</b> Số: 15.199		<b>ĐẾN</b> Số: 005.7369	
Ngày: 02 -07- 2020		Ngày: 30 -06 2020	
Chuyên: .....		Chuyên: T.M.R	
Số và ký hiệu HS: .....		Số và ký hiệu HS: .....	
Kính gửi: Bộ Tài chính			

Phúc đáp Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý vào hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, sau khi nghiên cứu, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Thương mại điện tử là xu hướng tất yếu trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam cũng như của các nước trên thế giới. Tuy nhiên, do tốc độ tăng trưởng cao của thương mại điện tử nên đòi hỏi các cơ chế chính sách quản lý phải thay đổi phù hợp với hoạt động của thương mại điện tử đặc biệt là thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Chính vì vậy, việc xây dựng Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử là rất cần thiết.

Thanh tra Chính phủ đồng ý với nội dung, bố cục của Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định; Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Dự thảo báo cáo thực trạng; Dự thảo Nghị định nói trên.

2. Thanh tra Chính phủ với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao không có danh mục hàng hóa theo quy định tại điểm b khoản 5 Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định các bộ, ngành được giao quản lý việc cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trên đây là ý kiến của Thanh tra Chính phủ, kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. / *Thu*

Nơi nhận: *Thu*

- Nhu trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Nguyễn Văn Thanh;
- Lưu: VT, Vụ PC (02)

**KT. TỔNG THANH TRA  
PHÓ TỔNG THANH TRA**

*Đã làm (K) 02/07/20*

<b>CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỆ HƯ</b>	
<b>ĐẾN</b> Số: 9815	
Ngày: 02 -07- 2020	
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	



**Nguyễn Văn Thanh**

*Luu*

Số: /BGDDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

V/v góp ý dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo QĐ số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020

Kính gửi: Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) nhận được Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử (Nghị định) và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020. Sau khi nghiên cứu, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

## **I. Về dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định**

### **1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định**

Ngày 27/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 431/QĐ-TTg phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, theo đó giao Bộ Tài chính thực hiện xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn quản lý hoạt động này. Vì vậy, Bộ GDĐT nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định.

### **2. Về các dự thảo Báo cáo**

- Tại trang 3 của dự thảo Báo cáo đánh giá tác động (Vấn đề 1), cơ quan chủ trì soạn thảo nhận định các quy định pháp luật có liên quan đến quản lý hoạt động giao dịch thương mại điện tử trong các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Giao dịch điện tử 2015, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử, Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Luật An ninh mạng... **chưa đầy đủ, đồng bộ.**

Đề nghị nêu cụ thể hơn những chồng chéo, chưa đồng bộ của các quy định có liên quan trong Báo cáo đánh giá thực trạng để làm rõ sự cần thiết ban hành Nghị định thay vì giữ nguyên hiện trạng hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành.

- Tại trang 8 dự thảo báo cáo đánh giá tác động (Vấn đề 4), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không nhận định “**hầu như không có** quy định miễn kiểm tra chuyên ngành...” mà cần khẳng định có hay không có, hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không phù hợp với thực tiễn.

### **3. Về dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định**

Hiện nay Nghị định số 87/2012/NĐ-CP và Thông tư số 38/2015/TT-BTC có quy định về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ trong Tờ trình Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan quy định trong dự thảo Nghị định và Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan quy định trong Nghị định số 87/2012/NĐ-CP và Thông tư số 38/2015/TT-BTC có phải là một hay không. Nếu là một, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các điều khoản có liên quan (ví dụ như điều kiện đối với tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp thông tin qua Hệ thống – quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định và khoản 5 Điều 6 Thông tư số 38/2015/TT-BTC), đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

### **4. Về dự thảo Nghị định**

- Tại khoản 3 Điều 3, đề nghị chỉ dẫn chiếu “người khai hải quan” theo quy định của Luật Hải quan vì Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP chỉ quy định chi tiết quy định của Luật Hải quan.

- Tại Điều 4, đề nghị xem xét tách khoản 3 thành một Điều riêng quy định về điều kiện tham gia cung cấp thông tin qua Hệ thống.

- Đề nghị xem xét sửa đổi tên Chương II từ Quy định cụ thể thành Quy định chi tiết.

## **II. Về việc xây dựng danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử**

Bộ GDĐT không được giao quản lý việc cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó nội dung này không thuộc nhiệm vụ của Bộ GDĐT.

Kính gửi Quý Bộ để tổng hợp.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phạm Ngọc Thương**

**THÔNG TẤN XÃ  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 590 /TTX-KHTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo hồ sơ  
đề nghị xây dựng Nghị định về  
quản lý hải quan đối với hàng hóa  
XK, NK được giao dịch qua TMĐT  
và DM hàng hóa được miễn cấp

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN	Số: 5.7.5.2020
Ngày:	03-07-2020
Chuyển:	.....
Số và ký hiệu HS:	.....

CỤC GIÁM SÁT THU AN LẬP	
ĐẾN	Số: 4.9.08
Ngày:	03-07-2020
Chuyển:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

phép, điều kiện, KTCN theo quyết  
định 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020

Kính gửi: Bộ Tài chính (TCHQ)

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) nhận được Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Quý cơ quan đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua TMĐT và DM hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN theo quyết định 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020.

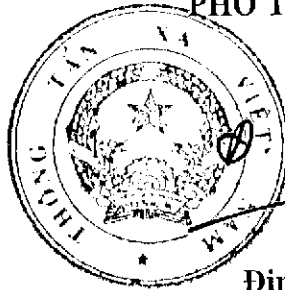
Sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung của dự thảo tờ trình, các dự thảo báo cáo, dự thảo Nghị định nói trên, TTXVN hoàn toàn nhất trí đối với nội dung được nêu tại dự thảo và không có ý kiến đóng góp thêm, đồng thời đơn vị cũng không có ý kiến về danh mục hàng hóa tại mục 2 của công văn nêu trên.

TTXVN trân trọng báo cáo để Quý cơ quan xem xét, tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đinh Đăng Quang**

*Handwritten signature and date: 03/07/20*

*Handwritten signature: lau*



Ký bởi: Bộ Xây dựng  
 Email: boxaydung@muc.gov.vn  
 Cơ quan: Bộ Xây dựng Bộ Xây dựng  
 Thời gian ký: 09/06/2020  
 4.12.22 CH

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2438/BXD-VLXD

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý hồ sơ xây dựng Nghị định quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua Thương mại điện tử

<b>TỔNG CỤC HẢI QUAN</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: 29152
Ngày:	11-06-2020
Chuyên:	.....
Số và ký hiệu HS:	.....

<b>TRUNG TÂM GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ ĐIỆN TỬ</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: 86.8764
Ngày:	11-06-2020
huyền:	.....
ưu hồ sơ số:	.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý hồ sơ xây dựng Nghị định quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua Thương mại điện tử. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

**1. Về báo cáo Đề án**

Đề nghị bổ sung phân đánh giá hoạt động thương mại điện tử và website thương mại điện tử bán hàng tại Việt Nam và các tổ chức cá nhân sở hữu, cung cấp dịch vụ sản giao dịch thương mại điện tử.

**2. Về báo cáo đánh giá tác động của Đề án**

Bộ Xây dựng thống nhất với Bộ Tài chính về lựa chọn Phương án 3 để triển khai thực hiện các vấn đề sau: "Sự cần thiết ban hành Nghị định: Quy định về hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan".

**3. Về Tờ trình Thủ tướng Chính phủ**

Về chính sách 4: Quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Đề nghị các bộ quản lý chuyên ngành đề xuất quy định về tên hàng, số lượng được miễn theo năm của mỗi cá nhân thực hiện việc mua hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, sau đó Bộ Tài chính cập nhật vào hệ thống.

**4. Về dự thảo Nghị định**

Đề nghị sửa đổi nội dung tại điểm d khoản 4 Điều 21 - Trách nhiệm của các Bộ, ngành như sau:

Giao các bộ quản lý chuyên ngành đề xuất quy định về tên hàng, số lượng được miễn theo năm của mỗi cá nhân thực hiện việc mua hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, sau đó Bộ Tài chính cập nhật vào hệ thống.

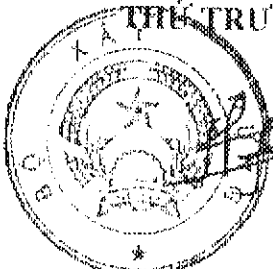
✓ (well 80)  
 4/05/20  
 4/05

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Chính phủ././ 22/

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để b/c);
- Lưu VT, VLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Sinh**

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM  
**BAN THƯỜNG TRỰC**

Số: 1025/MTTW-BTT

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua TMĐT và DM hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN theo QĐ 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2020

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐỀ SỐ: 29/03	
Ngày: 11-06-2020	
Chuyên: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HỮU	
ĐẾN SỐ: 8810	
Ngày 11-06-2020	
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Kính gửi: **Bộ Tài chính**

Phúc đáp công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính về đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua TMĐT và DM hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN theo QĐ 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020. Sau khi nghiên cứu văn bản, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Việc xây dựng và ban hành Nghị định là rất cần thiết, tạo cơ sở để quy định thủ tục hải quan cũng như việc triển khai thực hiện được đơn giản, minh bạch, công khai, thuận tiện, thống nhất, phòng chống gian lận thương mại.

2. Tuy nhiên chúng tôi đề nghị xem xét:

2.1. Hồ sơ khi làm thủ tục hải quan: đề nghị cần được xem xét đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện cho tổ chức, công dân khi làm thủ tục xuất, nhập khẩu được đơn giản và thuận tiện.

2.2. Cần có các điều khoản qui định trách nhiệm của những cán bộ, công chức hải quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác giám sát thủ tục hải quan. Theo đó, nếu có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của pháp luật thì tùy theo mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại vật chất (nếu có) hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xin gửi cơ quan soạn thảo biết, cân nhắc, bổ sung và hoàn thiện dự thảo theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường trực UB TW MT TQ VN (để b/c);
- Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính;
- Lưu VP, Ban PT.

K. h. c. 6/03  
11/06/2020



Trương Thị Ngọc Ánh



**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2709/BNV-PC

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2020

V/v góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN SỐ: 2.1365	.....
Ngày: 02-06-2020	
Chuyên: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) Chuyên: .....

Trả lời công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Bộ Nội vụ cơ bản thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định nêu trên do Bộ Tài chính chuẩn bị. Để hoàn thiện thêm hồ sơ, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, bổ sung một số nội dung sau đây:

**1. Về dự thảo Tờ trình**

Tại khoản 1 Mục V đề nghị làm rõ nguồn nhân lực, bảo đảm không tăng tổ chức, biên chế nhằm thống nhất thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

**2. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách**

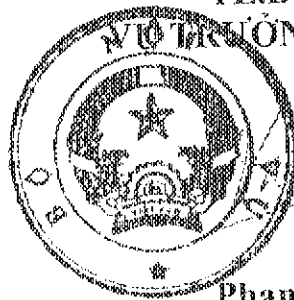
Đề nghị đánh giá tác động đối với từng chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

**TL. BỘ TRƯỞNG**



**VIỆN QUẢN LÝ VÀ PHÁP CHẾ**

Địa chỉ: Bộ Nội vụ  
Email: bonoiuvu@moha.gov.vn  
Cơ quan: Bộ Nội vụ  
Ngày ký: 29-05-2020 15:53:38 +07:00

**Phan Trung Tuấn**

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HỒ

ĐẾN SỐ: 8.305

Ngày: 02-06-2020

Chuyên: 73

Lưu hồ sơ số: 72

lưu  
216

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2075 /LĐTBXH-PC

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua TMDT và DM hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN theo QĐ 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020


TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN SỐ:.....	29131
Ngày: 11 -06- 2020	
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngày 26/5/2020, Bộ Tài chính có Công văn số 6153/BTC-TCHQ về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và Danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo QĐ 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhất trí với đề nghị xây dựng Nghị định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC

**KT BỘ TRƯỞNG  
PHỤ TRƯỞNG**  
  
*[Signature]*  
**Lê Tấn Dũng**

*le hien/*  
*11/06/20*  
*bu*

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HẠNG	
ĐẾN SỐ:.....	8818
Ngày 11 -06- 2020	
Chuyển:.....	<i>lz</i>
Lưu hồ sơ số:.....	<i>luz</i>

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH  
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 543 /THVN-VP

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép...

Kính gửi: Bộ Tài chính  
(Tổng cục Hải quan)

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN	Số: 28645
Ngày: 09-06-2020	
Chuyên: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

Đài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính đề nghị:

1. Góp ý hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Sau khi nghiên cứu, Đài Truyền hình Việt Nam nhất trí với Hồ sơ mà Bộ Tài chính đã gửi.

2. Đối với việc đề nghị rà soát danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử. Về việc này, Đài THVN không có thẩm quyền ban hành danh mục này và cũng không được giao quản lý việc cấp phép nên không rà soát danh mục này.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/cáo);
- VP (P.TC-HC&PC);
- Lưu: VT, VP.



← 6/6/20  
6/6/20  
b

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HQ	
ĐẾN	Số: 8654
Ngày 09-06-2020	
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

lưu

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**    **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1875 /BHXH-PC

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

V/v tham gia ý kiến hồ sơ xây dựng  
Nghị định về quản lý hải quan đối với  
hàng hóa XK, NK được giao dịch qua  
TMDT và DM hàng hóa được miễn  
cấp phép, điều kiện, KTCN theo QĐ  
431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN	Số: 29661
Ngày: 15-06-2020	
Chuyển: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với Dự thảo.
2. Về nội dung xây dựng danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử: Bảo hiểm xã hội Việt Nam không có nội dung liên quan đến việc xây dựng danh mục này.

Kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Việt Ánh

*Handwritten signature and date: 15/06/2020*

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÉ HC	
ĐẾN	Số: 8966
Ngày: 15-06-2020	
Chuyển: P3/P2	
Lưu hồ sơ số: .....	

60/2516 - GQL

607

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1875 /BHXH-PC

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

V/v tham gia ý kiến hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua TMĐT và DM hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, KTCN theo QĐ 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số:.....52092.....
Ngày:	12-06-2020
Chuyên:	TCTD
Số và ký hiệu HS:	.....

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN	Số:.....2966A.....
Ngày:	15-06-2020
Chuyên:	26 tháng 5 năm 2020
Số và ký hiệu HS:	.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử và danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có ý kiến như sau:

- Về dự thảo hồ sơ xây dựng Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với Dự thảo .
- Về nội dung xây dựng danh mục hàng hóa được miễn cấp phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành khi giao dịch qua thương mại điện tử: Bảo hiểm xã hội Việt Nam không có nội dung liên quan đến việc xây dựng danh mục này.

Kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu. VT, PC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đào Việt Ánh**

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VE HI	
ĐẾN	Số:.....
Ngày	16-06-2020
Chuyên:	14
Lưu hồ sơ số:	.....

Lưu  
16.6  
20

Số: 1020 /PTM-PC

Vv góp ý Dự thảo Nghị định về thủ tục  
hải quan với hàng thương mại điện tử

Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 2020

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐỀ T. SỐ: 54475

Ngày: 08-07-2020

Chuyên: .....

2020 của Bộ Tài chính

Số ký hiệu HS: .....

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỆ HỌ

ĐẾN Số: 10127

Ngày: 08-07-2020

Chuyên: P3

Lưu hồ sơ số

Kính gửi: Tổng cục Hải quan – Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 6153/BTC-TCHQ ngày 26/05/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý Dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử (sau đây gọi tắt là Dự thảo),

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) sau khi tham vấn một số doanh nghiệp, chuyên gia, có ý kiến như sau:

### 1. Thông tin về đơn hàng

Dự thảo đưa ra cơ chế các cá nhân, tổ chức thương mại điện tử sẽ cung cấp thông tin về đơn hàng cho Hệ thống để phục vụ hoạt động hải quan. Điều 3.1 của Dự thảo cũng đã giải thích khái niệm thông tin về đơn hàng. Tuy nhiên, khái niệm này vẫn còn rất chung chung và chưa thể áp dụng trực tiếp.

Các doanh nghiệp thương mại điện tử quan tâm đến việc Hệ thống của cơ quan hải quan sẽ cần những trường thông tin nào để các doanh nghiệp này chuẩn bị, chuẩn hoá cơ sở dữ liệu nhằm cung cấp một cách tốt nhất đến cho Hệ thống. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung một phụ lục tại Nghị định này, quy định rõ về các trường dữ liệu và quy cách dữ liệu mà Hệ thống cần có để các doanh nghiệp chuẩn bị đáp ứng. Trong trường hợp chưa thể đưa ngay vào Nghị định thì cần giao Bộ Tài chính hướng dẫn ở cấp Thông tư.

### 2. Xây dựng và vận hành Hệ thống

Việc xây dựng và vận hành Hệ thống thời gian đầu chắc chắn sẽ gặp nhiều vấn đề phát sinh, do đây là quy trình quản lý mới, mô hình kinh doanh trên thị trường biến đổi rất nhanh. Do đó, cơ chế tiếp nhận đánh giá của người dùng và phản hồi các đánh giá đó rất quan trọng, giúp cơ quan hải quan có thể nhanh chóng phát hiện bất cập và điều chỉnh Hệ thống cho phù hợp. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung một số quy định về cơ chế đánh giá, nhận xét của người dùng và phản hồi, cụ thể như sau:

- Hệ thống có chức năng tiếp nhận đánh giá, phản hồi, góp ý của người dùng

K/ Cục BS&L  
08/07/20

Cam

- Cơ quan Hải quan phải trả lời về việc tiếp thu hay không tiếp thu các góp ý về Hệ thống này trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được.
- Những góp ý và trả lời này phải được tổng hợp và báo cáo định kỳ cho lãnh đạo Tổng cục Hải quan phụ trách Hệ thống này.

### **3. Trách nhiệm cung cấp thông tin**

Điều 11 của Dự thảo quy định nhiều đơn vị cung cấp thông tin cho Hệ thống và xử lý trường hợp có sự mâu thuẫn về thông tin do các đơn vị khác nhau cũng cấp. Tuy nhiên, các quy định này chưa thực sự tường minh và cụ thể. Đây là vấn đề cần được xử lý tương đối kỹ nhằm xác định trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực. Trong trường hợp cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hoá và phát hiện ra các thông tin ban đầu không chính xác thì việc xác định trách nhiệm của các đơn vị cung cấp thông tin chưa được làm rõ. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về việc xác định trách nhiệm của các bên khi thông tin được cung cấp cho Hệ thống không chính xác.

### **4. Tờ khai hải quan và kiểm tra tờ khai hải quan**

Điều 13 của Dự thảo quy định người khai hải quan phải thực hiện tờ khai hải quan và gửi lên Hệ thống. Hệ thống sẽ so sánh tờ khai với thông tin về đơn hàng đã được gửi đến trước đó. Trên thực tế, hàng hoá mua qua hình thức thương mại điện tử thường là hàng tiêu dùng, người mua là cá nhân đơn lẻ. Các cá nhân này cũng chỉ tiếp nhận thông tin về hàng hoá do sàn, website thương mại điện tử cung cấp, chứ không có thông tin gì khác. Như vậy, quy trình được thiết kế trong dự thảo sẽ dẫn đến tình trạng người khai hải quan phải mất công khai lại những thông tin mà cơ quan hải quan đã biết, và được cung cấp chung từ một nguồn tin. Đây là sự lãng phí không cần thiết. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc điều chỉnh lại quy trình khai và nộp tờ khai hải quan như sau:

- Hệ thống tự động sử dụng các thông tin về đơn hàng được gửi đến từ trước để điền vào các trường thông tin trên tờ khai hải quan.
- Người khai hải quan điền nốt những thông tin còn thiếu trên tờ khai hải quan và xác nhận những thông tin đã được điền sẵn. Trong trường hợp người khai hải quan phát hiện những thông tin được điền sẵn không chính xác thì thông báo lại cho Hệ thống.

Cơ chế như vậy vừa tạo thuận lợi cho người khai hải quan vừa tránh sai sót, nhầm lẫn trong quá trình nhập thông tin.

## **5. Kiểm tra thực tế hàng hoá**

Việc kiểm tra thực tế hàng hoá khi có phát hiện nghi ngờ và theo nguyên tắc quản lý rủi ro là cần thiết và hợp lý. Tuy nhiên, việc này sẽ làm phát sinh thời gian vận chuyển, giao nhận hàng hoá. Nhiều trường hợp hàng hoá thương mại điện tử được vận chuyển theo hình thức chuyển phát nhanh. Nếu phát sinh việc kiểm tra thực tế hàng hoá có thể khiến doanh nghiệp dịch vụ chậm giao hàng và phải bồi thường cho khách hàng. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm quy định theo hướng: Trong trường hợp cần kiểm tra thực tế hàng hoá thì cơ quan hải quan phát thông báo bằng văn bản hoặc bằng phương tiện điện tử cho người làm thủ tục. Khi đó, người làm thủ tục có thể dùng thông báo chính thức này của cơ quan hải quan để thông báo đến cho người nhận hàng về sự chậm trễ giao hàng, cũng như làm căn cứ trường hợp bất khả kháng trong hợp đồng vận chuyển, giao nhận hàng hoá.

## **6. Xác định trị giá hải quan trong trường hợp hàng khuyến mãi, giảm giá**

Khác với xuất nhập khẩu thông thường, đối với việc mua hàng qua các website thương mại điện tử thì sẽ có nhiều trường hợp hàng hoá có khuyến mãi, giảm giá. Theo lo ngại của nhiều doanh nghiệp, trong những trường hợp như vậy thì có thể nảy sinh tranh chấp với cơ quan hải quan về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo hướng dẫn rõ về việc xác định trị giá hải quan trong trường hợp hàng hoá có khuyến mãi, giảm giá.

## **7. Các trường hợp không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành**

Điều 20.2.a quy định trường hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có thông báo gửi đến Tổng cục Hải quan hàng hoá không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành. Điều 20.4 quy định không áp dụng các trường hợp miễn giấy phép, miễn điều kiện, miễn kiểm tra chuyên ngành khi bộ quản lý ngành, lĩnh vực có cảnh báo về an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây nguy hại cho sức khoẻ, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, cho an ninh quốc gia hoặc có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra chuyên ngành trước thông quan.

Việc đưa ra các trường hợp không được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành là cần thiết, nhằm bảo đảm các lợi ích công cộng trong nước. Tuy nhiên, dự thảo không xác định cơ chế, trình tự, thủ tục, hiệu lực của các lệnh không



cho miễn kiểm tra chuyên ngành. Điều này có thể tạo ra sự tùy tiện khi áp dụng và ảnh hưởng lớn đến hoạt động lưu thông hàng hoá.

Ví dụ, xét trường hợp một món hàng có giá trị 500.000 đồng đã trên đường vận chuyển hoặc về đến kho ngoại quan. Người nhập khẩu tin rằng món hàng này được miễn kiểm tra nên mới đặt lệnh mua. Tuy nhiên, nếu cơ quan quản lý đột ngột đưa lệnh dừng chế độ miễn kiểm tra thì món hàng đó sẽ phải kiểm tra trước khi thông quan. Đối với nhiều các dịch vụ kiểm tra chuyên ngành thì phí dịch vụ đánh giá sự phù hợp có thể lớn hơn giá trị của món hàng rất nhiều. Ví dụ, chi phí dịch vụ thử nghiệm mẫu hàng hoá đó thấp nhất đã là 1 triệu đồng/mẫu. Như vậy sẽ dẫn đến khả năng người mua bỏ hàng, không nhận, dù hàng đó có thể vẫn đáp ứng quy chuẩn, điều kiện để nhập khẩu, nhưng chi phí để chứng minh điều đó lớn hơn giá trị món hàng.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo đưa ra nguyên tắc của việc ban hành các thông báo, cảnh báo không cho phép miễn kiểm tra chuyên ngành theo hướng chặt chẽ hơn, cụ thể:

- Danh sách các mặt hàng trị giá dưới 1 triệu đồng phải kiểm tra phải được ban hành ngay trong Nghị định này, tương tự như danh sách mặt hàng trị giá trên 1 triệu đồng được miễn kiểm tra tại Phụ lục II.
- Trường hợp có cảnh báo của cơ quan quản lý chuyên ngành theo hướng thêm các trường hợp phải kiểm tra thì thông báo cần nêu rõ về thời điểm bắt đầu áp dụng, nhưng không sớm hơn 30 ngày kể từ ngày ra cảnh báo và không áp dụng cho các đơn hàng đã gửi thông tin đến cho Hệ thống.

#### **8. Xác định các trường hợp hàng hoá trị giá trên 1 triệu đồng được miễn kiểm tra**

Điều 20.2.b của Dự thảo đưa ra Phụ lục II về các trường hợp miễn kiểm tra hàng hoá trên 1 triệu đồng theo đề nghị của cơ quan quản lý chuyên ngành. Trên thực tế, các cơ quan quản lý chuyên ngành thường không có động lực để chủ động đề xuất đưa hàng hoá do mình quản lý vào diện miễn kiểm tra. Hơn nữa, cả cơ quan hải quan và cơ quan quản lý chuyên ngành hiện cũng không có cơ sở, căn cứ để đề xuất mức hàng hoá nào sẽ được miễn.

VCCI cho rằng, bản chất của việc miễn kiểm tra hàng hoá giao dịch thương mại điện tử là do giá trị của hàng nhỏ so với chi phí kiểm tra. Do đó, đề nghị cơ quan hải quan khảo sát chi phí dịch vụ kiểm tra các loại hàng hoá tại các đơn vị

đánh giá sự phù hợp. Sau đó, đưa ra tỷ lệ giá trị hàng trên chi phí kiểm tra để làm cơ sở trao đổi với các cơ quan quản lý chuyên ngành về việc xác định ngưỡng số lượng/giá trị hàng được miễn kiểm tra. Ví dụ, đối với mặt hàng A, mức phí thấp nhất để kiểm tra mặt hàng đó do các đơn vị đánh giá sự phù hợp thực hiện là 500 nghìn đồng, thì có thể đề xuất ngưỡng giá trị được miễn kiểm tra là 1 triệu đồng (gấp 2 lần). Đối với mặt hàng B có chi phí kiểm tra là 2 triệu đồng thì đề xuất ngưỡng giá trị miễn kiểm tra là 4 triệu đồng (có thể quy đổi từ ngưỡng giá trị sang ngưỡng số lượng/định lượng). Sử dụng phương pháp như vậy, cơ quan hải quan có thể đề xuất ngưỡng định lượng hàng hoá phải kiểm tra, sau đó trao đổi với cơ quan quản lý chuyên ngành để thống nhất con số cụ thể, đưa vào phụ lục Nghị định.

Trên đây là một số ý kiến ban đầu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về *Dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử*. Rất mong quý Cơ quan cân nhắc.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan. /s/

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Chủ tịch Vũ Tiến Lộc (để báo cáo);
- Lưu VT, PC.

